

MỤC LỤC

TEDY, HUNG THẦN CỦA CÁC THIẾU NỮ.....	2
TÊN GIẾT NGƯỜI BÍ ẨN.....	18
SÁT THỦ BÓP CỔ Ở THÀNH BOSTON.....	39
SÁT NHÂN CỦA BÓNG ĐÊM.....	64
TỘI ÁC CỦA ZODIAC.....	76
NGHỆ THUẬT CỦA PHÁP Y.....	100
VỤ XỬ TOMMY SUHARTO	115

TEDY, HUNG THẦN CỦA CÁC THIẾU NỮ

Tại công viên McKenny, Washington, người ta bất ngờ phát hiện xác một thiếu nữ 15 tuổi, người vừa mất tích trước đó 10 ngày. Cô gái bị hiếp, bị hành hạ cho đến chết. Cô là nạn nhân đầu tiên của Ted Bundy - kẻ sau đó nổi danh trong lịch sử các vụ án hình sự, thủ phạm của hàng loạt vụ giết người trên toàn nước Mỹ trong những năm 1973-1978.

Nạn nhân tên Kathy Devine biến mất ngày 25/11/1973, khi đang đón xe đi Oregon. Theo giám định pháp y, cô bị sát hại sau khi rời nhà không lâu. Hung thủ đã bóp cổ, hãm hiếp và cắt cổ cô gái. Cảnh sát hầu như không tìm thấy dấu vết nào lưu lại tại hiện trường...

Một tháng sau, đến lượt cô gái xinh đẹp Joni Lenz bị giết bằng cách tương tự. Chiều 4/1/1974, những người bạn của Lenz phát hiện cô nằm hôn mê trên giường, máu vẫn đang chảy ra từ đầu và mặt. Cô được đưa tới bệnh viện với vết thương nặng trên đầu...

Ngày 31/1/1974, Lynda Ann Healy không đến dự bữa ăn tối với gia đình. Mọi người bắt đầu thấy lo lắng. Cô sinh viên xinh đẹp này sống cùng vài bạn bè trong một căn hộ. Cảnh sát kiểm tra rất kỹ phòng ở của cô và phát hiện ra một điều khá lạ lùng: Trên chiếc gối đã mất lần vỏ ngoài có nhiều vết máu. Hai người bạn của cô khẳng định, chiếc giường được dọn dẹp cẩn thận, hoàn toàn trái ngược với tính cách của Healy. Trong ngăn tủ riêng, cảnh sát tìm thấy chiếc áo ngủ cô thường mặc dính đầy máu ở cổ. Ngoài ra, phòng còn mất một số đồ đạc khác như tấm khăn trải giường, ba lô và vài bộ quần áo.

Phải chăng kẻ nào đó đã lẻn vào nhà, đánh Lynda bất tỉnh, dọn giường cẩn thận, rồi đem nạn nhân đi sau khi đã thay quần áo cho cô? Cảnh sát không tin lắm vào giả thuyết điên rồ đó. Họ không tiến hành các biện pháp khám nghiệm pháp y tại phòng của

Lynda vì tin rằng sẽ tìm thấy cô. Thực tế lại không diễn ra như vậy và quá trình điều tra trở nên bế tắc.

Trong suốt mùa xuân và mùa hè năm đó, tại các bang Utah, Oregon và Washington, thêm 7 nữ sinh khác biến mất, không để lại dấu vết nào. Các vụ mất tích có nhiều tình tiết giống nhau, như nạn nhân đều là người da trắng, độc thân, xinh xắn, dáng người thon thả, tóc dài chải ngôi giữa, và đều mặc áo ngủ, biến mất vào buổi tối. Nhân chứng cho hay, nơi mà các cô gái xuất hiện lần cuối luôn có mặt một người đàn ông lạ, bị bó bột ở tay hoặc chân. Anh ta tìm cách tiếp cận và hỏi han họ về những cuộn sách, hoặc nhờ họ giúp khởi động chiếc xe VW của mình.

Tiếp đó, tháng 8/1974, cảnh sát tìm thấy xác một số cô gái mất tích tại hồ Sammamish, trong công viên quốc gia bang Washington. Hai người trong số họ được nhận diện là Janice Ott và Denise Naslund. Đó là một cố gắng lớn của pháp y vì những gì còn lại chỉ là vài mẩu tóc, những mảnh xương đùi, xương sọ và một phần xương hàm.

Những người lần cuối nhìn thấy Ott cho biết, lúc ấy có một người đàn ông trẻ tuổi khá điển trai, tay bị bó bột, tiến tới phía cô. Anh ta giới thiệu tên mình là Ted, và nhờ Ott giúp đưa chiếc thuyền của mình lên nóc ô tô.

Còn Denis Naslund mất tích vào một buổi chiều, khi cô đi chơi cùng bạn trai và một số người khác. Cô vào nhà vệ sinh trong công viên và không bao giờ quay lại. Buổi chiều hôm đó, ở đây xuất hiện một người đàn ông bị bó bột ở tay. Anh ta cũng nhờ cô giúp chuyển chiếc thuyền lên nóc xe. Cô gái tốt bụng Denis đã nhận lời giúp đỡ con người có vẻ ngoài dễ thương này.

Louis Smith, cảnh sát trưởng hạt Midvale, bang Utah, có cô con gái 17 tuổi, Melissa, rất xinh xắn. Với kinh nghiệm làm cảnh sát của mình và tình yêu của người cha, ông thường cảnh báo cô về sự nguy hiểm của thế giới bên ngoài. Song tất cả đều trở nên vô ích. Ngày 18/10/1974, Melissa mất tích. Xác cô được tìm thấy 9 ngày sau đó, và giống như các nạn nhân khác, cô bị bóp cổ, hãm hiếp...

13 ngày sau, vào lễ Halloween, Laura Aime, 17 tuổi, biến mất. Người ta tìm thấy thi thể cô vào ngày Lễ tạ ơn, bên bờ một con sông nhỏ, tại vùng núi Wasatch. Kẻ giết người đã lấy xà beng, loại chuyên dùng để bật nắp các thùng hàng bằng gỗ, đánh vào

đầu và mặt Aime. Sau đó, hắn hãm hiếp và giết chết cô. Điều tra pháp y cho thấy, cô bị giết ở một nơi khác trước khi bị vớt ra bờ sông. Ngoài xác của nạn nhân, cảnh sát không tìm được chứng cứ nào khác.

Những vụ giết người có tình tiết giống nhau thu hút sự chú ý của cảnh sát bang Utah, họ quyết định phối hợp với các thám tử của bang Oregon và Washington. Giả thuyết đặt ra là chỉ có một thủ phạm duy nhất. Căn cứ vào nguồn tin của các nhân chứng, họ dựng lên được chân dung của tên giết người với tên gọi là "Ted".

Tối 8/11/1974, tại một quầy bán sách ở Utah, một người đàn ông lạ mặt khá đẹp trai tiến tới gần Carol DaRonch, nữ sinh 18 tuổi. Anh ta tự xưng là sĩ quan cảnh sát Roseland và thông báo có kẻ tìm cách ăn trộm chiếc xe VW của cô, rồi yêu cầu Carol ra bãi đỗ xe.

Carol kiểm tra và thấy mọi thứ vẫn ở nguyên chỗ cũ. Người đàn ông tỏ ra không hài lòng với câu trả lời của cô về tình trạng chiếc xe, và muốn cô tới đồn cảnh sát. Carol nghi ngờ, yêu cầu anh ta cho xem thẻ cảnh sát. Người đàn ông giơ thẻ ra rồi vụt cất đi và yêu cầu Carol lên xe.

Anh ta lái xe khá nhanh, nhưng lại ngược với hướng đường tới đồn cảnh sát. Carol cảm thấy sợ. Người đàn ông đột ngột dừng xe, chộp lấy tay cô và khóa lại bằng chìa còng số 8. Cô gái gào thét kêu cứu thì gã côn đồ lấy ra một khẩu súng ngắn và dọa giết nếu cô không im lặng. Hắn bắt Carol ra khỏi xe, rồi dựng cô dậy, tay lăm lăm chiếc xà beng nhỏ dùng để bậy nắp thùng, chuẩn bị quật vào đầu cô. Vào thời khắc khủng khiếp nhất, cô gái đủ nhanh trí đá vào bộ hạ kẻ lạ mặt và vùng chạy thoát. Cô chạy về hướng đường cái và được một đôi vợ chồng đang đi xe qua đó đưa tới đồn cảnh sát.

Hai tay còn nguyên trong còng số 8, cô nức nở kể lại câu chuyện. Nhưng tại sở cảnh sát không có ai tên là Roseland. Cảnh sát ngay lập tức bao vây khu vực xảy ra vụ án, nhưng kẻ giả mạo đã “cao chạy xa bay”. Dù sao, cảnh sát cũng đã có miêu tả nhân dạng, chiếc xe ô tô và dấu máu của hung thủ khi xô sát với Carol.

Cùng tối đó, nữ sinh Jean Graham đang bận rộn chuẩn bị cho một vở kịch tại trường trung học Viewmont thì một người đàn

ông trẻ tuổi đẹp trai tiến lại phía cô. Anh ta nhờ cô nhận diện một chiếc xe ô tô. Vì quá bận cô đã từ chối. Một lúc sau người đàn ông quay lại và nhờ cô giúp đỡ. Jean thấy lo ngại trước vẻ kỳ lạ của anh ta. Tuy nhiên, cô sớm quên đi cảm giác đó và tiếp tục công việc. Nhưng chỉ một lát sau, cô đã lại nhìn thấy người đàn ông sau cánh gà sân khấu. Jean tự nhủ không rõ hẳn muốn gì.

Debby Kent đến xem buổi biểu diễn đêm đó cùng cha mẹ. Cô về sớm hơn dự định để đón anh trai ở khu chơi bowling. Kent nói với cha mẹ rằng sẽ nhanh chóng quay lại để đón họ, nhưng cô không bao giờ quay trở lại. Thực tế, cô đã không tới được chiếc xe của mình ngoài bãi đỗ. Tại khu vực Kent mất tích, cảnh sát chỉ tìm thấy chiếc chìa khoá dùng để mở còng số 8 đã khoá tay Carol, cùng với thông tin về một chiếc VW.

Ngày 12/1/1975, Caryn Campbell và bạn trai là Raymond Gadowski cùng 2 con của anh lên xe đi picnic tại Colorado. Caryn hy vọng sẽ có một kỳ nghỉ thú vị cùng với 2 đứa trẻ trong khi Raymond dự một cuộc hội thảo tại đó. Khi đang nói chuyện với mọi người tại phòng khách lớn khách sạn, Caryn chợt nhớ đã để quên một quyển tạp chí trên phòng và quay lại. Cô biến mất từ đó. Cảnh sát lục tìm mọi góc ngách của khách sạn nhưng không phát hiện dấu vết khả nghi nào. Phải một tháng sau, thi thể lỏa lồ của cô mới được tìm thấy, cách khách sạn nơi cô nghỉ vài kilomet. Giống như nhiều nạn nhân khác tại Washington, Oregon và Utah, Caryn bị quật nhiều lần vào đầu. Tại hiện trường, cảnh sát không tìm thấy chứng cứ nào. Báo cáo của pháp y khẳng định, cô bị giết chỉ vài giờ sau khi mất tích.

Vài tháng sau khi tìm ra thi thể của Caryn Campbell, cảnh sát phát hiện xác của Brenda Ball. Đây là một trong bảy phụ nữ đã biến mất trong mùa hè đó. Kẻ giết người đã dùng một vật tày đập vào đầu cô.

Rồi liên tiếp, họ tìm ra xác của các nạn nhân Susan Rancourt, Lynda Ann Healy và một người khác. Tất cả đều bị đánh vào đầu bằng một vật tày, nhiều khả năng là một chiếc xà beng chuyên để bẫy nắp thùng gỗ.

Vùng núi Taylor trở thành chốn quen thuộc của "Ted sát thủ". Xác của 5 người phụ nữ được tìm thấy có một kiểu chết tương tự. Và họ vẫn chưa phải là nạn nhân cuối cùng của Ted.

Ngày 16/8/1975, Bob Hayward, cảnh sát trên đường cao tốc Utah đang đi tuần tra tại khu vực ngoại vi hạt Salt Lake thì phát hiện một chiếc VW. Anh chưa bao giờ thấy chiếc xe đó nơi khu vực mình quản lý. Khi Bob bật đèn để xem xét kỹ hơn biển số thì người lái xe liền tắt đèn pha trước và tăng tốc. Ngay lập tức, Hayward đuổi theo.

Sau vài phút, anh đuổi kịp chiếc xe. Khi kiểm tra, Bob cùng đồng đội thấy ghế xe sau chiếc xe đã bị tháo bỏ, bù vào đó là chiếc xà beng bẩy nắp thùng, mặt nạ trượt tuyết, dây thừng, một vài chiếc công số 8, dây điện và một cái cào để móc đá. Tất cả vứt chổng chơ trong xe. Người lái xe, tên Theodore Robert Bundy, lập tức bị bắt. Anh ta bị nghi ngờ ăn trộm.

Kẻ bị bắt trong chiếc xe VW, Theodore Robert Bundy, có tên gọi tắt là Ted Bundy. Tình tiết này lập tức dẫn cảnh sát tới nghi vấn, phải chăng hấn chính là "Ted hung thủ" mà lâu nay họ tìm kiếm. Carol DaRonch, cô gái may mắn thoát khỏi tay kẻ giết người, được mời đến nhận diện.

Ngày 2/10/1975, Carol DaRonch cùng với Jean Graham và một người bạn của Debby Kent được gọi tới để nhận diện 7 người bị tình nghi, trong đó có Ted Bundy. Ngay lập tức, Carol nhận ra Ted. Hai người còn lại cũng khẳng định chính Ted là kẻ đã lãng vãng tại nơi bạn họ mất tích.

Thông tin trên cho phép cảnh sát nhận định rằng, những gì mà họ nghi ngờ có thể là sự thật.

Ngày 16/9/1975, bạn gái của Ted Bundy, Meg, được gọi tới Đội Điều tra tội phạm của hạt King, bang Washington. Rất căng thẳng và lo sợ, song Meg vẫn cung cấp cho cảnh sát nhiều tin tức quý giá. Cô cho biết, Ted có thói quen ngủ ban ngày và ra khỏi nhà vào ban đêm. Vào những đêm xảy ra các vụ giết người, cô không rõ Ted đi đâu và không liên lạc được với hấn. Cô cho biết, từ khoảng một năm trở lại đây, nhu cầu tình dục của Ted đột ngột suy giảm. Mỗi khi có nhu cầu, hấn thường trối cô lại trước khi quan hệ. Hấn rất bức tức nếu cô không chịu thực hiện những ham muốn kỳ quái của mình.

Những buổi thẩm vấn sau đó, Meg cho các điều tra viên biết, Ted có đề thạch cao, thứ dùng để bó bột, trong phòng của mình ở Paris. Cô cũng nhìn thấy gã bạn tình để một chiếc rìu nhỏ trong xe hơi. Cũng nhờ Meg, cảnh sát xác định được rằng, Ted đã tới công

viên Sammamish vào thời điểm hai cô gái Janice Ott và Denise Naslund biến mất ở đây.

Quá trình điều tra sau đó đã giúp cảnh sát có thêm những bằng chứng cần thiết để đưa Ted ra tòa vào ngày 23/2/1976, về hành vi bắt cóc Carol DaRonch.

Việc xét xử được tiến hành trong khi cảnh sát tiếp tục tìm thêm thông tin liên quan tới cái chết của Caryn Campbell và Melissa Smith. Họ phát hiện những mẫu tóc của hai nạn nhân trong xe của Ted. Kích thước của chiếc xà beng tìm thấy trong chiếc VW cũng tương ứng với vết thương trên đầu Caryn Campbell. Với những chứng cứ đó, bang Colorado mở thêm một phiên tòa ngày 22/10/1976, xét xử Ted về tội danh giết Campbell.

Tuy nhiên, động cơ giết người của tên sát thủ vẫn còn là điều bí ẩn. Và các điều tra viên bắt đầu lần lại cuộc đời hắn, từ kết luận của bác sĩ tâm thần: "Ted sợ bị làm nhục trong các mối quan hệ với phụ nữ".

Những năm thơ ấu

Sau những tháng an thai cuối cùng tại một bệnh viện ở Burlington, Vermont, ngày 24/11/1946, Eleanor Louise Cowell, 22 tuổi, chưa chồng, quê Philadelphia, bang Pennsylvania, sinh ra Theodore Robert Cowell. Ted (tên gọi tắt của Theodore) không hề biết tới cha đẻ của mình - Lloyd Marshall, một cựu chiến binh Mỹ. Bởi ông bà ngoại đứa bé đã nhận nó là con mình, để che tiếng xấu không chồng mà chữa của con gái. Trong khi đó, Lloyd vẫn về sống như vợ chồng với Eleanor, và người ngoài hiểu rằng họ là "anh chị" của Ted.

Lên 4 tuổi, Ted cùng Eleanor tới Tacoma Washington, sống với một số người họ hàng. Ted đổi tên thành Theodore Robert Nelson, còn "cô chị gái" Eleanor đổi thành Louise Cowell. Một năm sau, Louise Cowell kết hôn với anh đầu bếp Johnnie Culpepper Bundy. Ted sau này đã gắn họ Bundy vào tên của mình.

Louise và Johnnie có 4 con chung, và Ted, ngày ngày sau giờ học phải ở nhà chăm sóc các "cháu". Ted không bao giờ quý mến bố dượng mặc dù ông rất cố gắng chứng minh tình cảm của mình. Hắn luôn nghĩ mình là người thuộc dòng họ Cowell chứ không

phải Bundy. Người duy nhất hắn chịu nghe lời là ông bố, mà thực chất là ông ngoại, sống tại Pennsylvania.

Khi còn bé, Ted rất nhút nhát. Hắn là cái đích để những bạn học lớn hơn bắt nạt và trêu chọc. Tuy vậy, Ted luôn có thứ hạng cao trong lớp về học tập và hắn giữ vững “phong độ” ấy đến hết đại học. Bạn học cùng trường phổ thông với Ted cho biết, hắn “ăn mặc gọn gàng và cư xử rất tốt với người khác”. Trong thời gian là học sinh phổ thông và sinh viên đại học, Ted không hề hẹn hò với các cô gái. Hắn chỉ tập trung vào môn trượt tuyết và nghiên cứu chính trị - môn học ưa thích của mình.

Năm 1965, Ted tốt nghiệp phổ thông và giành được một suất học bổng tại Đại học Puget Sound. Năm 1966, hắn chuyển sang Đại học Washington và bắt đầu học tiếng Trung Quốc một cách say mê. Để có tiền học, Ted làm nhiều việc khác nhau như hầu bàn và giữ giày tại các quán hàng. Việc làm thêm của hắn thay đổi thường xuyên, còn học hành thì vẫn “ngon lành”. Ted liên tục giữ thứ hạng cao trong trường.

Mùa xuân năm 1967, mối tình đầu đời đã làm thay đổi cuộc đời Ted.

Stephanie Brooks, cô gái xinh đẹp, tinh tế, con của một gia đình danh giá và giàu có ở California, trở thành hình mẫu lý tưởng thường trực trong tâm trí Ted lúc đó. Bởi hắn không thể tưởng tượng được rằng có một người thuộc tầng lớp cao như vậy trong xã hội lại quan tâm tới mình.

Hai người có nhiều điểm khác biệt, song cùng chung sở thích là trượt tuyết. Và đây là lý do làm họ phải lòng nhau. Ted và Stephanie dành nhiều thời gian ở bên nhau để đi trượt tuyết, đi dạo và ăn tối. Tuy nhiên, Stephanie không yêu Ted nhiều như hắn nghĩ. Cô cho rằng bạn trai của mình không có mục tiêu rõ ràng trong tương lai, cô không nghĩ sẽ lấy hắn làm chồng.

Năm 1968, khi tốt nghiệp Đại học Washington, Stephanie cắt đứt quan hệ với Ted. Về phần mình, Ted không sao gượng lại nổi sau cú sốc đó. Không gì có thể làm Ted thích thú và cuối cùng hắn bỏ học. Tình yêu đầu đời không thành làm hắn có cảm giác cả thế giới sụp đổ. Hắn cố gắng giữ liên lạc với Stephanie bằng cách viết thư, nhưng cô từ chối duy trì quan hệ cũ. Sau này, nhiều người cho rằng khi làm điều đó, Stephanie không hề biết cô đã gây

ra sự mất cân bằng trong đầu óc Ted mà tiếp đó là một loạt sự kiện làm nước Mỹ rung mình.

Năm 1969, lần đầu tiên Ted biết "chị gái" chính là mẹ thật của mình và "bố mẹ" của hắn thì thực ra là ông bà ngoại. Mọi thứ như đảo lộn, từ một kẻ hay ngượng và hướng nội, Ted trở nên lạnh lùng, cương quyết và tàn bạo. Hắn muốn chứng tỏ bản thân mình với cả thế giới, đặc biệt là với Stephanie - người phụ nữ đầu đời của hắn.

Ted cho rằng mình có một sứ mạng thiêng liêng. Hắn đăng ký học trở lại tại khoa tâm lý, đại học Washington, trở thành sinh viên xuất sắc trong bộ môn này và được nhiều thầy cô yêu mến. Trong thời gian này, Ted gặp Meg Anders, một nữ thư ký, người gắn bó với hắn trong suốt 5 năm tiếp theo. Meg là người khiêm tốn và ít nói. Cô đã qua một đời chồng, có một con gái và thực sự muốn gây dựng lại cuộc sống lứa đôi. Cô yêu Ted ngay từ cái nhìn đầu tiên và muốn lấy hắn. Tuy nhiên, Ted chưa sẵn sàng để lập gia đình vào lúc đó vì thấy rằng còn quá nhiều thứ phải làm trong đời.

Meg biết rõ Ted không yêu cô như cô mong muốn. Nhiều lần, Ted còn công khai lừa dối với những người phụ nữ khác trước mặt cô. Tuy nhiên, cô nghĩ đến một lúc nào đó, hắn sẽ nghĩ lại và cưới cô làm vợ. Điều mà cô không biết là mối tình đầu của Ted vẫn còn rất sâu đậm. Ted từng nói với một người bạn thân của mình rằng: "Stephanie là người đàn bà duy nhất mà tôi yêu. Và tôi không cảm thấy như vậy với Meg".

Bên ngoài, cuộc sống của Ted trong giai đoạn 1969-1972 dường như ngày càng trở nên tốt đẹp hơn. Hắn tỏ ra lạc quan và tin tưởng vào tương lai. Hắn gửi đơn xin học tại khoa luật của nhiều trường đại học, và trong cùng thời gian đó tham gia các sinh hoạt chính trị. Hắn tham gia cổ động tranh cử cho một cựu thống đốc của bang Washington. Trong vị trí ấy, Ted có cơ hội tạo quan hệ với những người có thế lực trong Đảng Cộng hoà. Hắn thậm chí còn được sở cảnh sát Seattle tuyên dương vì đã cứu sống một bé trai 3 tuổi suýt chết đuối trong một hồ nước. Mọi thứ dường như đang đi đúng hướng, và hắn rất hài lòng về con đường mà mình chọn.

Năm 1973, trong một chuyến công du tới California cho Đảng Cộng hoà, Ted gặp lại Stephanie Brooks. Stephanie rất ngạc nhiên về sự chuyển biến của Ted. Hắn tỏ ra chắc chắn hơn nhiều so với thời đại học. Sau cuộc gặp gỡ này, họ đã quay lại với nhau,

và Meg không hề biết chuyện đó. Trong suốt mùa thu và đông tiếp theo, Ted nhiều lần đề nghị Stephanie làm đám cưới.

Nhưng rồi cũng nhanh và đột ngột như khi 2 người gặp lại nhau, Ted bỗng trở nên lạnh lùng và chán nản. Dường như chỉ trong vài tuần hắn đã không còn yêu Stephanie nữa. Điều đó làm cô rất ngạc nhiên và đau khổ. Tháng 2/1974, không một lời giải thích hay báo trước, Ted chấm dứt mọi liên lạc với Stephanie. Đến lúc này, cô mới hiểu rằng kế hoạch báo thù của Ted đã thành công. Hắn từ bỏ cô như có lúc cô đã phũ phàng bỏ rơi hắn, họ không bao giờ gặp lại hay nhận được tin tức của nhau nữa.

Tháng 4/1977, Ted được chuyển tới tòa án hạt Garfield cũng thuộc bang Colorado. Công luận muốn hắn phải đền tội. Tuy nhiên, kẻ giết người đã kịp làm việc mà không ai ngờ: bỏ trốn và tiếp tục gây ra những vụ giết người ngày càng tàn bạo, dã man hơn.

Trong quá trình chuẩn bị cho phiên tòa, vì không tin vào luật sư nên Ted đã tự bào chữa. Hắn tỏ ra tin tưởng vào thành công trong vụ xử, mà theo kế hoạch được tiến hành vào ngày 14/11/1977. Vì phải nghiên cứu nhiều tài liệu tại thư viện luật ở Aspen để chuẩn bị cho vụ xử, hắn được phép ra khỏi phòng giam dưới sự giám sát của cảnh sát. Mọi người không hề biết rằng Ted đang âm mưu chạy trốn.

Ngày 7/6, trên đường tới phòng đọc sách của thư viện nằm bên trong tòa án, Ted nhảy từ cửa sổ xuống đất. Hắn bị thương ở mắt cá chân, nhưng vẫn trốn thoát. Vì không hề bị khóa chân tay nên Ted dễ dàng nhập vào rừng người ở Aspen.

Cảnh sát Aspen ngay lập tức chặn các ngã đường xung quanh thành phố, tuy nhiên, Ted đủ khôn ngoan để tìm ra chỗ ẩn náu an toàn cho riêng mình. Kết hợp với chính quyền thành phố, cảnh sát tiến hành nhiều cuộc càn quét với sự tham gia của chó săn và hơn 150 tình nguyện viên. Nhưng nhiều ngày trôi qua, Ted vẫn biệt tăm.

Trên đường trốn chạy, Ted hiểu rằng cần có một chiếc ô tô để vượt qua vòng vây đang giăng bủa khắp nơi chờ đón mình. Hắn trộm được một chiếc xe còn nguyên chìa trong ổ khóa điện.

Nhưng may mắn của Ted đã hết. Ngày thứ 6 sau khi trốn khỏi tòa, Ted bị 2 cảnh sát phát hiện và bắt giữ. Kể từ đó, Ted

buộc phải mang còng tay và chân trong suốt thời gian tra cứu tài liệu trong thư viện ở Aspen.

Song hấn không phải là kẻ dễ khuất phục. 7 tháng sau, Ted một lần nữa tìm cách trốn và lần này hấn thành công. Ngày 30/12, Ted đào tường tòa án hạt Garfield rồi tìm cách núp vào bên trong một căn buồng nhỏ của người cai ngục. Đợi cho đến khi không còn ai trong phòng, Ted thản nhiên bước ra khỏi khu vực tòa án bằng đường cửa trước. Cảnh sát chỉ phát hiện ra hấn vượt ngục 15 giờ sau đó, lúc hấn đang đi tới Chicago, một trạm dừng trên con đường tới cái đích cuối cùng là bang Florida. Đến giữa tháng 1/1978, Ted Bundy, dưới cái tên giả Chris Hagen, đã dàng hoàng sống trong một căn hộ ở Tallahassee, Florida.

Thông minh, lại đẹp trai, Ted không gặp nhiều khó khăn trong việc tìm ra một chỗ ở gần Đại học bang Florida. Hấn thường lảng vảng gần ký túc xá của trường, và thậm chí còn vào lớp nghe giảng "chui" mà không hề bị phát hiện. Để sống, hấn phải tìm cách kiếm được những đồ dùng hàng ngày. Tất cả mọi thứ trong căn hộ một buồng của hấn, ngay cả thức ăn, cũng là đồ ăn trộm. Dù sao, trong tình trạng đó, Ted dường như đã có một cuộc sống đầy đủ và hấn rất hài lòng. Điều duy nhất hấn thiếu là một người bạn.

Tối thứ bảy, 14/7/1976, hầu hết thành viên Hội nữ sinh đại học Florida tham gia vũ hội hoặc các bữa tiệc trong khu ký túc xá. Họ chỉ bắt đầu quay về nhà, tại khu Chi Omega, vào sáng sớm hôm sau. Lúc đó, các nữ sinh không thể biết rằng một điều khủng khiếp đang đợi chờ họ.

Lúc đó khoảng 3h sáng. Nita Neary được bạn trai đưa về tới trước cổng khu nhà. Bước về căn buồng của mình, cô để ý thấy cửa trước khu nhà bị mở toang. Vào bên trong, cô nghe có tiếng động như thể một người đang chạy ở căn buồng phía trên. Rồi đột nhiên, tiếng bước chân tiến về phía cầu thang gần chỗ cô đứng. Neary vội nấp vào cánh cửa. Cô trông thấy một người đàn ông đội chiếc mũ cát kết màu xanh nước biển sụp xuống che hết mắt, tay cầm một khúc gỗ quắn giẻ. Hấn chạy ra phía cầu thang và ra khỏi cửa.

Thoạt đầu, Nita nghĩ rằng căn nhà bị đột nhập. Cô chạy lên tầng gọi cho bạn là Nancy Dowdy biết tin, rồi cùng đổ đi tìm người phụ trách tòa nhà. Trên đường tới phòng của bà, họ nhìn thấy Karen Chandler, bạn học của họ, loạng choạng bước dọc hành lang. Máu chảy như suối trên đầu cô. Tại một phòng khác, họ phát

hiện Kathy Klein, chủ nhân căn phòng đang nằm trong một vũng máu, cũng chảy ra từ vết thương lớn trên đầu...

Khi cảnh sát tới nơi, họ tìm thấy xác 2 cô gái khác trên giường, trong buồng riêng của mỗi người. Hung thủ ra tay khi họ còn ngủ. Nghiên cứu của pháp y cho thấy, Lisa Levy bị đánh vào đầu bằng một khúc gỗ, bị hãm hiếp và bóp cổ tới chết. Trên thân thể cô hằn rõ một số vết răng.

Margaret Bowman cũng bị tấn công theo cách tương tự, dù không bị cưỡng hiếp và không có vết cắn nào. Cô bị xiết cổ bằng một chiếc tất dài, bị bỏ lại tại hiện trường. Vết thương trên đầu cô rất nặng. Cú đánh làm vỡ xương sọ và lộ ra một phần não. Không có dấu vết vật lộn trên xác Bowman và Lisa Levy.

Các điều tra viên ngay lập tức tiến hành thẩm vấn hai nạn nhân may mắn sống sót, nhưng không tìm được thêm thông tin nào đáng giá. Không ai còn nhớ về sự kiện khác lạ nào đó diễn ra trong đêm khủng khiếp ấy. Cũng như Levy và Bowman, tất cả đều đang ngủ say khi kẻ giết người ra tay. Chứng nhân duy nhất là Nita Neary.

Vụ thẩm sát buộc cảnh sát nghĩ tới một viễn cảnh đen tối. Và thực tế đúng như vậy, nạn nhân của vụ này vẫn chưa phải là những người kém may mắn cuối cùng.

4h sáng của ngày chủ nhật khủng khiếp đó, cách khu Chi Omega khoảng 1,5 km, Debbie Ciccarelli bị đánh thức bởi một tiếng động lớn từ căn phòng kế bên. Cô tự hỏi, không hiểu cô hàng xóm Cheryl Thompson làm gì khi mới tờ mờ sáng như vậy.

Tiếng động lặp đi lặp lại khiến Debbie nghi ngờ. Cô đánh thức người bạn cùng phòng Nancy Young. Cả hai nghe thấy tiếng rên của Cheryl Thompson. Hoảng sợ, họ vội gọi ngay cho cảnh sát.

Cảnh sát nhanh chóng có mặt, một phần vì lúc đó họ đang kiểm tra hiện trường vụ án Chi Omega. Trên giường trong buồng, Cheryl lơ mơ trong tư thế nửa nằm nửa ngồi, phần cơ thể phía trên bị lật trần. Phía cuối giường của cô có một chiếc mặt nạ. Cheryl bị đánh rất dã man vào đầu bằng một vật giống như dùi cui.

Cảnh sát làm việc khẩn trương và lấy được mẫu máu, tinh dịch cùng một số mẫu vân tay của kẻ giết người. Không may là phần lớn chứng cứ đó không có tính quyết định trong vụ án. Thứ có giá nhất mà các điều tra viên tìm được là những mẫu tóc bên

trong chiếc mặt nạ, cùng vết răng cắn trên cơ thể nạn nhân, và sự làm chứng của Nita Neary.

Tiếc là cho tới lúc này, cảnh sát Florida vẫn chưa hề biết tới "danh tiếng" của Ted Bundy. Nếu không, họ đã nhận ra sự giống nhau giữa chiếc mặt nạ tìm thấy trên giường Cheryl và chiếc mặt nạ tìm thấy trong xe của Ted, khi hắn bị bắt ở Utah vào tháng 8/1975.

Ngày 9/2/1978, Sở cảnh sát Lake City nhận được một cú điện thoại của bố mẹ Kimberly Leach, trình báo rằng con gái họ mất tích. Cảnh sát được lệnh triển khai tìm kiếm từ sân trường nơi Leach mất tích. Người cuối cùng nhìn thấy Leach khi cô đang bước vào ô tô của một người đàn ông lạ mặt. Tuy nhiên, không ai nhớ được đặc điểm của chiếc xe hay của người đàn ông đó. 8 tuần sau, người ta phát hiện xác Leach tại một công viên ở hạt Suwannee, Florida. Thi thể của cô bắt đầu phân hủy nên không cho cảnh sát thêm thông tin đáng kể nào.

Vài ngày trước khi Kimberly Leach mất tích, một người đàn ông lạ mặt lái một chiếc xe tải màu trắng đã tìm cách tiếp cận Leslie Parmenter, khi cô bé 14 tuổi này chờ anh trai đến đón. Ông ta tự xưng là người của trạm cứu hỏa và hỏi Leslie về đường đi tới trường học ở cạnh đó. Cô bé cảnh giác vì anh "lính cứu hỏa" này mặc quần áo dân sự. Hơn nữa, bố cô, thám tử James Parmenter của Sở cảnh sát thành phố Jacksonville, đã dặn con gái không được nói chuyện với người lạ mặt. May mắn là ngay sau đó, anh trai của Leslie tới nơi. Nghe em thuật lại câu chuyện, anh bám theo người đàn ông lạ mặt và ghi lại biển số xe để đưa lại cho bố mình.

Thám tử James Parmenter ngay lập tức đi kiểm tra biển số của chiếc xe lạ. Nó thuộc về một người đàn ông tên là Randall Ragen. Nhưng ông này cho hay, biển số xe của mình bị đánh cắp và ông đã phải làm biển mới. Cảnh sát nhận định rằng chiếc xe tải màu trắng kia cũng là của ăn cắp. Hai người con của Parmenter ngay lập tức được đưa tới Sở cảnh sát, và họ dễ dàng nhận ra Ted Bundy trong số ảnh những kẻ tình nghi.

10h tối 15/2/1977, David Lee đang lái xe tuần tra ở khu vực West Pensacola thì nhìn thấy một chiếc VW mà anh chắc không phải của cư dân trong vùng. Lee quyết định kiểm tra, và thông tin phản hồi của Sở cảnh sát cho biết đó là xe ăn cắp. Kẻ điều khiển

VW chính là Ted Bundy, và chiếc xe là kết quả vụ trộm cắp mới nhất của Ted. Lần đua tốc độ này hắn không thoát. Lee đã còng được tay hắn lại và giải hắn tới đồn cảnh sát.

Cuộc điều tra sau đó dễ dàng hơn nhiều. 3 nhân chứng khẳng định đã nhìn thấy Ted vào buổi chiều Kimberly mất tích. Cảnh sát cũng tìm ra chiếc xe tải trắng bị ăn cắp, với nhiều sợi vải từ quần áo của Ted còn vương lại trên xe. Ngoài ra, pháp y còn tìm ra vết máu của Kimberly trên vải trải ghế xe và vết máu của Ted ở gần thi thể cô. Một chứng cứ khác quan trọng là vết giày của Ted tại khu đất nơi tìm thấy xác của Kimberly.

Trong 3 năm (1977-1980), 3 phiên tòa đã được mở để xét xử Ted Bundy về tội giết người hàng loạt tại khu nhà Chi Omega; tội tấn công các cô gái ở Chi Omega; và tội giết Kimberly Leach.

Trong suốt phiên tòa xét xử vụ giết người tại Chi Omega, Ted đã tự bào chữa. Hắn tự tin vào khả năng của mình, rằng sẽ thuyết phục được bồi thẩm đoàn để được trắng án. Tuy nhiên, cố gắng của hắn chỉ vô ích. Hắn đã để lại vết cắn đặc biệt trên cơ thể Lisa Levy, và đó là chứng cứ không thể chối cãi được.

Ngày 23/7/1978, sau 7 giờ thảo luận, các quan tòa trở lại phòng xử án và đưa ra kết luận: Ted có tội. Một tuần sau, tòa ra án quyết xử tử Ted Bundy. Hai phiên tòa sau đó đều kết án tử hình cho hung thần này.

Rất nhiều người tin rằng số lượng nạn nhân của Ted còn cao hơn rất nhiều so với con số 28 mà hắn chính thức thú nhận. Tuy nhiên, mỗi nghi ngờ này đã theo Ted xuống mộ, khi bản án tử hình được thi hành, ngày 24/1/1989. Trước khi chết Ted còn dành cho báo chí một cuộc phỏng vấn, trong đó hắn tuyên bố, mình là một người bình thường.

Ted Bundy bị xử tử trên ghế điện tại nhà tù Starke, Florida, vào ngày 24/1/1989. 17 giờ trước khi bị hành quyết, hắn đồng ý trả lời phỏng vấn của tiến sĩ James Dobson, Chủ tịch Hiệp hội Hoạt động vì gia đình của Mỹ. Và điều cuối cùng mà Ted khẳng định là, sách báo khiêu dâm có khả năng tàn phá bất kể gia đình nào.

- Một cách tóm lược, anh đã bị buộc tội giết nhiều phụ nữ và các cô gái trẻ?

- Đúng vậy.

- Anh là người có học, vậy tại sao anh lại trở thành người như vậy?

- Tôi quả là đã lớn lên trong một gia đình với bố mẹ là người theo Thiên Chúa giáo, và họ rất quan tâm, yêu thương tôi. Chúng tôi đi nhà thờ đều đặn, trong gia đình không ai hút thuốc, uống rượu hay bài bạc. Nhưng khi được 12-13 tuổi, tôi đã chứng kiến những cảnh liên quan tới tình dục đầu tiên tại một tiệm tạp hóa và hiệu bán thuốc. Cũng trong thời gian đó, tôi đọc nhiều sách báo và tạp chí khiêu dâm mà người lớn vứt lại trong thùng rác. Những gì tôi học trong đó là rất “nặng” và kích thích hơn nhiều so với kinh nghiệm ban đầu của mình. Dạng khiêu dâm nặng nhất mà tôi được biết là làm tình kèm theo bạo lực. Có lẽ những tư tưởng đó là nguyên nhân chính khiến tôi có các hành động kinh khủng sau này.

- Vậy điều gì đã xảy ra trong đầu anh trong quãng thời gian đó?

- Mọi thứ diễn ra theo trình tự và dần dần. Đầu tiên, tôi trở nên “nghiện” nặng sách báo khiêu dâm. Tôi thêm khát những tài liệu bạo lực và kích thích hơn trước. Giống như một thứ ma túy, nó làm con người hình dung tới những điều mà ngay cả sách báo khiêu dâm cũng không thể miêu tả được. Đến một lúc nào đó, tôi đi tới cái ngưỡng mà sau này, khi vượt qua nó, trong tôi bắt đầu có ý muốn thực hiện các hành động mình tưởng tượng ra. Tôi hình dung ra sự khoái trá được thưởng thức những gì chỉ có duy nhất mình làm, mình đọc và mình nhìn thấy.

- Anh ở trong trạng thái đó bao lâu?

- Khoảng 2 năm. Tôi đã cố gắng cưỡng lại xu hướng bạo lực và phạm tội vì hiểu đó là sự trả thù những mất mát về tình cảm mà tôi phải hứng chịu khi còn bé. Cái ranh giới đó dần dần bị xóa mờ, rồi tôi rơi vào những cơn mơ khủng khiếp bắt nguồn từ những cảnh khiêu dâm mà tâm trí tôi ghi lại.

- Anh có nhớ là đã vượt qua ranh giới tỉnh táo đó như thế nào không?

- Tôi không thể đạo đức giả tới mức nói rằng mình hoàn toàn bị ngoại cảnh chi phối. Chúng ta đang nói tới những mất tích không thể thiếu trong chuỗi các hành động dẫn tới việc giết người. Cứ như thể có một thứ gì đó nắp kín trong lòng tôi, nó làm tôi

không thể kiểm soát thêm được nữa, cái ranh giới mà tôi đã cố gắng tạo ra từ hồi còn nhỏ không còn đủ mạnh để giữ tôi thêm được nữa.

- Ted, sau khi thực hiện vụ giết người đầu tiên của mình, anh có những suy nghĩ và tình cảm gì?

- Tôi như vừa trải qua một điều gì đó như thể là giấc mơ vậy. Tôi không thể tưởng tượng được một điều gì như thế. Nhưng khi tôi tỉnh dậy vào sáng hôm sau, với một tinh thần tỉnh táo, thì tôi hiểu rằng mình đã làm những điều kinh khủng.

- Trước đó, anh chưa bao giờ có cảm nhận tương tự như vậy ư?

- Sâu thẳm trong lòng, tôi là một người bình thường. Tôi có những người bạn tốt, một cuộc đời bình thường, chỉ trừ một phần dù rất nhỏ nhưng lại rất mạnh mẽ, nguy hiểm mà tôi luôn gìn giữ làm bí mật của riêng mình. Người ta đáng lẽ phải hiểu rằng tôi không phải là kẻ tàn bạo, đồi bại hay một dạng quái vật mang hình người. Tôi cũng giống như con trai của các vị, chồng của các vị, và tôi lớn lên một cách bình thường. Sách báo khiêu dâm có khả năng tàn phá bất kể gia đình nào. Dù cha mẹ tôi rất thận trọng trong việc dạy dỗ, không để tôi nhiễm những thói hư hỏng, nhưng các loại sách báo đồi trụy vẫn phá hoại hết những gì tôi có. Và mọi việc xảy ra đã gần 30 năm rồi.

- Tại sao bao nhiêu người khác cũng trải qua những kinh nghiệm tình dục với quan niệm lệch lạc như anh, nhưng lại không sa vào con đường đó?

- Tôi không phải là một nhà khoa học xã hội chuyên nghiệp và tôi không nghiên cứu những vấn đề đó. Nhưng sau thời gian sống trong tù, tôi suy nghĩ nhiều và chợt nhận ra rằng có rất nhiều người đọc sách báo khiêu dâm đã đi vào xu hướng bạo lực giống tôi.

Không ai trong số những người “nghiện” sách báo khiêu dâm có thể tránh được xu hướng đó. Không có gì phải nghi ngờ về việc này. Ngay cả một số nghiên cứu của FBI cũng cho thấy, phần lớn những kẻ giết người hàng loạt là người có xu hướng háo dâm hoặc lệch lạc về tình dục.

- Anh có nghĩ hình phạt mà Tòa án Liên bang dành cho anh là xứng đáng không?

- Tôi không muốn bàn cãi về việc đó với ông. Tôi không muốn chết. Nhưng quả thực là tôi xứng đáng chịu hình phạt mà xã hội dành cho mình ở một mức độ nào đó, và đúng là cả xã hội cần được bảo vệ để tránh hành động gây hại của những kẻ như tôi.

TÊN GIẾT NGƯỜI BÍ ẨN

Hàng loạt vụ giết người man rợ không rõ động cơ, mục đích xảy ra liên tiếp trong khoảng hai năm 1976 và 1977 tại New York. Cảnh sát đã cố gắng hết sức, song chỉ thu được những vỏ đạn 44 ly rơi vãi tại hiện trường. Kẻ giết người vẫn lạnh lùng ra tay, và đôi khi, hắn còn gửi thư cho nhà chức trách...

Cơn ác mộng bắt đầu

Đêm 29/7/1976, hai cô gái xinh đẹp Donna Lauria, 18 tuổi, và Jody Valenti, 19 tuổi, đang nói chuyện trong xe của Jody tại lối ra vào khu nhà mà Lauria sinh sống, tại Bronx, New York, bỗng thấy một người đàn ông tiến lại gần. Y thần nhiên rút từ trong túi giấy trên tay khẩu “Chó bò” 44 ly, vẩy 5 phát vào xe. Lauria gục tại chỗ vì bị bắn vào cổ. Jody trúng đạn vào đùi, chúi người ra phía trước, thân đè lên nút còi xe. Tên giết người vẫn điềm tĩnh kéo cò, dù súng đã hết đạn.

Jody cố lết ra khỏi xe và kêu cứu. Nghe tiếng súng nổ, bố Lauria chạy xuống. Trong bộ đồ pijama và chân không, ông lái xe như điên tới bệnh viện, hy vọng giữ được mạng sống cho con gái. Nhưng đã quá muộn.

Cảnh sát không tìm ra động cơ của vụ án mạng. Cuối cùng, họ phải đặt giả thiết rằng đó là một vụ thanh toán nhâm, hoặc thủ phạm là một kẻ điên khùng nào đó. Jody, trong trạng thái bị sốc nặng sau vụ tấn công, đưa ra một số nhận xét về nhân dạng của tên giết người. Song vì chưa bình tĩnh trở lại nên những lời miêu tả của cô không mấy giá trị.

Rạng sáng 23/10/1976, ba tháng sau vụ tấn công nói trên, Carl Denaro, 20 tuổi, kết thúc bữa ăn với các bạn tại một bar ở Queens và đưa cô bạn Rosemary Keenan về. Đôi trai gái dừng lại nói chuyện gần nhà Keenan. Đột nhiên, một người đàn ông không quen biết xuất hiện bên cửa ô tô. Hắn súng đen ngòm chìa vào xe nổ 5 phát, làm Carl bị thương ở đầu. Keenan hoảng hốt lái xe trở

lại bar và rời tới bệnh viện. Các bác sĩ đã phải thay thế phần xương sọ bị vỡ của Carl bằng một miếng kim loại. Vết thương đó ám ảnh anh suốt phần đời còn lại.

Gần một tháng sau, đêm 26/10/1976, Donna DeMasi, 16 tuổi và bạn là Joanne Lomino, 18 tuổi, trở về nhà sau khi xem phim. Chiếc xe buýt dừng lại gần nhà Joanne. Cô thấy một người đàn ông đứng trên vỉa hè gần đó. Đường như linh cảm thấy một điều gì không hay sắp xảy ra, cô giục bạn mình đi nhanh hơn. Nhưng người nọ cũng rảo bước theo họ.

Y tiến lại gần và tỏ vẻ muốn hỏi đường. Y bắt đầu: "Các cô có biết...". Câu hỏi không có đoạn kết vì y đã rút từ trong người ra một khẩu súng và bắn thẳng vào họ. Cả hai đều trúng đạn, gục xuống. Tên sát nhân bắn nốt chỗ đạn còn lại vào một căn hộ trước mặt.

Nghe tiếng kêu của con gái, người nhà Joanne chạy tới. Xương sống cô bị viên đạn xé nát. Bác sĩ nói cô có thể sống sót nhưng liệt hoàn toàn. Donna may mắn hơn, bởi viên đạn dù xuyên qua người cô nhưng vẫn cách xương sống được 4 cm.

3 vụ tấn công kể trên xảy ra tại Bronx và Queens, New York. Cảnh sát chỉ tìm được duy nhất một viên đạn còn nguyên vẹn tại hiện trường.

Mọi thứ lại trở lại yên tĩnh trong hai tháng kế tiếp, rồi tên giết người lại "đi săn" vào mờ sáng 30/1/1977.

Christine Freund, 26 tuổi, và bạn trai John Diel rời phòng triển lãm The Wine tại Queens vào lúc 0h10'. Trên đường đi về phía chiếc xe của mình, họ quán quýt với nhau và không nhận ra có một người đang dõi theo...

Những nạn nhân tiếp theo

Đôi trai gái vừa bước vào xe thì hai phát súng vang lên như xé rách màn đêm. Viên đạn đi xuyên qua và phá nát tấm kính chắn phía trước. Christine ôm lấy đầu, cả hai phát đạn đều trúng người cô. John để cô nằm trên ghế xe phía trước và chạy đi tìm người giúp, anh cố gắng một cách tuyệt vọng ra hiệu cho những chiếc xe trên đường dừng lại, nhưng vô ích. Trong khi đó, người dân sống quanh khu vực nghe thấy tiếng súng và đã gọi cho cảnh sát. Vài giờ sau, Christine chết tại bệnh viện.

Vụ giết người rạng sáng 30/1/1977 này đã đưa đại úy Joe Borrelli vào cuộc. Ông và trung sĩ Joe Coffey bắt tay vào việc nghiên cứu vụ án với hai giả thuyết ban đầu: Tên giết người là một kẻ bị tâm thần, hoặc có thù oán cá nhân với Christine Freund.

Coffey nhận thấy viên đạn giết chết Christine không phải dạng thông thường. Nó được bắn ra từ một khẩu súng cỡ lớn và rất mạnh. Điều tra kỹ hơn, ông phát hiện rằng vụ giết người có nhiều chi tiết tương tự với vụ tấn công Donna Lauria, Donna LaMasi và Joanne Lomino. Bước đầu, Coffey kết luận, một tên điên khùng nào đó đã đi theo những cô gái đẹp và tìm cách giết họ.

Tối 8/3/1977, Virginia Voskerichian, cô nữ sinh xuất sắc của Đại học Barnard, trở về nhà sau buổi học. Tới phố Dartmouth, một người đàn ông xuất hiện trên hè phố, đi về phía cô. Đến gần mục tiêu, hắn rút từ trong người ra một khẩu 44 ly, nhằm thẳng vào Voskerichian bóp cò. Cô gái chỉ kịp giơ quyển sách trên tay lên che mặt. Viên đạn duy nhất trúng mặt nạn nhân, xuyên thẳng vào sọ. Voskerichian chết ngay tại chỗ.

Khi chạy trốn, tên giết người vượt qua trước mặt một người đàn ông đứng tuổi đã chứng kiến hắn gây án từ đầu đến cuối. Y thản nhiên ngoái lại cười: “Xin chào ông!”.

Xe tuần tra của cảnh sát bắt gặp một nam giới đang chạy trên đường, nhưng khi nghe thông báo trên radio rằng có một người phụ nữ vừa bị bắn tại phố Dartmouth, họ liền dừng việc truy đuổi và vội vã tới ngay hiện trường.

Cảnh sát dường như mất hết hy vọng. Họ không thấy chút thông tin nào có thể giúp họ lần ra kẻ sát nhân.

Cái chết của cô nữ sinh Voskerichian để lại trong lòng các thám tử nỗi đau khó tả. Joe Borrelli kể lại: “Nếu bạn quan tâm đến thám tử điều tra những vụ án giết người thì bạn sẽ thấy họ làm việc một cách vô cảm. Họ không muốn nhìn thấy xác nạn nhân, bởi biết rằng như thế thì tốt hơn. Trong vụ án Virginia, khuôn mặt xinh đẹp của cô gái đã bị biến dạng. Nhìn xác cô trên hè đường dưới tấm vải liệm, các thám tử thấy ruột gan mình lộn tùng phèo. Họ chẳng còn cách nào khác là phải ngoảnh mặt đi. Dù đã từng trải đến đâu, những thám tử có kinh nghiệm nhất vẫn không làm sao kiềm chế được”.

Hôm sau, cảnh sát phát hiện, viên đạn sát hại Virginia được bắn đi từ khẩu súng của tên giết Donna Lauria. Họ hiểu rằng mình đang lần tìm một tên sát nhân tâm thần, và hắn sẽ tiếp tục gây tội ác vào bất kỳ lúc nào có thể. Hắn sẽ lại bắn một phụ nữ hấp dẫn nào đó mà hắn tình cờ gặp trên đường. Làm sao chặn tay hắn lại?

Ngày tiếp theo, Cảnh sát trưởng New York tổ chức một cuộc họp báo để thông báo với người dân toàn thành phố về mối liên hệ giữa các vụ án đang xảy ra liên tiếp. Ông thông báo đặc điểm nhận dạng tên giết người: “Một người đàn ông da trắng, khoảng 25-30 tuổi, cao xấp xỉ 1,8 m, khổ người vừa phải, tóc sẫm màu”.

Ông nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phải tìm cho ra tên giết người này ngay lập tức, trước khi hắn tiếp tục gây tội ác. Thanh tra Timothy Dowd được giao nhiệm vụ tổ chức lại đội đặc nhiệm Omega và tuyển thêm những người có nhiều kinh nghiệm. Dowd, lúc đó 61 tuổi, vốn không phải là một cảnh sát bình thường. Ông có bằng đại học về hai ngôn ngữ Latinh, Anh và bằng master về kinh doanh tại Đại học City. Ông là người thực tế, quyết đoán trong mọi tình huống, và không biết lùi bước.

Đại úy Borrelli là một chỉ huy mới, và vụ án giết người hàng loạt này trở nên quá nặng nề đối với những kinh nghiệm còn khá ít ỏi của ông.

Và đúng như dự đoán của cảnh sát, tên giết người điên cuồng lại xuất hiện. 3h sáng ngày 17/4/1977, một đôi tình nhân đang hôn nhau trong chiếc xe của họ đậu trên đường Hutchinson River, không xa nơi Donna Lauria bị giết vào năm trước. Họ là Valentina Suriansa, nữ diễn viên kiêm người mẫu thời trang, 18 tuổi, và Alexander Esau - chàng thợ máy xe tải 20 tuổi. Đột nhiên, một chiếc xe lù lù tới gần, gã lái bắn thẳng vào họ, mỗi người hai phát. Valentine chết ngay tại chỗ còn Alexander thì chết sau đó tại bệnh viện.

Vụ giết người mới lại một lần nữa khiến cảnh sát thêm lo lắng, bởi khó có thể tìm ra hung thủ trong số hàng triệu người có nhân dạng tương tự trong thành phố.

Nhưng lần này vụ án dường như có một chút thay đổi, đó là lá thư mà kẻ giết người để lại tại hiện trường, gửi cho đại úy Borrelli.

Manh mối mới nhất mà kẻ sát nhân điên loạn để lại hiện trường là một lá thư với những lời lẽ kỳ lạ và bệnh hoạn. Kẻ giết người, tự xưng là "con trai của Sam", đã đưa đại úy Joseph Borrelli lên mặt báo, làm anh nổi tiếng.

Bức thư của kẻ giết người

Đó là một bức thư đầy lỗi chính tả, mà phải khá vất vả, Borrelli mới hiểu được nội dung:

"Đại úy Joseph Borrelli thân mến,

Ta thực sự cảm thấy bị xúc phạm khi biết ông gọi ta là "kẻ ghét phụ nữ". Ta không phải là người như vậy, nhưng quả thực ta là một con quỷ. Ta là "con trai của Sam" và ta khá hồn xược.

Khi Sam say rượu, ông ta trở nên khủng điên. Ông ta đánh mọi người trong nhà. Đôi khi ông ta trói ta vào phía sau nhà. Những lần khác, ông ta nhốt ta trong garage của gia đình. Sam rất thích uống máu!

Sam ra lệnh: "Đi ra ngoài và tìm người mà giết. Ngay phía đằng sau nhà ta có một số kẻ đến ở, phần lớn là bọn trẻ tuổi. Hãy hãm hiếp và tàn sát chúng, để máu của chúng chảy hết ra mặt đất đến cạn kiệt và chúng chỉ còn lại là những đống xương".

Sam cũng tống ta vào căn phòng áp mái và khóa trái cửa lại. Ta không ra ngoài được, nhưng ta có thể nhìn ra ngoài cửa sổ và thấy cuộc sống đang diễn ra quanh mình.

Ta thấy mình là một kẻ ngoài lề. Ta bắt được một làn sóng khác hơn những người khác, ta đã được lên chương trình để giết chóc.

Tuy nhiên, để khiến ta dừng lại, các người sẽ phải giết ta. Tất cả cảnh sát, chú ý đây: Hãy bắn ta trước, bắn chết ấy, nếu không, các người hãy tránh xa khỏi con đường ta đang đi hoặc các người sẽ chết!

Bố Sam bây giờ đã già rồi, ông ta cần chút máu người để giữ lại tuổi trẻ của mình. Nhưng ông ta hay lên cơn đau tim quá. "Ồi, trái tim ta, nó đau quá con trai à!"

Ta nhớ nhất là nàng công chúa xinh đẹp của mình. Cô ấy ngồi trong nhà của những quý bà của chúng ta. Nhưng rồi ta sẽ sớm gặp lại cô ấy thôi.

Ta là “con quỷ” - “Beelzebub” - con vật kéch xù mập mạp.

Ta rất thích đi săn, rón rén đi dọc đường phố, tìm kiếm một con mồi lớn; nó sẽ cho ta những miếng thịt ngon lành. Các cô cung nữ phục vụ các nữ hoàng là những kẻ đẹp nhất. Họ đẹp như vậy chắc là vì nhờ thứ nước mà họ uống. Ta sông để đi săn, cả cuộc đời ta đã như vậy rồi. Ta cần máu cho bố mình.

Ông Borrelli, ta không muốn giết thêm một ai nữa. Không. Nhưng ta lại phải tôn trọng bố mình.

Ta muốn làm tình với cả thế giới. Ta yêu mọi người. Ta không thuộc về trái đất này. Hãy cho ta trở lại với yahoo. Với những thần dân của nữ hoàng, ta yêu họ. Và ta cầu chúc cho họ có ngày Lễ phục sinh an bình và hạnh phúc.

Cầu Chúa đem lại an bình cho các người trong cuộc đời này và cuộc đời tiếp theo đó.

Ta muốn nói lời tạm biệt và chúc ngủ ngon.

Này lũ cảnh sát, hãy để ta ám ảnh các người với những từ sau đây:

Ta sẽ trở lại! Ta sẽ trở lại! Sẽ được dịch thành - Bang, Bang, Bang - ugh!!

Gửi các người.

Quý”

Bức thư, không hề có dấu vân tay, được tiết lộ cho giới báo chí vào đầu tháng 6 năm đó. Và cả thế giới lần đầu tiên nghe được tên của kẻ giết người - “con trai của Sam”.

Một tuần trước khi xảy ra vụ giết cô gái người mẫu, Sam Carr - một công nhân đã nghỉ hưu đang sống tại Yonkers, New York, cùng vợ và các con đã nhận được một bức thư nặc danh nói về chú chó có tên Harvey, giống Labrador, của ông. Người viết thư than rằng con Harvey sửa nhiều quá.

Ngày 19/4, hai ngày sau vụ nổ súng, một lá thư khác cùng dạng chữ được gửi tới hộp thư của Sam Carr, trong đó viết:

“Ta đã rất lịch sự yêu cầu người đừng để con chó tiếp tục gào hú suốt ngày đêm như vậy, nhưng các người đã không làm được. Ta xin các người đấy. Ta phải nói với các người rằng tiếng sủa của

con chó đã tàn phá gia đình ta. Chúng ta không có được sự bình yên, không được nghỉ ngơi.

Giờ thì ta biết người là cái giống người gì và gia đình người thuộc loại nào. Người là kẻ ác độc và không thèm tôn trọng người khác. Người không hề yêu thương bất kỳ một con người nào. Người là kẻ ích kỷ, ông Carr ạ. Cuộc đời của ta đã bị tàn phá rồi. Ta không còn gì để mất nữa. Ta có thể thấy rằng sẽ không có sự yên bình cho cuộc đời ta, cho gia đình của ta, cho đến khi ta chấm dứt sự yên bình của gia đình người”.

Hoảng sợ, Carr và vợ đã gọi cho cảnh sát, nhưng họ chỉ nhận được sự lắng nghe thông cảm.

10 ngày sau, Carr nghe tiếng súng nổ trong sân sau nhà mình. Tại đó, máu chảy ra như suối từ vết thương của con Harvey. Một người đàn ông mặc quần bò và áo sơ mi vàng bỏ chạy.

Con chó may mắn được cứu sống và cảnh sát tuần tra Peter Intervallo cùng Thomas Chamberlain lãnh trách nhiệm điều tra vụ án tử bức thư kỳ lạ.

Thị trưởng thành phố New York Abraham Beam tổ chức một cuộc họp báo về chuyện “Con trai của Sam”. Thực ra, đó là cái tên mà giới báo chí đặt ra cho tên giết người, và họ rất thích thú vì dựa vào đó, có thể tạo ra cả một huyền thoại để câu khách.

Con trai của Sam

Trong cuộc họp báo, ông Beame nói: “Những vụ án mạng thật khủng khiếp. Cảnh sát bị sức ép rất lớn, bởi mọi người ai cũng nghi ngờ khả năng của họ trong việc bắt được tên giết người. Lá thư gửi đại úy Borrelli lại càng làm mọi thứ rối tung lên. Đó quả là một cuộc chơi, trong đó chỉ một mình tên giết người dám thách thức và đối đầu với cả thành phố. Tuy hấn chỉ gửi thư cho một cảnh sát, nhưng tôi biết, lá thư đó không chỉ viết cho riêng ông, mà là cho mọi cảnh sát đang theo vết hấn, tất cả 25.000 người trong số họ”.

Gần 50 nhà bệnh học tâm thần đã được triệu tập để dựng lên bức tranh về tên giết người bí ẩn. Đến tháng 5/1977, họ đưa ra phác họa chung về hấn như sau: “Một kẻ bị chứng hoang tưởng và tâm thần phân liệt. Hấn tin rằng mình được thừa hưởng một năng

lực ma quỷ. Nhiều khả năng đó là một kẻ cô đơn và có nhiều vấn đề trong quan hệ với người khác, đặc biệt là với phụ nữ".

Đội đặc nhiệm Omega liên tục nhận được nhiều cú điện thoại cung cấp thông tin cho vụ án. Nỗi hoảng sợ đã khiến cho sự nghi kỵ gia tăng. Ai sống ở New York lúc bấy giờ cũng phải nghe đến cái tên "Con trai của Sam", và hình như ai cũng biết hắn (!): Hắn là người đàn ông rất hay về muện, sống ở nhà bên; là người anh rể có tính cách quái gở hay táy máy súng đạn; là một tay chơi thường la cà tại những quán bar trong thành phố, có đặc điểm là rất ghét các cô gái đẹp... Danh sách những người bị tình nghi ngày càng dài thêm. Tất cả thông tin đều cần phải được kiểm tra lại - một khối lượng công việc khổng lồ cho bất kỳ đội điều tra nào.

Đồng thời với việc tìm hiểu về những đối tượng trong danh sách tình nghi, cảnh sát cũng tiến hành kiểm tra giấy đăng ký của những người dùng súng 44 ly, các bệnh nhân tâm thần nam giới. Đúng vào lúc ấy, hình như do sự bàn tán của dư luận, "Con trai của Sam" cảm thấy tự tin hơn, hắn quyết định viết thư cho Jimmy Breslin, phóng viên tờ Daily News:

"Xin gửi lời chào từ những mẩu bánh vụn rơi trên vỉa hè của thành phố New York, từ những con kiến sống bằng mẩu bánh vụn cũng như máu chảy ra từ những xác chết rơi vào đám bánh vụn ấy.

Xin gửi lời chào từ những cống rãnh của thành phố New York, trong đó chứa đầy phân chó, những thứ đáng nôn mửa, những chai rượu đã mọc meo, những bãi nước tiểu và máu. Xin gửi lời chào từ cống rãnh của thành phố New York, nơi nuốt lấy những thứ tinh túy ấy khi chúng bị những xe tải quét dọn cuốn trôi đi.

Các người chó tương rằng chỉ vì có một thời gian ngắn các người không nghe thêm thông tin gì mới từ ta, mà các người cho rằng ta đã đi ngủ. Không, không phải, ta vẫn đang ở đây. Như một bóng ma lẩn quất trên các khu phố vào ban đêm. Khát, đói, và không bao giờ dừng lại. Ta luôn mong muốn làm vừa lòng Sam.

Sam là một kẻ hay khát. Ông ta sẽ không để ta chấm dứt giết chóc cho đến khi ông ta uống đủ lượng máu cần thiết. Hãy cho ta biết, Jim, người có gì cho ngày 29/7? Các người có thể quên ta đi nếu các người muốn, vì ta cóc cần công luận. Nhưng các người không được phép quên đi hình ảnh của Donna Lauria, và các người không được để người khác quên đi hình ảnh của cô ấy. Cô ấy là một cô gái khá dễ thương đấy.

Chẳng lẽ vì không biết tương lai sẽ đem lại những gì mà ta nói lời tạm biệt và gặp lại các người ở lần thực hiện công việc tiếp theo? Hay ta nên cho các người biết rằng các người sắp được chiêm ngưỡng công việc của ta trong lần ra tay sắp tới? Hãy nhớ tới cô Lauria. Cảm ơn.

Trong dòng máu của bọn chúng và từ những công rãnh - sáng chế của Sam, 44 ly”.

Khi đăng lá thư này lên, tờ Daily News đã phải lược bớt vài phần do yêu cầu của cảnh sát. Phần đó có đoạn:

“Đây là một vài cái tên sẽ giúp đỡ các người trong việc điều tra. Hãy đưa cho thanh tra để NCIC (Trung tâm Thông tin Tội phạm Quốc gia Mỹ) sử dụng. Họ lưu trữ mọi thứ trên máy tính, mọi thứ. Và họ sẽ sử dụng thông tin này để điều tra một số vụ án khác. Nhờ đó, may ra họ có thể truy ra được những mối liên hệ.

Công tước của sự chết chóc, ông vua quý quái, 20 nguyên tắc của địa ngục. Và cuối cùng là John Wheaties, kẻ hãm hiếp và làm nghẹt thở những cô gái trẻ.

Tái bút: Hãy tiếp tục, hãy suy nghĩ một cách tích cực, hãy vận động đi, hãy gõ lên những chiếc quan tài...”.

Dấu vân tay của tên giết người đã lưu lại phần nào trên lá thư. Dù rằng dấu vết ấy chẳng có giá trị gì trong việc giúp tìm ra thủ phạm, nhưng nó vẫn được lưu lại để chờ so sánh với dấu tay của những kẻ tình nghi.

Ngày 10/6, một người đàn ông tên Jack Cassara, trú tại New Rochelle, nhận được một tấm thiệp chúc mừng ông đã khỏe trở lại. Tấm thiệp đó do một người tên là Carr, sông tại Yonkers, gửi. Trên có in hình chú chó chăn cừu giống Đức và dòng chữ: *“Jack thân mến, tôi rất buồn khi nghe tin bạn bị ngã từ mái nhà xuống đất. Tôi chỉ muốn nói rằng tôi rất tiếc nhưng tôi tin rằng bạn sẽ nhanh chóng cảm thấy khỏe hơn. Xin hãy cẩn thận. Vì bạn sẽ phải nghỉ ngơi ở nhà trong một thời gian dài. Xin hãy cho tôi biết bà cô có cần gì không. Kính thư: Sam và Francis Carr”.*

Cassara chưa hề ngã từ mái nhà xuống đất và cũng chưa bao giờ gặp ai có tên là Sam và Francis Carr. (Sam Carr là chủ của Harvey - chú chó can tội gây tiếng ồn và suýt bị "con trai của Sam" trừ khử). Ông liền gọi cho những người gửi thiệp theo số điện thoại họ để lại. Vợ chồng Carr đồng ý sẽ gặp Cassara tại nhà họ vào tối

hôm đó. Hai người kể cho Cassaras nghe về lá thư kỳ lạ mà họ nhận được về chú chó Harvey và việc nó đã bị bắn như thế nào. Còn Sam Carr thì cho họ biết về chú chó chăn cừu giống Đức trong khu nhà cạnh đó, cũng đã bị bắn.

Wheat - con gái của Carr, đang giúp việc cho cảnh sát tại Yonkers - yêu cầu thám tử Intervallo và Chamberlain tới để điều tra, trong khi đó thì Cassara liên lạc với cảnh sát của New Rochelle.

Sau đó, con trai của Cassara là Stephen, 19 tuổi, đưa ra một ý kiến lạ lùng. Cậu ta nhớ tới một kẻ khá quái đản có tên David Berkowitz, người từng thuê một phòng trong căn hộ của họ vào đầu năm 1976. Người đàn ông đó không bao giờ quay lại để lấy số tiền 200 USD đặt cọc tiền nhà. Hắn luôn cảm thấy khó chịu với chú chó Harvey.

Thị trưởng thành phố New York Abraham Beam tổ chức một cuộc họp báo về chuyện “Con trai của Sam”. Thực ra, đó là cái tên mà giới báo chí đặt ra cho tên giết người, và họ rất thích thú vì dựa vào đó, có thể tạo ra cả một huyền thoại để câu khách.

Gia đình Carr nhận được điện thoại của bà Nann, vợ Jack Cassara, nói về nhân vật Berkowitz kỳ quặc. Lúc đó, bà hầu như tin chắc rằng Berkowitz chính là “Con trai của Sam”. Tuy nhiên, chứng cứ mà bà đưa ra không đủ thuyết phục.

Những nạn nhân cuối cùng

Trong khi đó, hai thám tử Chamberlain và Intervallo thuộc Sở cảnh sát Yonkers đã tìm ra địa chỉ, số đăng ký của chiếc xe loại Ford Galaxy của Berkowitz và biết rằng bằng lái xe của hắn bị cấm sử dụng.

3h sáng 26/7/1977, cô Judy Placido, một phụ nữ trẻ có vẻ ngoài rất hấp dẫn, nhờ anh bạn Sal Lupo đưa cô từ sân nhảy Elephas tại Queens về nhà. Lúc họ ra về, sân nhảy này đã vắng tanh bởi tiếng vang “Con trai của Sam” đã giải tán mọi đám đông trong thành phố. Hai người lên ô tô.

Judy nhớ lại: “Đột nhiên, tôi nghe thấy có tiếng động lạ. Tôi không đau, chỉ cảm thấy âm thanh ấy như rung lên trong tai mình. Tôi đưa mắt sang Sal. Anh ấy nhìn tôi, mắt, miệng mở to kinh hoàng. Tôi không nghe thấy tiếng thét nào cả. Không hiểu tại

sao tôi lại không gào lên. Cửa sổ trong xe đóng kín. Tôi không biết tiếng động ấy là thế nào. Nhìn vào gương xe, tôi thấy người mình đầy máu, tay phải không cử động được. Tôi mất phương hướng rồi ngất đi”.

Vì sự việc xảy ra quá nhanh, Sal ngỡ kẻ nào đó ném đá vào xe. Anh quay lại sàn nhảy nhờ giúp đỡ. Judy gục xuống vì mất máu. Sal cũng bị trúng đạn vào cánh tay trước. Hai người thoát chết một cách thần kỳ, dù bị bắn tới 3 phát súng.

Judy và Sal không cung cấp được thông tin gì về kẻ đã bắn họ.

Căn cứ vào bức thư gửi cho nhà báo Jimmy Breslin, trong có đề cập tới Donna Lauria - nạn nhân đầu tiên của "Con trai của Sam", bị giết vào ngày 29/7/1976 - cảnh sát lo ngại rằng hắn sẽ ra tay để "kỷ niệm" vụ giết người đầu tiên. Báo chí cũng như người dân toàn thành phố, thấy đều căng thẳng chờ đợi vụ giết người khác xảy ra.

Đội đặc nhiệm Omega tuyệt vọng. Họ không biết phải làm thế nào để bảo vệ những người phụ nữ trong thành phố trước bàn tay của một kẻ "giết người theo cảm hứng" như vậy. Thám tử Coffey thậm chí còn đề nghị cho một số cảnh sát đi xe chống đạn, đặt hình mẫu manequin ngồi bên cạnh để dụ tên sát nhân lộ mặt - quả là một trò chơi nguy hiểm chết người!

Dân chúng thành New York căng thẳng chờ đợi suốt ngày 29/7. Mọi bộ óc như muốn nổ tung vào bất kỳ thời điểm nào trong 24/24 giờ, song hôm đó tên giết người lại không ra tay. Hai ngày sau, đúng vào lúc cảnh sát bắt đầu cảm thấy nhẹ nhõm vì không có vụ án mạng nào xảy ra, "Con trai của Sam" đã xuống tay sát hại nạn nhân cuối cùng của hắn.

Sáng chủ nhật, ngày 31/7/1977, Stacy Moskowitz, một phụ nữ trẻ trung xinh đẹp, ngồi cùng bạn trai mình là Bobby Violante trong xe ô tô. Họ vừa đi xem một bộ phim ở rạp và đang dừng lại tại một nơi yên tĩnh ở Gravesend Bay.

Violante rủ Stacy đi dạo trong công viên, cô hỏi: "Thế nếu 'Con trai của Sam' đang nấp trong ấy thì sao?". Violante trả lời: "Đây là Brooklyn chứ không phải Queens, em đừng lo". Họ ra khỏi xe và từ từ dạo bước về phía công viên. Violante cúi về phía Stacy để hôn cô, đúng lúc ấy, cô chợt trông thấy một cái gì đó. Stacy thì

thâm: "Có ai đang quan sát chúng ta". Bobby nhìn thấy một người đàn ông đứng ngay cạnh chỗ họ, nhưng rồi anh ta quay đi hướng khác và bước về phía bãi đỗ xe. Stacy sợ, cô muốn quay trở lại chỗ để xe ngay lập tức, nhưng Violante nài cô ở lại thêm vài phút nữa.

Anh kể lại: "Rồi bỗng nhiên tôi nghe thấy một tiếng động. Đầu tiên thì tôi cho rằng đó là tiếng thủy tinh vỡ. Nhưng sau đó tôi không còn nghe tiếng Stacy nữa. Tôi không còn cảm thấy gì cả, nhưng tôi thấy cô ấy từ từ ngã xuống trong vòng tay của tôi. Tôi không rõ ai trúng đạn trước, tôi hay cô ấy!". Anh bị bắn hai phát vào mặt, Stacy trúng một phát vào đầu. Violante mang máng nghe thấy tiếng cô rên rỉ. Anh cố lết ra phía xe, nhấn còi nhiều lần và gắng gượng bước đi để kêu cứu.

Cảnh sát tới ngay hiện trường. Stacy và Violante được đưa vào bệnh viện. 38 giờ sau, Stacy Moskowitz chết vì vết thương quá nặng. Bobby Violante sống sót nhưng mất mắt trái, mắt phải của anh chỉ còn lại 20% khả năng nhìn.

Hai cảnh sát tuần tra Chamberlain và Intervallo bắt đầu điều tra việc 2 chú chó bị bắn, căn cứ vào lá thư và tấm thiệp lạ lùng mà gia đình Carr và Cassara nhận được. Họ dùng máy tính rà soát lại mọi thông tin, nhưng chỉ đưa ra được kết luận rằng Berkowitz có cùng tuổi, chiều cao và dáng người như "Con trai của Sam".

Lộ diện

Cảnh sát tiếp xúc và nói chuyện với văn phòng cho thuê nhà tại số 35 đường Pine, nơi cư trú của Berkowitz. Tất cả những gì họ thu được từ văn phòng này là lời khẳng định rằng Berkowitz luôn trả tiền nhà đúng hạn và một tờ đơn xin việc của anh ta tại Hãng Dịch vụ An ninh IBI ở Queens. Từ những thông tin đó, các điều tra viên biết rằng Berkowitz có kiến thức về súng đạn.

Hãng IBI cho biết Berkowitz bỏ việc từ tháng 7/1976 và chuyển sang làm cho một công ty kinh doanh taxi nào đó. Công cuộc tìm kiếm thông tin về Berkowitz bị tắc ở đây, song dường như hai viên cảnh sát đã phát hiện ra một điều gì đó và họ báo cáo cấp trên.

Vài ngày sau, cặp nạn nhân cuối cùng của "Con trai của Sam" bị bắn. Cecilia Davis, một phụ nữ người Australia di cư,

người chứng kiến vụ tấn công, kể lại rằng, bà về nhà vào lúc trời còn tờ mờ sáng để dắt chó đi dạo, và cảm thấy như có ai đó đang đi theo mình. "... Hắn trốn sau một thân cây, nhưng cái cây đó quá nhỏ nên không che khuất nổi thân người hắn. Hắn cứ nhìn trừng trừng về hướng tôi đi. Sau đó, hắn tiến lại phía tôi, cười một cách kỳ lạ. Không thể nói đó là nụ cười ác độc được, nó tương đối thân thiện, chỉ có điều hơi khó hiểu", Davis trình báo với cảnh sát.

Khi nhìn kỹ hơn, Davis có cảm giác là người đàn ông đang giấu một khẩu súng trong tay. "Tôi rất sợ, vội quay lại nhà mình, rồi thả xích con Snowball ra. Ngay lúc đó, tôi nghe tiếng gì tựa tựa như tiếng pháo nổ ở đằng xa... Chỉ đến sáng hôm sau, khi ra ngoài, tôi mới biết chuyện gì xảy ra. Tôi vẫn nhớ khuôn mặt của người đàn ông đó, có lẽ cho đến chết tôi cũng không thể quên được hắn", Davis nhớ lại.

Cảnh sát tỏ ra nghi ngờ về việc Davis nhìn thấy kẻ giết người. Vì những gì bà miêu tả có phần không khớp với câu chuyện của các nhân chứng khác. Tuy nhiên, thông tin của Davis vẫn được giữ để tham khảo.

Đúng lúc đó, tin tức về Berkowitz đồn dập tới ban điều tra. Căn hộ mà hắn từng thuê trước đây tại số nhà 35 phố Pine bỗng bốc cháy. Phó cảnh sát trưởng Craig Glassman, ở cùng căn hộ, kể lại: "Tôi ngủ thấy có mùi khói ở đâu đó và chạy đến. Khi mở cửa ra thì đám cháy nhỏ đã kết thúc... Lửa không đủ mạnh để làm nổ viên đạn cỡ 22 ly trong cái nòng súng đã được đặt quay ra cửa nhà tôi". Sau đó, Glassman cho cảnh sát xem những bức thư kỳ lạ mà Berkowitz đã gửi cho anh. Chữ viết trên đó giống hệt bức thư mà gia đình Carr nhận được. Một bức có đoạn: "Đúng vậy, tôi là một kẻ giết người, nhưng Craig ạ, những vụ giết người sẽ chỉ diễn ra khi anh ra lệnh cho tôi thôi".

Cảnh sát tiến hành điều tra số vé gửi xe tại bãi đậu ô tô trước cửa căn hộ của bà Davis. Một vé trong số đó chính là của David Berkowitz.

Sau khi kiểm tra các chứng cứ và nhân chứng một lần nữa, ngày 10/8, Shea, Strano, William Gardella và John Falotico nhận nhiệm vụ theo dõi căn hộ số 35 phố Pine. Rất nhiều nhân viên an ninh khác đứng vòng ngoài vì ai cũng muốn tham gia vụ này.

Cảnh sát đã phải đợi nhiều giờ cho đến khi một người đàn ông có mái tóc màu tối bước ra khỏi nhà, tay ôm một túi giấy. Anh

ta đi chậm chậm về phía chiếc Ford Galaxy của Berkowitz. Flotico đợi cho kẻ tình nghi đặt túi lên ghế ngồi của chiếc xe rồi mới ra lệnh: “Tiến lên”. Lực lượng an ninh tiếp cận chiếc Ford. Người ngồi trong xe không trông thấy họ. Khi Gardella kê súng vào đầu của kẻ tình nghi, ra lệnh: “Ngồi yên! Cảnh sát đây!”, hắn chỉ ngoảnh lại với một nụ cười ngớ ngẩn trên môi.

“Anh là ai?”, cảnh sát Falotico hỏi. Người đàn ông trả lời một cách lịch sự: “Ông biết rồi mà”. “Không, tôi chưa biết. Anh là ai?”. Vãn nụ cười của một kẻ có thần kinh không bình thường, hắn trả lời: “Tôi là Sam. David Berkowitz”.

Ngày David Berkowitz bị bắt, trung sĩ Joseph Coffey được gọi đến để thẩm vấn anh ta. Bình thản, lạnh lùng, David kể cho anh nghe chi tiết từng vụ giết người. Khi cuộc thẩm vấn kết thúc, cảnh sát đã có đủ chứng cứ để kết luận rằng Berkowitz chính là “Con trai của Sam”. Những chi tiết mà anh ta công bố đúng sự thực đến nỗi nó chỉ có thể là của tên giết người.

Thù cha hận mẹ

Buổi thẩm vấn kết thúc, Berkowitz còn lịch sự chúc trung sĩ Coffey ngủ ngon. Coffey kể lại: “Lúc mới bước vào phòng, tôi cảm thấy vô cùng căm giận hắn vì những tội ác mà hắn gây ra. Nhưng khi đã nói chuyện với hắn rồi thì tôi lại thấy thương xót. Hắn chỉ là một cái xác thực vật, không ý thức được điều mình đang làm!”.

Vậy thì David Berkowitz là ai và cái gì đã khiến hắn trở thành “Con trai của Sam”?

David được một gia đình trung lưu nhận làm con nuôi từ bé. Cha mẹ nuôi đối xử với hắn rất tử tế. Họ luôn chăm bẵm và mua quà cho hắn. Nhưng gia đình thật của hắn thì gặp nhiều bất hạnh. Mẹ đẻ của David là Betty Broder. Bà sinh ra và lớn lên ở Bedford-Stuyvesant, Brooklyn. Vì nhà rất nghèo nên bà phải vật lộn với cuộc sống suốt thời kỳ Đại suy thoái ở Mỹ. Cha mẹ bà là người Do Thái, đã kịch liệt phản đối việc con gái cưới Tony Falco, một người Italy không theo đạo.

Hai người đã tích cóp được một số vốn để mở một chợ cá vào năm 1939. Rồi Betty sinh con gái Roslyn. Sau đó, cuộc hôn nhân của họ gặp nhiều trục trặc và Tony bỏ đi với một người đàn bà khác. Chợ cá phá sản, Betty phải nuôi Roslyn một mình.

Một thời gian sau, bà có quan hệ tình ái với một người đàn ông đã có vợ là Joseph Kleinman. Mỗi quan hệ của họ gặp rắc rối khi Betty có mang. Kleinman không chịu chu cấp cho đứa trẻ và dọa sẽ bỏ Betty nếu bà không phá thai. Nhưng cuối cùng, David vẫn ra đời vào ngày 1/6/1953. Bà mẹ đành phải từ bỏ đứa con mình vì cảm thấy không thể nuôi nổi nó. Bù lại bà cảm thấy yên tâm khi có một gia đình người Do Thái tử tế nhận nuôi đứa trẻ. Sau đó, bà tiếp tục quan hệ với Kleinman cho đến khi ông chết vì bệnh ung thư, năm 1965.

David đã rất may mắn được vợ chồng Nat và Pearl Berkowitz đón về nuôi. Hẳn có một tuổi thơ yên bình tại khu Bronx. Đạo đó, hẳn không bộc lộ dấu hiệu nào cho thấy sẽ trở thành kẻ sát nhân sau này, ngoại trừ một việc là hẳn thích ở một mình, dù rằng bố mẹ nuôi của hẳn rất quảng giao.

Vốn có thân hình to con, David luôn cảm thấy khác các bạn cùng trang lứa và tự ti về mình. Suốt thời thơ ấu, lúc nào hẳn cũng thấy không thoải mái khi phải ở gần người khác. Môn thể thao ưa thích của hẳn là bóng chày.

Hàng xóm của Berkowitz nhớ rằng hẳn là một cậu bé xinh xắn nhưng khá nóng tính và hay đánh những đứa trẻ hàng xóm một cách hung dữ mà chẳng vì lý do nào xác đáng. Hẳn rất hiếu động và không chịu nghe lời Nat và Pearl.

David không hề biết rằng Pearl bị ung thư vú, vì thế khi biết được tin đó vào lúc bà sắp chết, hẳn đã bị sốc rất nặng. Hẳn hoảng hốt chứng kiến sức khỏe mẹ nuôi ngày càng suy kiệt. Và hẳn gục hoàn toàn khi Pearl mất vào mùa thu năm 1967.

Năm David lên 11-12 tuổi (khoảng năm 1964-65), cha mẹ nuôi hẳn có ý định chuyển nhà tới những vùng phát triển về kinh tế hơn. Nhưng Pearl đã chết trước khi họ kịp chuyển nhà. Chỉ còn David và cha nuôi sống trong căn hộ mới.

Mẹ nuôi mất, tình hình của David ngày càng trở nên tồi tệ. Hẳn học đuối dần, lòng tin của hẳn vào Chúa trời trong đạo Do Thái bị lung lay. Hẳn bắt đầu mơ hồ nghĩ rằng cái chết của bà mẹ nuôi là một phần trong kế hoạch của ai đó với mục tiêu chính là trừ khử hẳn. Hẳn càng ngày càng sống khép kín hơn với những ý nghĩ của riêng mình.

Năm 1971, Nat đi bước nữa với một người phụ nữ. Bà mẹ kế không nói chuyện được với David. Cuối cùng, hai người dọn tới Florida ở, không mang hấn theo. Hấn rơi vào hoàn cảnh sống mà không có sự giúp đỡ, không có định hướng cũng như mục tiêu. Hấn cứ tồn tại như thế cho đến khi cuộc sống trong ảo tưởng của hấn lớn hơn cuộc sống đời thực.

David từng cảm mến một cô gái tên Iris Gerhardt, nhưng đó là tình cảm đơn phương của Berkowitz. Iris chỉ coi hấn là bạn. Hấn từng học một số lớp ở Đại học Cộng đồng Bronx, và hoạt động đó thực chất là để làm hài lòng cha nuôi hấn nhiều hơn.

David gia nhập quân đội năm 1971 và tại ngũ 3 năm. Hấn được xem là một tay thiện xạ, đặc biệt ở môn súng trường. Thời gian phục vụ trong quân đội, hấn cải đạo từ Do Thái giáo sang Thiên Chúa giáo, nhưng nhanh chóng cảm thấy chán nản.

Cũng đã có lúc, David tìm gặp lại mẹ đẻ của mình và chị gái là Roslyn. Họ làm mọi việc để hấn thấy thoải mái cạnh những người thân đích thực. Nhưng dần dần, David cũng trở nên xa lánh mẹ và chị, hấn chẳng buồn đến thăm họ nữa.

Sự buồn bực và tức giận đối với những người phụ nữ mà hấn biết và ảo tưởng của trí não trong tình trạng không bình thường đã biến Berkowitz thành người theo xu hướng bạo lực khi hấn xuất ngũ năm 1974. Hấn càng hận thù phụ nữ hơn khi lần quan hệ tình dục đầu tiên và duy nhất của hấn với một gái làng chơi tại Hàn Quốc đã khiến hấn mắc bệnh da liễu.

Trước khi bắt đầu giết người, David là thủ phạm gây ra tới 1.488 vụ cháy tại New York. Cảnh sát biết được chính xác con số này nhờ vào những dòng ghi chép cẩn thận của hấn trong nhật ký. Trong cuốn sổ tay đó, hấn viết: “Phần lớn những kẻ tạo ra các vụ hỏa hoạn cảm thấy thích thú với cảm giác họ có trách nhiệm trước sự náo nhiệt và mức độ tàn phá mà ngọn lửa gây ra. Chỉ cần quét diêm một cái là họ có thể kiểm soát cả một xã hội mà bình thường khó có ai kiểm soát được. Họ sắp đặt và tạo ra cho hiện trường vụ cháy những tiếng gào thét, những đơn vị cứu hỏa với những tên lính cứu hỏa hốt hoảng, những đám đông người bàn tán, sự tàn phá các tài sản cá nhân và đôi khi là cả vài mạng người...”.

Càng ngày, David Berkowitz càng rơi vào tình trạng tuyệt vọng, trầm cảm. Trong cơn khủng hoảng, hấn như luôn nghe tiếng ai đó ra lệnh cho hấn đi giết người, giết thật nhiều. Bản án 365

năm tù có lẽ là cái kết có hậu nhất đối với hắn, chấm dứt cơn ảo giác điên loạn của kẻ sát nhân.

Tuyệt vọng

Quyển nhật ký của David cho thấy, tháng 11 năm đó, trí óc của Berkowitz ở vào giai đoạn khủng hoảng khi hắn viết cho cha nuôi (ông Nat Berkowitz, đang sống tại Florida): *“New York mùa này rất lạnh và ẩm đạm, nhưng không sao, nó hợp với tâm trạng u ám của con. Bố ạ, thế giới đang ngày càng trở nên tối tăm hơn. Con có thể cảm thấy điều đó mỗi lúc một rõ ràng. Người ta càng ngày càng căm ghét con hơn. Thậm chí bố không thể tưởng tượng được là một số người trong bọn họ căm ghét con tới mức nào đâu. Rất nhiều người muốn giết con. Con thậm chí không biết họ, nhưng họ vẫn căm ghét con. Phần lớn trong số họ đều rất trẻ. Con đi dọc hè phố, họ nhổ nước bọt và ném đá vào người con. Các cô gái thì nói rằng con rất xấu trai, và chính họ làm con cảm thấy chán nản nhất. Bọn đàn ông thì chỉ cười nhạo con. Tuy vậy, mọi thứ sẽ thay đổi theo hướng tốt hơn một cách nhanh chóng thôi”*.

Lá thư đó quả là một lời kêu cứu. Sau khi viết thư, David đã giam mình trong căn hộ nhỏ của hắn suốt gần 1 tháng trời, chỉ ra ngoài để ăn uống. Hắn viết rất nhiều câu quái đản lên tường như: *“Trong cái lỗ này có một quỷ vương đang sống. Hãy giết người đi, vì chủ của ta. Ta biến những đứa trẻ thành những tên sát nhân”*.

Giáng sinh năm 1975, David thú nhận với bác sĩ tâm lý của hắn rằng hắn sắp sửa đầu hàng lũ ma quỷ và hy vọng bằng việc đó, ma quỷ sẽ không tiếp tục tra tấn hắn nữa. Vào đêm Noel, hắn đã ở trong tình trạng bất ổn thực sự về tinh thần và tình cảm. Khi màn đêm buông xuống, hắn mang theo mình một con dao loại lớn (loại của thợ săn) và lái xe đi rình giết bất cứ một phụ nữ nào hắn gặp. Hắn cho rằng ma quỷ sẽ dẫn đường chỉ lối cho hắn biết người nào là nạn nhân của hắn.

Đêm đó, David tới thành phố nơi hắn từng sống với cha nuôi sau khi Pearl qua đời. Một người phụ nữ rời khỏi tiệm tạp hóa. Đột nhiên, David nghe thấy bọn ma quỷ ra lệnh cho hắn: *“Phải giết cô ta”*.

Hắn nhảy ra khỏi xe, chạy đuổi theo người phụ nữ, đâm con dao sẵn to bản vào lưng cô và hắn rất ngạc nhiên trước phản ứng

của cô. Sau này, hắn khai với cảnh sát: *“Tôi đâm dao vào người cô ta, nhưng cô ta thì lại chẳng làm sao cả. Cô ta chỉ quay lại và nhìn vào mặt tôi”*. Rồi cô thét lên và hắn bỏ chạy. Cảnh sát không sao xác định được câu chuyện hắn kể có thật hay không.

Sau đó, hắn nhìn thấy một phụ nữ trẻ tuổi khác. Hắn giấu con dao cho đến khi tới gần cô và chém vào đầu cô từ phía đằng sau. Dù mới 15 tuổi và ngay sau nhát chém đầu tiên đã bị thương rất nặng, nhưng Michelle Forman (tên cô gái) đã chống cự quyết liệt. Tiếng hét của cô làm David sợ và giúp cô có đủ thời gian để gắng sức chạy tới căn nhà gần đó kêu cứu. Cô bị chém tất cả 8 nhát.

Cuộc tấn công đầu tiên này làm con quỷ dữ trong đầu David dịu đi, hắn cảm thấy thoải mái hơn. Sau vụ tấn công, hắn đi ăn bánh hamburger và khoai tây chiên.

Sau hai vụ vào đêm Giáng sinh, David quay trở lại làm công việc bảo vệ tại hãng Dịch vụ An ninh IBI. Tháng 1 năm đó, hắn chuyển từ căn hộ nhỏ của mình tại Bronx đến trú tại căn hộ của gia đình Jack và Nann Cassara; hắn quyết định thuê nhà trong hai năm và trả trước 200 USD để đặt cọc.

Chúng ảo giác quái quỷ

Chú chó giống Đức của Cassara rất hay sủa và hú, làm những con chó quanh đó sủa theo. Đầu óc bệnh hoạn của David thì lại coi chó là hình ảnh của quỷ dữ và mỗi khi con vật sủa thì hắn nghĩ rằng ác quỷ đã sai khiến hắn đi kiểm máu về cho chúng, máu của những người phụ nữ thật đẹp.

Berkowitz cảm thấy đã quá sức chịu đựng: *“Tôi đi theo đại lộ Coligni về nhà vào lúc 6h30’ vào buổi sáng. Và con chó lại tiếp tục sủa. Ban ngày, tôi đi làm, còn buổi tối thì tiếng sủa của nó bám chặt lấy đầu óc tôi. Nó làm tôi phải gào lên, van xin đừng làm ồn nữa, nhưng cái tiếng sủa quái ác ấy không chấm dứt”*.

Mấy con quỷ không bao giờ dừng lại. Tôi không sao ngủ được. Tôi không còn sức để chống đỡ nữa, chỉ còn đủ khả năng lái xe đi làm và sau đó là từ chỗ làm trở về nhà, tôi đã mấy lần suýt nữa tự tử trong xe. Tôi cần được ngủ... nhưng những con quỷ chẳng cho tôi lấy một phút yên thân”.

Sau 3 tháng, David chuyển ra khỏi nhà của Cassara và tới ngụ tại căn hộ số 35 đường Pine ở Yonkers mà không hề yêu cầu trả lại số tiền hán đặt cọc trước đó. Gia đình Cassara đã đóng một vai trò làm trầm trọng thêm cuộc sống của Berkowitz, hán nhớ lại: *"Khi tôi mới chuyển tới đó, gia đình Cassara có vẻ rất vui và không thích sự ồn ào. Nhưng hóa ra tôi bị họ lừa, họ nói dối. Tôi đã tưởng rằng họ là thành viên của nhân loại. Nhưng chúng đâu có phải như vậy! Đột nhiên, gia đình Cassara thể hiện sự ma quỷ của mình ra ngoài. Chúng hú, chúng hét lên: 'Máu và chết!' Chúng gọi tên của những con quỷ chúa! Quỷ máu, và John Wheaties, tướng Jack Cosmo".* Áo giặc trong David càng ngày càng phát triển, hán gọi Cassara là tướng Jack Cosmo, chỉ huy trưởng của những con chó ma quỷ vẫn chạy rông khắp New York. Những con quỷ thường xuyên cần máu người và David không còn cách nào khác là phải cung cấp cho chúng, bằng những cuộc tấn công mới.

Xung quanh căn hộ tại phố Pine của David cũng có chó. Đó là Harvey - con chó giống Labrador, lông đen của Sam Carr. David đã cố gắng giết "con quỷ ẩn trong Harvey" bằng một cốc cocktail Molotov, nhưng không thành, vì thế hán bắn thẳng vào nó.

Trong sự hình dung của David, con người Sam Carr là nơi ẩn náu của một ác quỷ đầy quyền lực tên là Sam, con quỷ này làm việc cho tướng Jack Cosmo (!). Khi David tự xưng là "Con trai của Sam", chính là hán muốn đề cập tới con quỷ trong Sam Carr. David cảnh báo mọi người rằng họ phải cẩn thận với ông ta. "Sam và những con quỷ trong người hán phải chịu trách nhiệm về rất nhiều vụ sát nhân". Không may là trong cái danh sách do trí tưởng tượng của David tạo dựng nên, chỉ có Chúa trời mới có thể giết chết Sam vào Ngày Tận thế. Rất nhiều lần đầu óc bệnh hoạn của David nghĩ rằng Sam là con quỷ lớn nhất.

Ngày trước khi giết chết Donna Lauria, David bỏ việc và chuyển sang làm tài xế taxi. Hán nói rằng mình không muốn giết Donna và bạn của cô là Jody, nhưng con quỷ trong người đã bắt hán phải làm như vậy. Gây tội ác xong, hán cảm thấy vừa mệt mỏi, vừa thỏa mãn như thể làm xong một công việc tốt. Hán đã khiến Sam hài lòng đến mức gả Donna cho hán. Sam làm David tin rằng, một ngày kia, Donna sẽ tỉnh dậy sau cái chết và yêu hán.

Bệnh của David được coi là chứng tâm thần phân liệt. Sự khó khăn trong quan hệ của David với những người xung quanh đã khiến hán càng ngày càng xa lánh mọi hoạt động xã hội. Và đó

là một môi trường tốt cho sự phát triển của những ảo tưởng điên loạn. Cuối cùng thì những ảo tưởng ấy cũng trở thành hiện thực và David sống trong một thế giới chứa đầy những ma quỷ do đầu óc hắn tạo ra. Trạng thái tinh thần ấy ngày càng tồi tệ, thì sự căng thẳng cũng ngày càng tăng dần và chỉ giảm đi khi hắn tấn công người khác thành công. Tạm thời trong khoảng thời gian ngắn sau khi hắn ra tay, những đợt căng thẳng trong đầu óc hắn giảm dần. Nhưng rồi sự căng thẳng quay trở lại và quá trình đó cứ thế lặp đi lặp lại.

Bị bắt là thoát nợ

Khi bị bắt, David tỏ ra rất bình tĩnh. Hắn thậm chí còn mỉm cười. Có vẻ như là hắn cảm thấy nhẹ nhõm vì bị bắt. Có lẽ hắn cho rằng cuối cùng khi hắn vào tù thì những con chó và lũ quỷ dữ sẽ không sửa đổi máu nữa.

Tuy nhiên, theo bác sĩ David Abrahamsen, chuyên gia giám định pháp y của cảnh sát, “ở bị cáo, có biểu hiện của trạng thái ảo tưởng, nhưng những dấu hiệu đó không liên quan gì tới việc anh ta không ý thức được việc mình đang làm và không thể đứng trước tòa... Bị cáo là người có trạng thái bình thường như mọi người khác, dù rằng anh ta tương đối dễ bị kích động”.

Cuối cùng thì điều đó cũng không có nhiều ý nghĩa vì David Berkowitz đã nhận tội. Hắn nhận bản án 365 năm tù.

Năm 1979, Robert Ressler, cựu sĩ quan của Cục điều tra Liên bang Mỹ (FBI), đã phỏng vấn Berkowitz tại nhà tù Attica 3 lần. Trong tù, Berkowitz được phép dùng một quyển sổ nhỏ để tập hợp lại tất cả những bài báo viết về các vụ giết người. Hắn sử dụng sổ đó để giúp cho sự tưởng tượng điên khùng của mình tồn tại.

Ressler cũng khẳng định rằng, Berkowitz thực chất đã dựng lên câu chuyện về những con chó ma quỷ để tự bảo vệ bản thân mình trong trường hợp bị bắt. Hắn tin rằng với câu chuyện đó, hắn sẽ bị coi là kẻ thân kinh nặng. Hắn đã thú nhận trong một cuộc nói chuyện với Ressler, rằng lý do chính khiến hắn bắn những phụ nữ mà mình gặp trên đường là vì lòng hận thù mẹ đẻ, và vì hắn không sao có được quan hệ tốt đẹp với những người đàn bà. Hắn nói rằng hắn tự cảm thấy rất hưng phấn sau khi rình mò và bắn

vào các nạn nhân của mình. Cứ sau mỗi vụ như vậy, hắn lại thủ dâm.

Hắn cũng cho Ressler biết, việc rình mò các nạn nhân nữ đã trở thành một thú vui mang tính phiêu lưu của hắn. Nếu hắn không tìm được một nạn nhân, hắn sẽ quay trở lại những nơi hắn từng giết người trước đó và cố gắng nhớ lại cảnh hắn ra tay. Hắn rất thỏa mãn khi nhìn thấy máu khô còn sót lại trên hiện trường, dấu phấn của cảnh sát vạch quanh xác nạn nhân. Cũng như hắn, nhiều tên giết người khác thường trở lại nơi mình gây án không phải vì chúng cảm thấy hối hận mà vì chúng khoái trá và những lần như vậy làm cho chúng cảm thấy bị kích thích.

Hắn muốn tới đám tang của những nạn nhân, nhưng lại sợ cảnh sát nghi ngờ mình. Tuy nhiên, hắn cũng hay lang thang ở những quán ăn quanh đồn, hy vọng có thể nghe lỏm được tin tức của cảnh sát nói về việc điều tra những tội ác do hắn gây ra. Hắn cũng đã nhiều lần cố gắng tìm cho ra nơi chôn cất các nạn nhân.

Giống như nhiều tên giết người hàng loạt khác, hắn cảm thấy sự tự mãn của mình được vuốt ve mỗi khi đọc thấy một bài báo nói về những vụ án mạng mà mình gây ra. Sĩ quan Ressler kể lại: “Sau khi biết báo chí gọi mình là 'Con trai của Sam', hắn khoái trá tới mức còn định lấy danh hiệu đó làm tên thật của mình và còn tìm cách tạo ra một logo cho nó”.

SÁT THỦ BÓP CỔ Ở THÀNH BOSTON

Từ giữa năm 1962 đến đầu 1964, 13 phụ nữ đã bị giết tại Boston, thủ phủ bang Massachusetts (Mỹ). Quá trình điều tra vất vả sau đó đã dẫn cảnh sát tới Albert DeSalvo, kẻ được mệnh danh là "sát thủ bóp cổ ở Boston". Nhưng ngay khi hắn thừa nhận tội ác, vẫn có nhiều chứng cứ chứng tỏ DeSalvo không hề phạm tội.

Những nạn nhân cứng tuổi

Trong số 11 nạn nhân mà DeSalvo thú nhận đã giết, có 6 người nằm trong lứa tuổi 55-75; hai ở tuổi 85 và 69; 5 nạn nhân còn lại khá trẻ, 19-23 tuổi. Phần lớn nạn nhân có vẻ ngoài trẻ hơn tuổi.

Anna E. Slesers là một phụ nữ đẹp, thân hình nhỏ nhắn. Mười năm trước, bà chạy trốn khỏi Latvia cùng với con trai, con gái và mua một căn nhà tại số 77 phố Gainsborough, khu phố yên tĩnh tại vùng Back Bay. Đó là một phần nhỏ của căn nhà gạch, được chia ra làm nhiều căn để phù hợp với nhu cầu của những người có thu nhập thấp. Anna Slesers sống độc thân trên tầng 3, với thu nhập 60 USD/tuần bằng nghề thợ may.

Ngày 14/6/1962, sau bữa ăn tối, bà đi tắm trong khi đợi con trai, Juris, tới đón. Hai mẹ con sẽ dự một buổi lễ tưởng niệm tại nhà thờ. Bà bước vào phòng tắm vặn vòi nước, bên trong nhà vở Opera Tristan and Isolde, đang phát trên radio vẫn vang lên.

19h kém, Juris gõ cửa. Không ai trả lời mà cửa thì bị khoá. Anh cảm thấy khó chịu vì ngay từ đầu, Juris đã không muốn đưa mẹ mình đi dự buổi lễ tại nhà thờ! Anh gõ mạnh vào cánh cửa và đột nhiên cảm thấy lo lắng. Phải chăng mẹ anh ốm, thậm chí đang bất tỉnh? Juris còn nghĩ đến những điều xấu hơn thế. Tối hôm trước, khi nói chuyện qua điện thoại, anh thấy mẹ mình rất chán nản... Juris lao người vào cánh cửa. Đến lần thứ hai, cửa bật tung.

Điều tồi tệ nhất đã xảy ra. Mẹ anh nằm trong bồn tắm với sợi dây của chiếc váy bà mặc quấn quanh cổ. Juris chỉ còn biết gọi

điện cho cảnh sát và chị của mình tại Maryland, để kể cho họ nghe về vụ “tự sát” của mẹ mình.

Khi hai thám tử James Mellon và John Driscoll đến hiện trường, tất cả những gì họ thấy là xác của một phụ nữ không mặc quần áo và vẻ khùng khiếp của cái chết mà bà phải trải qua.

Hiện trường có vẻ như một vụ cướp, nhưng những đồ vật có giá trị như đồng hồ bằng vàng và một số đồ trang sức vẫn để nguyên tại chỗ. Ví của Anna bị vớt trên sàn và mọi thứ trong đó bị lôi hết ra ngoài. Thùng rác trong khu bếp bị bới tung lên và rác bị vớt xung quanh đó. Các ngăn kéo và một va ly nhiều màu sắc cũng ở trạng thái tương tự. Máy quay đĩa vẫn chạy, nhưng loa đã bị tắt.

Khám nghiệm pháp y cho thấy Anna bị hãm hiếp rồi mới bị xiết cổ.

Điều tra chi tiết thêm, cảnh sát được biết Anna là người rất yêu chồng và các con. Sở thích của bà là công việc đang làm và nhạc cổ điển. Bà ít nói và có ít bạn bè. Trước khi chết, hầu như bà không gặp gỡ với bất kỳ người đàn ông nào khác, ngoài con trai mình.

Chỉ sau đó vài tuần, ngày 30/6, Nina Nichols, 68 tuổi, đã bị giết tại căn hộ của bà ở đại lộ Commonwealth, khu Brighton của Boston. Nạn nhân là nhà vật lý trị liệu, sống một cuộc đời khá yên bình và giản dị. Chồng bà chết trước đó 20 năm. Người đàn ông duy nhất mà bà quen biết là ông anh rể.

Hiện trường cũng giống như một vụ trộm. Các ngăn kéo bị kéo ra bên ngoài, đồ đạc nằm lung tung trên thảm như thể căn phòng vừa trải qua một trận bão. Nhưng điều kỳ lạ là hàng nắm tiền sterling bằng bạc sáng lóa trong một ngăn kéo, tiền trong ví, máy quay phim đắt tiền của nạn nhân vẫn nguyên tại chỗ... Không đồ đạc nào bị mất, ngoại trừ việc hung thủ đã lục lọi sổ ghi địa chỉ và tập thư của nạn nhân. Xác nạn nhân nằm trên sàn nhà, hai chiếc tất nylon của bà buộc quanh cổ và phía trước thắt lại thành hình chiếc nơ. Trước khi giết thủ phạm đã hãm hiếp bà. Pháp y xác định vụ án xảy ra vào khoảng 17h.

Cùng ngày hôm đó, cách nơi Nina Nichols bị giết khoảng 24 km về phía bắc của Boston, cảnh sát phát hiện thi thể của bà Helen Blake. Pháp y giám định bà bị giết trong khoảng 8-10 giờ sáng. Người phụ nữ 65 tuổi này cũng bị xiết cổ bằng tất nylon sau

khi bị hãm hiếp. Ngang cổ, tên tội phạm buộc một cái nơ bằng chính áo lót của bà. Căn hộ của Blake bị lục lọi, hai chiếc nhẫn kim cương mà bà đeo biến mất. Tên tội phạm đã tìm cách mở một hộp và một tủ bằng kim loại nhưng không thành công.

Cảnh sát trưởng Boston Edmund McNamara rất lo lắng. Ông cảnh báo mọi phụ nữ trong thành phố phải khóa cửa và phải trông chừng những kẻ lạ mặt. Các nhân viên cảnh sát bị hoãn phép và được huy động vào điều tra những vụ án bí ẩn này. Thông tin của những kẻ từng có tiền án tấn công phụ nữ hay bị tâm thần được rà soát để tìm hung thủ đã thực hiện loạt vụ tấn công đó. Theo cảnh sát, thủ phạm hẳn phải là một kẻ rất ghét mẹ đẻ của hắn. McNamara yêu cầu Cục Điều tra Liên bang (FBI), nơi ông từng làm việc, tổ chức cuộc họp giúp hơn 50 thám tử của ông hiểu hơn về các loại tội phạm tình dục.

Trong khi đó các vụ án giết người vẫn liên tiếp xảy ra. Ngày 19/8, bà Ida Irga, 75 tuổi, trở thành nạn nhân của tên bóp cổ. Nạn nhân được tìm thấy sau khi bị giết hai ngày, trong căn hộ của mình tại số 7 đại lộ Grove, phía tây Boston. Cũng như những vụ trước đó, không dấu hiệu nào cho thấy thủ phạm đã đột nhập vào nhà của nạn nhân. Có lẽ Irga đã cho hắn vào nhà một cách thoải mái.

Khác với các vụ kia, Irga bị bóp cổ. Máu khô vẫn còn trên đầu, trong mồm và tai bà.

Chỉ trong vòng 24 giờ đồng hồ sau khi Ida Irga bị giết, một phụ nữ khác tên Jane Sullivan, 64 tuổi, cũng bị bóp cổ đến chết tại căn hộ 435, đường Columbia, thị trấn Dorchester ngay gần thị trấn nơi Irga sống. Thi thể được phát hiện khi đang ở giai đoạn phân hủy 10 ngày sau khi chết.

3 tháng yên tĩnh sau đó đủ để các nhân viên cảnh sát Boston có điều kiện điều tra tất cả những kẻ tình nghi. Nhưng họ chỉ thu được một danh sách dài những kẻ tình nghi, mà phần lớn không có khả năng là “tên bóp cổ”.

Nạn nhân kế tiếp - trẻ trung và xinh đẹp

Và hắn trở lại hoạt động vào ngày 5/12/1962. Nạn nhân lần này là Sophie Clark, sinh viên Mỹ gốc Phi, 21 tuổi, nổi tiếng khá ái ở Viện Nghiên cứu Carnegie về công nghệ y học. Xác của cô được

hai người bạn cùng phòng phát hiện tại căn hộ của họ, số 315 đại lộ Huntington, trong khu Back Bay, cách nhà của nạn nhân đầu tiên Anna S. Slesers không xa. Thi thể Sophie nằm trong phòng khách, cổ bị thắt chặt bởi 3 chiếc tất nylon được buộc thành hình nơ bướm. Cô cũng bị hãm hiếp trước khi bị sát hại.

Không có dấu hiệu cho thấy tên tội phạm đã đột nhập. Sophie vốn là người rất cẩn thận, lắp tới hai ổ khóa cho cánh cửa ra vào. Thậm chí, theo lời bạn cô, Sophie còn thận trọng tới mức nhận diện người gõ cửa trước khi để họ vào phòng. Khả năng duy nhất là cô đã bị tên giết người thuyết phục cho vào nhà. Lúc đó, cô đang viết thư cho bạn trai. Trước khi chết, Sophie có vật lộn với tên giết người. Và hắn đã lục lọi bộ sưu tập những đĩa nhạc cổ điển của cô. Thực tế, cô không hẹn hò ai ở Boston và rất hạn chế trong việc quan hệ với nam giới.

So với những án mạng trước, vụ này tương đối lạ. Bởi Sophie là một phụ nữ da đen trẻ tuổi và cô không sống một mình. Đây cũng là lần đầu tiên cảnh sát tìm thấy mẫu tinh dịch của tên tội phạm.

Trong quá trình điều tra, cảnh sát thu được một thông tin quan trọng. Cô Marcella Lulka, sống với chồng trong căn hộ cùng khu nhà với Sophie, cho biết, vào khoảng 14h20' cùng ngày xảy ra vụ án, một người đàn ông lạ mặt đã đến gõ cửa nhà cô, nói là người trông coi khu nhà yêu cầu anh ta đến sơn cửa cho cô. Vừa trò chuyện, hắn vừa ca ngợi thân hình Lulka: “Đã bao giờ cô nghĩ đến việc trở thành người mẫu chưa?”. Thấy cô tỏ ra nghi ngờ, hắn lập tức giận dữ và thay đổi hoàn toàn thái độ.

Lulka dọa hắn: “Chồng tôi đang ngủ ở phòng bên”. Thêm lần nữa, thái độ người đàn ông thay đổi. Hắn nói mình đã vào nhầm hộ và nhanh chóng rời khỏi khu nhà. Lulka miêu tả, kẻ lạ mặt tuổi khoảng 25-35, cao trung bình, tóc nâu vàng, mặc áo jacket màu tối và quần xanh thẫm.

Nhiều khả năng đó chính là “tên bóp cổ”, bởi sau đó, bộ phận trông coi khu nhà xác minh là không hề cử người tới. Hơn nữa, 14h30' là khoảng thời gian dự tính xảy ra cái chết của Sophie Clark.

3 tuần sau, lại thêm một phụ nữ, cũng ở khu Back Bay, bị giết chết. Đó là cô Patricia Bissette, 23 tuổi, thư ký tại một công ty cơ khí. Xác của cô chỉ được phát hiện khi giám đốc không thấy cô

đi làm, đã lo lắng đến tận nơi cô ở, sáng thứ hai, ngày 31/12/1962. Bissete nằm trên giường, chặn đắp tới tận cổ như thể đang ngủ. Dưới lớp chăn, kẻ giết người buộc rất nhiều tất quanh người cô và thắt lại thành hình nơ bướm. Bissete bị hãm hiếp dù đang mang thai. Phòng của cô cũng bị lục tung.

Mọi thứ lại trở lại yên tĩnh trong vài tháng. Cảnh sát tiếp tục điều tra các vụ giết người để tìm thêm chứng cứ. Họ đã làm tất cả những gì có thể, nhưng không phát hiện được điều gì đáng kể.

Đầu tháng 3/1963, tại thị trấn Lawrence, cách Boston 40 km về phía bắc, bà Mary Brown, 68 tuổi đã bị đánh đến chết trong căn hộ của mình. Tên tội phạm đã hãm hiếp nạn nhân trước khi giết. Rồi cái chết của nữ sinh mới ra trường Beverly Samans, 23 tuổi, kéo dài hai tháng đầy hãi hùng với dân thành Boston. Không thấy Samans tới tập với dàn đồng ca của nhà thờ tại Back Bay, người bạn của cô đã đến nhà Samans. Anh mở cửa bằng chìa khóa Samans đưa cho từ trước và phát hiện bạn nằm ngay trước cửa, hai tay bị trói ra đằng sau bằng một chiếc khăn quàng. Một chiếc tất nylon và hai chiếc khăn mùi xoa nối lại với nhau, buộc quanh cổ Samans. Mồm cô bị nhét giẻ, và được phủ lên bằng một cái giẻ khác.

Samans không chết vì bị bóp cổ, mà do bị 4 nhát dao đâm vào cổ họng, 18 nhát vào ngực trái. Những chiếc tất buộc quanh cổ khá lỏng, có vẻ chỉ mang tính “trang trí”. Con dao hung khí nằm trong bồn rửa bát. Không có dấu hiệu Samans bị hãm hiếp. Giám định pháp y khẳng định nạn nhân chết khoảng 48-72 giờ trước khi được phát hiện.

Samans đang theo học một khóa thanh nhạc, và dự thi để tham gia cuộc biểu diễn có tên “Gặp nhau ở New York” vào năm đó. Cảnh sát cho rằng, vì cổ họng cô quá khỏe nên tên giết người đã phải đâm chết cô, thay vì bóp cổ.

Cảnh sát trở nên tuyệt vọng. Họ không thể tìm ra chứng cứ trực tiếp nào về kẻ giết người. Cuối cùng, Paul Gordon, người đàn ông có khả năng kỳ lạ về thần giao cách cảm, được mời tới. Theo nhận định của ông, hung thủ là người khá cao, có bàn tay xương xẩu, nước da trắng tái, những khớp tay gồ ghề ửng đỏ, đôi mắt sâu độc ác.

Nhận dạng hung thủ qua con mắt nhà thần giao cách cảm

Paul Gordon lầm rầm: “Tôi cảm thấy thật kinh khủng khi phải nhìn vào mắt hắn. Hắn có thói quen lật mấy sợi tóc quăn rũ trước trán về phía sau. Hắn mất một chiếc răng cửa ở hàm trên và đang ở trong bệnh viện hoặc nơi nào đó tương tự. Hắn không bị giam giữ, vì tôi nhìn thấy những bước chân của hắn trên một thảm cỏ. Hắn đang đi lang thang, nhiều lúc ngồi nghỉ trên ghế hoặc ngồi luôn xuống đất.

Hắn có nhiều vấn đề. Hắn đánh mẹ mình rất tàn nhẫn. Bà này không mấy thông minh và từng đánh đập hắn cùng hai cô chị lúc chúng còn bé. Gia đình này đến từ Maine hoặc Vermont. Hắn rất cô đơn. Tôi đã nhìn thấy hắn ngủ trong những hầm rượu ở thành phố. Nhưng hắn thích đi lang thang trên phố để nhìn ngắm phụ nữ trên đường, và muốn lại gần họ. Hắn là một kẻ tội nghiệp, mãi miết đi tìm mẹ mình, nhưng không sao tìm được vì bà ta đã chết”.

Thám tử đưa cho Gordon một loạt bức ảnh những kẻ từng có ý định đột nhập khu Back Bay, và ông nhận ra Arnold Wallace. Ông cho rằng đó chính là tên bóp cổ, vì hắn có những đặc điểm đúng như ông hình dung về tên tội phạm.

Wallace là một thanh niên 26 tuổi, từng là bệnh nhân tâm thần tại Bệnh viện Boston. Vài ngày trước đó, hắn lang thang ra khỏi bệnh viện và ngủ tại tầng hầm của một số căn hộ trong các khu chung cư. Hắn là một kẻ có khuynh hướng bạo lực và từng đánh đập mẹ rất tàn nhẫn.

Sau khi nhận diện Wallace, Gordon chuyển sang nhận diện tiếp kẻ đã giết Sophie Clark. Qua ảnh của cô, ông miêu tả chính xác mọi vị trí trong căn nhà, cứ như thể mình đã ở đó. Theo Gordon, tên giết người là một người đàn ông da đen cao lớn, quen biết Sophie. Nhận định của ông khá ấn tượng, vì sau đó ông đã chỉ đúng một kẻ tình nghi trong vụ giết Sophie là Lewis Barnett. Người đàn ông này từng hò hẹn với Sophie và có khả năng hắn cũng đã có thời gian sống chung trong căn hộ của cô.

Gordon còn cho rằng, tên bóp cổ sẽ sớm để lộ chân tướng và thú tội với cảnh sát. “Khi hắn nhận tội, thì giống như các ông đang cuốn một chiếc thảm lớn, mọi việc sẽ lộ dần ra một cách rõ nét và trả lời mọi câu hỏi mà các ông đặt ra đã hàng tháng nay. Các ông

sẽ không thể dự tính trước được thời gian xảy ra việc đó”, Gordon nói.

Thông tin về Arnold Wallace lập tức được thẩm tra. Họ phát hiện ra rằng hắn đã trốn khỏi bệnh viện 5-6 lần, trùng với thời gian xảy ra các vụ giết người. Tuy nhiên, cảnh sát Boston tỏ ra khá thận trọng. Bởi họ cho rằng Gordon từng tới bệnh viện trước đó, nên ông ta hoàn toàn có khả năng đã nhìn thấy Wallace. Và như vậy, phán đoán của ông ta chỉ là giả dối. Mà biết đâu Gordon chính là tên bóp cổ?...

Wallace được kiểm tra bằng máy phát hiện nói dối. Chỉ số IQ khá thấp của Wallace, trong khoảng 60-70, và việc hắn bắt lực không phân biệt được thực tại và ảo giác, gây cho cảnh sát nhiều khó khăn. Cuộc thử nghiệm không cho kết quả nào rõ rệt. Wallace trở lại bệnh viện, và cảnh sát tiếp tục lần theo các manh mối khác.

Boston lại có một thời gian “nghỉ ngơi” kéo dài trong suốt 3 tháng 6-8. Để rồi ngày 8/9/1963, xác một phụ nữ đã bỏ chồng, tên Evelyn Corbin, 58 tuổi, có bề ngoài trẻ trung, được tìm thấy trong căn hộ của bà tại khu Salem. Corbin nằm úp mặt trên giường với hai chiếc tất nylon xiết quanh cổ, mồm bị bít kín bằng chính quần lót của bà. Pháp y khẳng định bà không bị hãm hiếp.

Căn nhà của Corbin không có dấu hiệu vụ trộm cắp. Một khay đồ trang sức nằm giữa sàn nhà. Mọi thứ chứa trong ví của bà vương vãi trên ghế sofa. Tất cả đều không thể giải thích nổi. Bên ngoài cửa sổ căn hộ, trên đường thoát khẩn cấp khi xảy ra hỏa hoạn, là chiếc bánh rán còn mới, mà những người sống xung quanh đó khẳng định không phải do họ vứt.

25/11, cả nước Mỹ chìm trong đau thương trước cái chết của tổng thống John F. Kennedy, bị ám sát 3 ngày trước đó. Người dân Boston dán mắt vào màn hình tivi chờ đợi những tin tức mới về kẻ giết tổng thống. Cư dân thành Boston không biết rằng tên bóp cổ đã lại ra tay. Nạn nhân là Joann Graff, nhà thiết kế công nghiệp 23 tuổi, sống tại khu Lawrence. Pháp y cho biết cô bị giết trước khi Tổng thống Mỹ bị bắn. Hai chiếc tất nylon nịt chặt quanh cổ thành hình chiếc nơ như những vụ trước đó. Căn hộ của cô bị lục tung.

Vào khoảng 3h25', một sinh viên sống trong căn hộ phía trên phòng của Graff nghe thấy tiếng bước chân trong khu hành lang. Người sinh viên này nói mình nhìn thấy một người lảng vảng quanh khu vực. Khi nghe tiếng gõ cửa ở phòng đối diện, anh mở

cửa nhìn ra và thấy một người đàn ông khoảng 27 tuổi, đầu bôi sáp thơm, sơ mi và jacket màu tối.

Người lạ mặt lên tiếng trước: “Có phải Joan Graff sống ở đây không?” (phát âm sai tên của Joann). Người sinh viên đáp rằng Joann sống ở tầng dưới. Vài phút sau, anh nghe tiếng đóng mở cửa phía dưới. Có lẽ, Joann đã cho người đàn ông vào phòng của mình. 10 phút sau đó, một người bạn gọi điện cho Joann, nhưng không ai trả lời.

Buổi sáng trước khi Joann chết, một phụ nữ sống trong căn hộ tầng dưới Joann nghe thấy tiếng nói chuyện trước cửa. Cô lại gần và thấy một tờ giấy đưa qua đưa lại nơi khe cửa. Đột nhiên, tờ giấy biến mất và cô nghe tiếng bước chân đi xa.

Hơn một tháng sau cái chết của Joann, ngày 4/1/1964, sau buổi làm, hai cô gái trở về nhà của họ tại số 44A, đường Charles. Họ kinh hoàng thấy cô bạn cùng phòng, Mary Sullivan, 19 tuổi, đã chết trong một tư thế kinh khủng. Hung thủ bóp cổ Sullivan tới chết, sau đó buộc quanh cổ nạn nhân một chiếc tất màu tối, rồi một chiếc khăn màu hồng bằng lụa với một cái nơ lớn tết dưới cằm, và trên cùng là một chiếc khăn màu hồng trắng. Một tấm card sặc sỡ có ghi dòng chữ “Chúc mừng năm mới!” để đối diện với xác của cô. Thi thể Sullivan được đặt ở vị trí ngồi trên giường, lưng tựa vào tấm biển phía sau.

Mọi chuyện đã vượt quá sức chịu đựng của các thám tử dày dạn kinh nghiệm. Họ từng nhiều lần bị thủ phạm của các vụ án “xỏ mũi”, nhưng chưa kẻ nào gây án mà không để lại dấu vết gì như vụ án này. Trong khi nỗi hoảng sợ vẫn lan rộng trong dân chúng Boston.

Thành lập phòng điều tra tên bóp cổ

Hai tuần sau khi Mary Sullivan bị giết, vào ngày 17/1/1964, Chương lý bang Massachusetts, Edward Brooke, quan chức tư pháp cao nhất ở đây, đứng ra nhận trách nhiệm giải quyết vụ giết người hàng loạt này. Điều đó thể hiện quyết tâm của chính quyền bang trong việc giải quyết dứt điểm vụ án.

Brooke không phải là một chính trị gia bình thường. Bên trong dáng vẻ lịch thiệp của ông là kinh nghiệm đáng nể của một nhà điều tra chuyên nghiệp. Vào thời điểm đó, ông là người da đen

duy nhất của nước Mỹ được giao chức vụ chương lý bang. Và điều đáng chú ý nữa, ông lại là đảng viên Cộng hòa trong một bang được đặt dưới sự điều hành của đảng Dân chủ.

Brooke dám chấp nhận mạo hiểm, chấp nhận rủi ro có thể xảy đến cho tương lai chính trị của mình, và tính cả tới khả năng tên bóp cổ không bao giờ bị bắt. Nhưng kế hoạch của ông rất thực tế và hứa hẹn thành công.

Ông thành lập nhóm điều tra kết hợp chức năng của tất cả các bộ phận trong cơ quan cảnh sát và đưa ra quy định là các thành viên của nhóm không được tham gia vào bất kỳ vụ điều tra nào khác. Họ cũng không được phép che giấu thông tin để cạnh tranh với nhau. Thêm vào đó, ban điều tra của Brooke còn kiêm cả nhiệm vụ xoa dịu phản ứng của giới báo chí về “sự bất lực của cảnh sát Boston”. Chỉ có một vấn đề khiến Brooke bị chỉ trích nhiều là để trợ lý của ông - Boston John S. Bottomly, người thiếu kinh nghiệm trong lĩnh vực hình sự - làm lãnh đạo ban điều tra.

Nhiều người chê bai Bottomly. Edmund McNamara, Cảnh sát trưởng Boston, thậm chí còn kêu lên: “Lạy Chúa lòng lành, ông ta chỉ là một kẻ gàn dở!”. Tiểu thuyết gia George V. Higgins, từng làm việc cho hãng tin AP vào thời điểm đó, nhớ lại: “Tôi chưa bao giờ nghe thấy McNamara nhắc tới Bottomly mà không đệm vào hai chữ đồ khốn. Và ông nói hai từ ấy nhiều đến mức tôi tưởng đó là một phần trong tên đầy đủ của Bottomly!”.

Nhưng dù sao, Bottomly cũng được nhiều người ủng hộ. Theo họ, ông là người trung thực, nhiệt tình, biết áp dụng phương pháp điều tra “không truyền thông” cho một vụ án “kỳ lạ”.

Đội điều tra mới được thành lập bao gồm thám tử Phillip DiNatale (thuộc đơn vị Cảnh sát Boston), James Mellon, sĩ quan cảnh sát đặc nhiệm; Stephen Delaney, sĩ quan cảnh sát Metropolitan, và thám tử Andrew Tuney thuộc lực lượng Cảnh sát Liên bang Mỹ. Ngoài ra, còn có sự góp mặt của Tiến sĩ Donald Kenefick với vai trò lãnh đạo ủy ban cố vấn về y học - tâm lý (ủy ban pháp y).

Hai tháng sau khi Ban điều tra được thành lập, Thống đốc bang Massachusetts Peabody treo giải thưởng 10.000 USD cho bất kỳ ai cung cấp thông tin có giá trị trong việc giải quyết vụ án tên bóp cổ Boston.

“Văn phòng Điều tra tên bóp cổ” là tên thường gọi của lực lượng mới này. Họ có nhiều công việc phải làm trước khi có thể trực tiếp tiến hành điều tra. Trước hết là thu thập, tổ chức phân loại 37.000 trang tài liệu từ các văn phòng cảnh sát điều tra liên quan tới vụ án. Với ủy ban pháp y, nhiệm vụ đề ra là phát triển hồ sơ về những người có khả năng gây ra các vụ giết người tương tự.

Qua điều tra, các chuyên gia của ủy ban pháp y nhận thấy sự khác biệt giữa những vụ án mạng mà nạn nhân là phụ nữ lớn tuổi và những vụ nạn nhân trẻ tuổi. Họ cho rằng không thể chỉ có một hung thủ, và những tên giết người đã học tập lẫn nhau phương thức gây án.

Vậy loại người nào có thể gây ra những vụ sát nhân như vậy? Tiến sĩ Kenefick nói về những gì mà nhóm của ông đã khám phá và phác họa về hắn: “Hung thủ ít nhất 30 tuổi. Có thể già hơn một chút. Hắn vốn gọn gàng, làm việc có thứ tự và rất đúng giờ. Hắn là người lao động chân tay, hoặc thích làm những công việc lao động chân tay. Nhiều khả năng độc thân, đã ly thân hoặc ly hôn. Hắn không phải là người có vẻ ngoài điên dại. Hắn không có bạn thân, dù là nam hay nữ”.

Theo gợi ý của Bottomly, cuối cùng Brooke đã chấp thuận cho Peter Hurkos, một chuyên gia về tâm linh nổi tiếng người Hà Lan, tham gia đội điều tra. Hai nhóm hoạt động tư nhân đồng ý trả tiền trang trải mọi chi phí cá nhân của Hurko. Những gì ông phải làm là nhận diện cho được một kẻ tình nghi, người mà ban điều tra sát thủ bóp cổ từng thẩm vấn. Đó là một người bán giày có tiền sử bệnh tâm thần. Nhưng cuối cùng, cảnh sát không tìm ra chứng cứ cho thấy anh ta có liên quan đến vụ giết người. Hướng điều tra này bị khép lại.

Người "làm công tác đo đạc"

Vài năm trước khi những vụ giết người bóp cổ xảy ra, tại khu vực Cambridge đã xảy ra hàng loạt vụ xâm phạm tình dục lạ kỳ. Một người đàn ông gần 30 tuổi đến gõ cửa từng nhà, và nếu người mở cửa là phụ nữ trẻ, thì anh ta sẽ tự giới thiệu: “Tôi là Johnson, làm cho một hãng thời trang. Có người thông báo cho chúng tôi biết tên và địa chỉ của cô, và bảo rằng cô có thể trở thành một người mẫu tốt”. Sau đó, anh ta vội vã giải thích cho chủ nhà hiểu rằng làm mẫu không có nghĩa là phải trút bỏ toàn bộ quần áo hoặc

là làm việc gì đó tương tự, mà chỉ cần trình diễn trang phục dạ hội hoặc áo tắm. Tiền công là 40 USD/giờ. Anh ta được hăng thời trang gửi tới để đo người cho cô và hỏi các thông tin khác, nếu cô thật sự quan tâm tới đề nghị của hăng.

Hiển nhiên là cách hỏi ấy đã làm một số cô gái trẻ thích thú, và họ đã cho phép anh ta vào nhà, chỉ để đo đạc.

Anh ta là một người khá dễ thương, có nụ cười của một cậu bé. Khi xong việc, anh ta nói rằng bà Lewis của hăng sẽ liên lạc với họ nếu các số đo thích hợp cho công việc của hăng. Tất nhiên là sau đó chẳng có cuộc gọi hay chuyên viếng thăm nào của bà Lewis cả. Sự việc lặp lại nhiều lần, và cuối cùng, một vài phụ nữ trẻ đã gọi điện báo cho cảnh sát.

Ngày 17/3/1961, cảnh sát Cambridge bắt một người đàn ông khi anh ta đang tìm cách đột nhập một căn hộ. Khi bị thẩm vấn, anh ta thú nhận chính mình là người làm “công tác đo đạc” nói trên.

Kẻ bị bắt tên Albert DeSalvo, 29 tuổi, có vài tiền sự về tội đột nhập và ăn cắp tiền tại một số căn hộ. Anh ta sống tại Malden với cô vợ người Đức, cùng hai con nhỏ. DeSalvo là người điều khiển máy ép ở một nhà máy sản xuất cao su.

Khi được hỏi tại sao lại thực hiện trò lừa đảo “hăng người mẫu”, DeSalvo trả lời: “Tôi không đẹp trai. Tôi không được dạy dỗ cẩn thận. Nhưng tôi có thể làm điều gì đó mà những người may mắn hơn tôi không đoán ra được. Họ chỉ là những đứa trẻ có bằng đại học, và dù chẳng có tài sản gì trong tay, tôi vẫn có thể đánh lừa họ”.

Vị quan tòa xét xử trường hợp của DeSalvo tỏ ra thông cảm với vai trò phải kiếm tiền nuôi vợ con của DeSalvo, nên đã giảm án tù cho anh ta xuống 18 tháng. Vì cải tạo tốt, tháng 4/1962, DeSalvo được tha trước hạn. Vụ giết người bóp cổ xảy ra sau đó hai tháng.

Albert DeSalvo sinh ra tại Chelsea, Massachusetts, ngày 2/9/1931, trong một gia đình 5 con. Cha anh ta là người có khuynh hướng bạo lực, thường xuyên đánh vợ con. Hồi bé, DeSalvo là một đứa trẻ bất trị, đã vài lần bị bắt vì tiến hành các vụ tấn công, hành hung. Trong suốt thời niên thiếu, anh ta có hồ sơ tương đối tốt, nhưng sau đó lại xoay ra ăn cắp vặt.

Mẹ của DeSalvo, bà Charlotte, đi bước nữa và cố gắng làm mọi việc để con trở thành người tốt. Có thể nói quan hệ giữa hai mẹ con cũng không đến nỗi nào.

Năm 17 tuổi, DeSalvo nhập ngũ, từng có thời kỳ đóng quân ở Đức. Tại đó, anh ta gặp và cưới Irmgard Beck, một phụ nữ hấp dẫn, con nhà quyền quý. Đã có lúc DeSalvo được xem xét để chuyển sang đội đặc nhiệm E5 của quân đội Mỹ, nhưng sau đó bị loại vì không tuân lệnh cấp trên. Anh ta được giải ngũ đúng kỳ hạn.

Năm 1955, DeSalvo bị bắt vì có hành vi sàm sỡ với một cô gái trẻ. Nhưng vụ này sau đó không xử được vì không đủ chứng cứ. Cùng năm đó, Judy, đứa con đầu tiên của anh ta ra đời và bị một dạng bệnh liên quan đến xương chậu. Beck sợ rằng đứa con thứ hai của mình cũng sẽ mắc chứng bệnh đó nên đã tìm mọi cách tránh quan hệ tình dục với chồng. Trong khi DeSalvo bị chứng bệnh háo dâm tới mức phải quan hệ tình dục nhiều lần trong một ngày. Việc này, vì thế, ảnh hưởng lớn tới cuộc sống gia đình anh ta.

Khoảng giữa thời kỳ 1955-1960, DeSalvo bị bắt nhiều lần vì tội đột nhập gia cư, nhưng liên tục được tha. Dù gặp rắc rối với pháp luật, DeSalvo vẫn tỏ ra là một nhân công tốt. Sau khi làm việc tại Nhà máy Cao su American Biltrite, anh ta chuyển sang làm cho một hãng đóng tàu, và cuối cùng là công nhân duy tu bảo dưỡng công trình xây dựng. Những người quen biết đều quý mến DeSalvo. Cấp trên cho rằng anh ta là người đàn ông tốt và là công nhân kiểu mẫu. Anh ta thương vợ con mình và đối xử rất tốt với họ.

Song theo cảnh sát, DeSalvo là kẻ có tính huênh hoang. Thêm vào đó, vụ án "người làm công tác đo đạc" đã khiến hình ảnh "người đàn ông tốt, công nhân kiểu mẫu" của anh ta trong mắt mọi người sụp đổ. DeSalvo phải ngồi bóc lịch từ năm 1961 đến tháng 4/1962.

Đầu tháng 11/1964, tức gần 3 năm sau khi được tự do, DeSalvo bị bắt trở lại. Lần này, anh ta bị buộc một tội khá nghiêm trọng so với những lần trước đó.

Ngày 27/10 năm ấy, một tên tội phạm đột nhập căn hộ của một phụ nữ. Hắn kê dao vào cổ rồi dùng quần áo của nạn nhân, trói gô cô vào thành giường. Hắn vuốt ve khắp người cô rồi hỏi

cách ra khỏi khu nhà đó. Trước khi tàu thoát, hung thủ lạ lùng này xin lỗi nạn nhân và dặn: “Cô phải im lặng trong 10 phút”.

Vì không bị bịt mắt, nạn nhân nhớ rất rõ khuôn mặt của kẻ đột nhập. Và lời miêu tả của cô khiến các thám tử điều tra nhớ tới DeSalvo.

DeSalvo được đưa tới một đồn cảnh sát và người phụ nữ nói trên đã xác nhận DeSalvo là kẻ đã tấn công cô. Bức ảnh của anh ta được cảnh sát gửi qua điện báo tới các sở cảnh sát trên toàn nước Mỹ và ngay sau đó sở cảnh sát tại Connecticut đã hồi âm bằng thông tin rằng họ đang truy tìm một tội phạm tình dục. Tên này được biệt danh là người mặc đồ xanh, vì thường xuyên mặc quần bảo hộ lao động màu xanh khi hành động.

Cảnh sát tới bắt DeSalvo tại nhà để cho các nạn nhân nhận diện. Anh ta tỏ ra rất sợ bị làm nhục khi phải đưa tay cho họ còng trước mặt vợ mình. Tuy nhiên vợ của DeSalvo không tỏ ra ngạc nhiên, vì cô biết rõ chồng mình bị ám ảnh về tình dục. Không phụ nữ nào có thể đáp ứng đủ cho anh ta. Sự thực là, người đàn ông mặc quần xanh đã tấn công 4 phụ nữ chỉ trong một ngày tại các quận khác nhau của bang Connecticut. Cô khuyên anh nên nói sự thật và không che giấu bất kỳ điều gì.

DeSalvo thú nhận đã đột nhập vào khoảng 400 căn nhà và thực hiện vài vụ cưỡng hiếp. Anh ta đã tấn công khoảng 300 phụ nữ ở 4 bang nằm gần nhau. Vì biết xu hướng hay phóng đại sự việc của DeSalvo, cảnh sát không tin đó là con số chính xác. Hơn nữa, có thể nhiều nạn nhân khác không báo cảnh sát vì xấu hổ.

DeSalvo được gửi tới Bệnh viện Bridgewater State để kiểm tra sức khỏe.

Cùng thời gian này, một người đàn ông nguy hiểm khác tên George Nassar cũng bị bắt. Hắn bị buộc tội giết hại dã man một người làm ở trạm bán xăng. Chỉ số IQ của Nassar cao tới mức gần như là thiên tài, và hắn có năng khiếu đặc biệt trong việc điều khiển người khác. Trong thời gian ở tù trước khi gây ra vụ giết người nói trên, hắn đã tự học tiếng Nga và một số môn khác. Hắn được giam cùng phòng với DeSalvo và trở thành bạn thân của anh ta.

Đầu tháng 3/1965, vợ DeSalvo nhận được điện thoại của một người đàn ông tên là F. Lee Bailey. Ông ta tự xưng là luật sư của

chồng cô, và khuyên cô nên tìm chỗ ẩn náu vì “trong 24 giờ tới, một việc nghiêm trọng liên quan tới chồng cô sẽ xảy ra, nó sẽ được đưa lên đầu các trang của tất cả báo chí”.

Hôm sau, Beck nhận được tin Albert DeSalvo thú nhận mình là sát thủ bóp cổ. Cô không sao tin được điều đó. Cô cho rằng DeSalvo làm vậy chỉ để biến mình thành quan trọng trước người khác, không chừng một tờ báo nào đó đã trả tiền để chồng cô tuyên bố như vậy cũng nên.

Vài tháng trước khi bị đưa tới Bệnh viện Bridgewater, DeSalvo hỏi luật sư của mình, Jon Asgiersson: “Ông nghĩ sao nếu được ai đó cho rằng ông đã tham gia vào vụ án lớn nhất thế kỷ?”.

- Có phải anh định nói tới vụ sát thủ bóp cổ không?
- Đúng vậy.
- Anh có tham gia vụ nào trong mấy vụ giết người đó không?
- Tôi làm tất cả các vụ đó - DeSalvo trả lời.

Không rõ lời DeSalvo nói thực hư thế nào, song Asgiersson hiểu rằng, thân chủ của mình muốn kiếm chút tiền cho gia đình - những đồng tiền có được khi “tiết lộ” thông tin giật gân về vụ án khủng khiếp này. Asgiersson thực sự lo lắng; ông cho rằng hình như DeSalvo bị điên.

Trong khi đó, DeSalvo bị giải tới Bridgewater và giam cùng phòng với George Nassar. Cả hai đã bàn bạc về khoản tiền thưởng cho thông tin giúp phá vụ án “sát thủ bóp cổ”. Nassar và DeSalvo cho rằng, với mỗi một vụ trong seri vụ án nổi tiếng đó, người cung cấp thông tin sẽ được thưởng 10.000 USD. 11 nạn nhân có nghĩa là 110.000 USD. Nếu nhận tội thì họ có thể chia nhau số tiền nói trên.

DeSalvo biết rằng nếu nhận tội, anh ta sẽ bị tử hình. Nhưng anh ta lại vin vào thực tế rằng suốt 17 năm trước đó, bang Massachusetts chưa có ai bị tử hình. Thêm vào đó, DeSalvo tin là hoàn toàn có thể thuyết phục các bác sĩ tâm thần rằng anh ta bị thần kinh, và vì thế tòa sẽ không áp dụng án tử hình. Anh ta sẽ được sống tới cuối đời ở một bệnh viện nào đó.

Giải pháp này không tồi, nếu so sánh với các lựa chọn khác. Đặc biệt là khi anh ta không còn phải lo kiếm tiền nữa.

F. Lee Bailey, lúc đó là luật sư bào chữa cho George Nassar, biết được quyết định của DeSalvo. Ngày 6/3/1965, ông tới gặp anh ta. Trong buổi nói chuyện (được ghi âm), DeSalvo không những khẳng định chính mình giết 11 người, mà còn thú nhận đã sát hại 2 phụ nữ là Mary Brown (trú tại Lawrence) và một phụ nữ lớn tuổi khác (chết vì đau tim trước khi bị anh ta bóp cổ).

Lời khai của kẻ tự nhận là sát thủ bóp cổ

Sau này, trong một bài báo, luật sư F. Lee Bailey đã kể về cảm nghĩ khi nói chuyện với DeSalvo: “Điều làm tôi ngạc nhiên nhất về DeSalvo trong cuộc gặp gỡ đầu tiên là anh ta tỏ ra lịch sự và có giáo dục. Tôi nhìn thẳng vào mặt anh ta, thận trọng đánh giá xem người ngồi đó có phải là tên sát thủ bóp cổ thực hay không, và tôi cảm thấy một nỗi sợ hãi mơ hồ. Còn DeSalvo, đôi khi anh ta nhìn xuống như thể ngượng ngáp vì một điều gì đó”.

Lúc nhận tội, DeSalvo 33 tuổi, cao khoảng 1,8 m, có đôi vai rộng và thân hình vạm vỡ. Anh ta tâm sự khá thẳng thắn: “Tôi biết mình sẽ phải ngồi tù đến cuối đời hoặc bị giam giữ ở đâu đó, chứ không phải chỉ ở bệnh viện này. Nhưng nếu tôi được nói chuyện về cuộc đời mình cho một người nào đó để họ viết lại thì tôi sẽ kiếm được tiền cho gia đình mình”.

Luật sư Bailey tin rằng có cách nào đó cho phép DeSalvo nhận tội mà không bị tử hình. Nhưng điều đầu tiên mà ông khẳng định trong tâm trí là nếu DeSalvo thực sự có tội thì ông sẽ tìm mọi cách để tình trạng của anh ta không xấu hơn nữa. Bailey thông báo cho trung sĩ Donovan là đã tìm ra kẻ tình nghi. Ông đề nghị Donovan gợi ý vài câu hỏi để ông có thể thẩm tra xem kẻ đó có phải sát thủ bóp cổ thật không.

Ngày 6/3/1965, với chiếc máy ghi âm trong người, Bailey tới thăm DeSalvo lần thứ hai. DeSalvo cho biết, thám tử DiNatale của ban chuyên án sát thủ bóp cổ Boston đã đột nhiên trở nên quan tâm và lấy dấu vân tay anh ta vào hôm trước đó. Bailey biết rằng mình phải hành động thật nhanh để bảo vệ thân chủ của mình.

Sau này, viên luật sư kể lại: “...Tôi hầu như chắc chắn rằng người ngồi trước mặt mình trong căn phòng âm u đó là sát thủ bóp cổ ở thành Boston. Bất kỳ ai có kinh nghiệm trong điều tra tội

phạm đều có thể phân biệt sự khác nhau giữa một người nói chuyện về cuộc đời thực của mình và một người kể câu chuyện được anh ta thêm dệt lên hoặc do người khác “gà” cho. DeSalvo cho tôi cái cảm giác rằng anh ta đang nói chuyện rất thật. Anh ta không cân nhắc, lựa chọn từ ngữ, mà chỉ vận dụng đầu óc để nhớ lại những khung cảnh bản thân đã thực sự trải qua. Anh ta nói tới các chi tiết sắp xếp theo thứ tự, về màu của những tấm thảm, về bức ảnh trên tường, về một thứ đồ gỗ trong căn phòng đó. Và rồi, như thể ta đang xem một cuốn phim video, anh ta miêu tả chính xác những gì đã xảy ra, vô cảm như thể nói về việc đi siêu thị mua hàng”.

Dưới đây là bản khai của DeSalvo về vụ tấn công bà Ida Irga vào tháng 8/1962.

“Tôi nói với Irga rằng mình muốn sửa chữa vài thứ trong căn hộ. Bà không tin tôi vì lúc đó đã có tin đồn về những vụ giết người liên tiếp xảy ra. Bà không muốn cho người lạ vào căn hộ của mình. Tôi nói ngắn gọn rằng, nếu bà ta không tin thì tôi sẽ trở lại vào ngày hôm sau. Sau đó tôi bước xuống thang và bà ta nói: ‘Thôi được rồi, anh vào đi’. Chúng tôi đi vào phòng ngủ. Tôi nói rằng có vài vết nứt bắt đầu xuất hiện trên tường. Irga quay lưng lại, tôi bèn đặt tay lên lưng bà ta...”

Theo yêu cầu của Bailey, DeSalvo miêu tả chính xác vị trí phòng ngủ của căn hộ so với vị trí cửa vào:

“Tôi nhớ là mình đã đi qua phòng khách, phòng bếp rồi tới phòng ngủ. Trước phòng ngủ là bếp, và phòng ngủ ở cuối hành lang. Giường ngủ màu trắng. Giường không gọn gàng, có thể lúc tôi đến bà ta đang dọn. Có một chạn bát đĩa ở đó và khi tôi mở các ngăn kéo tủ ra thì chẳng thấy có gì ở bên trong, chẳng có gì hết. Rồi khi tôi nắm lấy cổ bà ta...”

Bailey hỏi có phải anh ta tóm lấy bà từ phía sau hay không?

“Đúng vậy, tôi thấy có máu chảy ra khỏi tai Irga, máu đỏ thẫm ứa ra từ tai phải. Tôi vẫn nhớ hình ảnh ấy. Sau đó... tôi nghĩ rằng có một bộ bàn ghế trong phòng ăn, một bộ bàn ghế màu sẫm, và một cái ghế nâu sẫm gần đó, tôi nhớ mình đã để xác bà ta lên một cái ghế, hai chân đặt trên hai chiếc ghế...”

Bailey hỏi tại sao anh ta lại tấn công một phụ nữ lớn tuổi như vậy?

“Không phải vì bà ta hấp dẫn. Bà ta là một phụ nữ. Thế là quá đủ đối với tôi”.

Sau đó, DeSalvo miêu tả anh ta đã tấn công Sophie Clark, cô sinh viên 22 tuổi, vào tháng 12/1962 như thế nào:

“Cô ta cao, đẹp, thân hình gợi cảm, mặc một cái áo ngủ mỏng dính. Tôi đoán các số đo của cô ấy khoảng 91-60-93. Cô ta rất đẹp...”

Căn hộ có một cái cửa màu vàng nhạt... và cô ta không muốn cho tôi vào, vì lúc đó không có bạn ở trong phòng. Tôi nói, tôi có thể giới thiệu Clark làm người mẫu và tôi sẽ trả lương trong khoảng 20-35 USD/giờ nếu cô ta đồng ý.

...Ở đó có một chiếc giường tương tự như một chiếc ghế bành lớn, trên có những chiếc gối nhỏ nhiều màu. Phủ trên cùng là một tấm vải màu tím hoặc màu đen gì đó”.

Nhiều chi tiết mà DeSalvo miêu tả có thể kiểm tra được tại hiện trường vụ án. Bailey yêu cầu trung sĩ Donovan và trung sĩ Sherry tới văn phòng của ông để nghe cuộn băng. Tuy nhiên, ông bật cuộn băng với nhiều tốc độ khác nhau để hai người không thể nhận ra giọng của DeSalvo.

Hai viên thám tử lắng nghe rất kỹ đoạn băng miêu tả vụ tấn công Sophie Clark. Đầu tiên, kẻ tự thú kể lại cách mình định giao hợp với Sophie. Hắn đi khắp phòng để tìm một chiếc tất chân làm nơ buộc quanh cổ cô. Hắn làm rơi một hộp thuốc lá xuống sàn... Nghe tới đó, Sherry vội lấy những tấm ảnh về hiện trường vụ án và xác nhận rằng DeSalvo đã tả rất chính xác.

Cảnh sát trưởng McNamara, tiến sĩ Ames Robey, nhà tâm lý học Bridgewater được mời tới để hỏi ý kiến. Sau khi nói chuyện với DeSalvo, Bailey đề nghị hắn chấp nhận hợp tác với cảnh sát và tham gia một cuộc thử nghiệm với máy phát hiện nói dối. Trước đó, họ cũng phải hỏi ý kiến của John Bottomly, người đứng đầu ban điều tra sát thủ bóp cổ Boston.

Cuối cùng, những người thực thi pháp luật đã rơi vào một cuộc tranh cãi. Bailey tìm mọi cách để tránh cho thân chủ của mình hình phạt xử tử, trong khi đó chương lý Brooke muốn giữ quyền kiểm soát cuộc điều tra. Giờ đây, vụ này đã trở nên quá quan trọng với Brooke vì ông đang tham gia tranh cử thượng nghị sĩ trước khi về hưu. Việc chỉ đạo thành công cuộc điều tra vụ sát

thủ Boston hiển nhiên sẽ đem lại cho ông thành công vang dội trong quá trình tranh cử.

Việc quan trọng nhất ngay sau đó là phải thẩm vấn DeSalvo về tất cả các vụ giết người và tìm hiểu từng chi tiết trong lời thú tội của anh ta. Cuối cùng, vào ngày 29/9/1965, quá trình điều tra đã hoàn thành. Các cuộn băng thẩm vấn dài tới 50 tiếng, in ra được 2.000 trang tài liệu. Trong khi các điều tra viên kiểm tra lại những chi tiết trong lời khai của DeSalvo, thì Brooke, Bottomly và Bailey tập trung vào phác thảo những nguyên tắc cho quá trình điều tra tiếp theo.

Những mối nghi ngờ ban đầu rằng DeSalvo chính là sát thủ bóp cổ dần dần được khẳng định là có cơ sở.

Rất nhiều chi tiết do DeSalvo cung cấp miêu tả chính xác các vụ giết người đã xảy ra. Hắn biết rõ có một cuốn sổ ghi chép để ở dưới giường của nạn nhân thứ 8, Beverly Samans. Hắn cũng biết cửa ra vào ở nhà Patricia Bissette có treo một chiếc chuông Giáng sinh. Hắn vẽ rõ ràng từng phần của các căn hộ và cho biết đã lấy một chiếc áo mưa trong căn hộ của Anna Sleser để mặc ra ngoài sơ mi, vì hắn đã cởi bỏ chiếc áo ngoài bị dính máu của mình. Các thám tử phát hiện, bà Sleser mua hai cái áo mưa giống hệt nhau và đã cho đi một chiếc, giữ lại một. Họ đưa ra trước DeSalvo 14 áo mưa khác nhau, và hắn chọn đúng chiếc mà bà Sleser đã mua.

DeSalvo miêu tả vụ tấn công một cô gái người Đan Mạch trong một căn hộ ở Boston. Hắn đã nói chuyện và thuyết phục cô để cho hắn vào nhà. Khi hắn đặt hai tay xung quanh cổ cô và chuẩn bị xiết lại thì đột nhiên hắn nhìn vào một tấm gương lớn. Hắn thấy cảnh mình sắp giết người và cảnh đó làm hắn kinh hoàng. Thần kinh như sụp xuống, DeSalvo bắt đầu khóc. Hắn hối lỗi và xin cô gái đừng báo cho cảnh sát, nói dối rằng nếu mẹ hắn biết chuyện này thì sẽ không cho hắn đi học đại học tiếp. Và cô gái đã tin lời hắn, cô không báo chuyện đó cho cảnh sát. Không khó khăn gì cho thám tử DiNatale sau đó trong việc tìm kiếm cô gái Đan Mạch. Cô vẫn nhớ rất rõ mọi chuyện.

Cuối cùng, ban điều tra sát thủ bóp cổ ở Boston đã đưa ra kết luận rằng Albert DeSalvo chính là tên bóp cổ.

Giờ đây, vấn đề còn lại là làm thế nào để đảm bảo quyền lợi của kẻ thú tội mà vẫn đáp ứng hợp lý yêu cầu trừng phạt của công luận đối với kẻ đã gây ra những vụ giết người khủng khiếp này.

Nhưng câu chuyện lại ngã sang một hướng khác: Dù DeSalvo đã khai và miêu tả khá chính xác những vụ án mạng xảy ra, vẫn còn nhiều người tin rằng hắn là người tốt. Luật sư, bác sĩ tâm lý của nhà tù, kể cả những cảnh sát từng làm việc với DeSalvo, đều khẳng định hắn chỉ có thể là một tên ăn cắp vặt mà thôi.

DeSalvo không hề giết người

Thậm chí, Susan Kelly, nhà báo quan tâm đến vụ này, còn lên tiếng bênh vực DeSalvo, cho rằng hắn hoàn toàn vô tội. Một trong những lý do Kelly đưa ra là “không hề có một chứng cứ thực tế nào chứng tỏ DeSalvo dính líu vào các vụ giết người. Không nhân chứng nào xác nhận được DeSalvo đã có mặt tại nơi xảy ra các vụ giết người, mặc dù anh ta có một khuôn mặt dễ nhớ, đặc biệt là chiếc mũi to”.

Người đầu tiên tỏ ra nghi ngờ kết luận của cảnh sát là Kenneth Rowe, sinh viên ngành kỹ thuật sống ngay phía trên căn hộ của Joann Graff. Anh đã nói chuyện với một người lạ mặt ngay trước khi xảy ra vụ giết người. Khi được đưa tới nhận diện, anh cho biết DeSalvo không phải là người đã tìm Joann. Jules Vens, người điều hành quán rượu Martin gần nhà Joann Graff tại Lawrence, thì cho biết sau vụ án mạng, có một người đàn ông giống như miêu tả của Rowe tới quán của ông. Hắn tỏ vẻ lo sợ và bị kích động như thể đang bị ai đó truy đuổi. Nhưng người đó không phải là DeSalvo. Một nhân chứng khác là Eileen O’Neil không xác định được DeSalvo có phải là người mà cô nhìn thấy qua cửa sổ phòng tắm trước khi vụ sát nhân xảy ra hay không.

Ngoài ra, Kelly còn chỉ ra rằng “có tàn của 3 điều thuốc lá hiệu Salem trong phòng Mary Sullivan. Không ai trong căn hộ hút loại thuốc lá này. Một điều thuốc Salem khác cũng được tìm thấy trong bồn cầu của căn hộ 4-C tại 315 đại lộ Huntington nơi Sophie Clark bị giết. Trong khi đó thì Albert DeSavlo không hề hút thuốc”.

Quan trọng hơn cả là nhân chứng Marcella Lulka, người sống cùng khu nhà với Sophie Clark. Cô đã gặp một người tự xưng là “ông Thompson”, muốn vào phòng cô để sơn nhà. Người đàn ông đó cao khoảng 1,8 m, có mái tóc màu mật ong chải về phía sau, khuôn mặt hình trái xoan. Cô không xác định được chính xác màu da của anh ta, nhưng đoán rằng anh ta vào khoảng 25 tuổi. Cuộc

gặp này chỉ diễn ra vài phút trước khi Sophie Clark bị giết. Lulka sau đó đã giúp cảnh sát phác họa chân dung của “Thompson”. Đó là một người đàn ông có dáng vẻ bề ngoài tinh tế, khuôn mặt dài hẹp, mũi mỏng, cằm nhọn và một đôi mắt lớn hình quả hạnh. Tất cả đều không hề giống Albert DeSalvo.

Khi DeSalvo bắt đầu thú nhận về các vụ giết người, Bottomly cho triệu tập Marcella Lulka và Gertrude Gruen để họ có thể bí mật nhìn mặt hắn trong tù. Gruen là người phụ nữ duy nhất sống sót trong lần gặp mặt sát thủ bộp cổ. Cô chống cự lại và buộc hắn phải bỏ chạy. Còn Lulka, từ nhiều ngày trước đó đã được xem ảnh của những kẻ tình nghi.

Cả hai đều không thể khẳng định được DeSalvo có phải là kẻ họ gặp hay không.

Trong cuộc gặp, hai người còn được nhìn mặt tên tù bị kết án giết người George Nassar. Bắt gặp ánh mắt đầy hận thù của Nassar, Gruen đột ngột nhận ra nét giống với dáng điệu của kẻ đã tấn công cô. Còn Lulka thì giật mình khi nhìn thấy Nassar. Hắn chỉ khác kẻ cô đã nhìn thấy vào buổi chiều hôm đó ở mái tóc màu đen (chứ không phải màu mặt ong như cô đã miêu tả với cảnh sát).

Một vấn đề mà ban điều tra phải giải quyết là mức độ chính xác trong lời thú tội của DeSalvo. Và khó hiểu nhất là, nếu Albert DeSalvo vô can thì với trí tuệ dưới mức trung bình, anh ta làm sao nhớ được đến từng chi tiết vụn vặt của các vụ giết người như vậy?

Lập luận đẩy vụ án vào ngõ cụt

Trong quá trình kiểm tra, bác sĩ Robey cho biết trí nhớ của DeSalvo hoạt động hiệu quả 100%. Ông kể lại: “Chúng tôi để 8 người lạ mặt đứng theo thứ tự trong phòng. Yêu cầu DeSalvo đi qua hàng người. Hôm sau, vẫn là những người đó nhưng với trang phục khác và vị trí đảo lộn hoàn toàn. Chúng tôi đề nghị DeSalvo xếp lại hàng người như hôm trước, và kết quả là 10 điểm!”.

Theo Robey, có thể DeSalvo đã biết được thông tin chi tiết về các vụ án qua nhiều nguồn:

- Có rất nhiều bài báo nói cụ thể, chi tiết về các vụ án, đăng ảnh của nạn nhân, kể lể về quần áo, thói quen của họ và cách bày biện căn phòng khi vụ án xảy ra. DeSalvo nhớ từng bài báo nói gì,

số liệu của từng bài báo và thậm chí còn chỉ ra những chỗ chưa chuẩn xác trong các số liệu ấy.

- Những tin tức bị rò rỉ ra ngoài từ ban điều tra vụ sát thủ bóp cổ và đơn vị thực hiện khám nghiệm hiện trường của hạt Suffolk. Những người này nắm trong tay rất nhiều tài liệu hội thảo về các vụ án và “thoải mái” phân phát thông tin ấy cho báo giới và những người quan tâm.

- Việc điều tra các vụ án theo lời thú tội của DeSalvo khiến cho anh ta có nhiều cơ hội đến thăm những nơi xảy ra vụ án. Nhờ thế, anh ta biết chính xác cách bố trí đồ đạc của mỗi căn phòng.

- Những người mong muốn sớm kết thúc vụ án, như John Bottomly (lãnh đạo ban điều tra), đã cố tình hoặc vô ý cung cấp thông tin về các vụ giết người cho DeSalvo, và điều này lý giải vì sao sau này, khi phát biểu trước báo giới, lời khai của DeSalvo đầy các thuật ngữ chuyên môn và có bố cục rất rõ ràng rành mạch.

- Nguồn thông tin có từ những kẻ bị tình nghi khác, như George Nassar.

Cuối cùng, các chuyên gia tham gia cuộc điều tra thống nhất đưa ra kết luận rằng những vụ giết người không thể chỉ do một hung thủ gây ra. Theo một nghĩa nào đó, những dấu vết để lại hiện trường là không đồng nhất, và nạn nhân của vụ án thuộc những nhóm khác nhau.

Nhà báo Kelly tóm tắt một số sự khác biệt rõ ràng:

Không có gì giống nhau giữa vụ án giết Patricia Bissette - tương đối chuyên nghiệp, và vụ giết Mary Sullivan - đầy tính bạo lực, trong đó kẻ giết người còn thể hiện sự mỉa mai và khinh mạn của mình bằng cách đặt một tấm card chúc mừng trước mặt nạn nhân. Hay Beverly Samans bị đâm đến chết nhưng không hề bị hãm hiếp, trong khi đó Joann Graff lại bị hãm hiếp và bóp cổ.

Những tên giết người chuyên nghiệp thường có thói quen chỉ tập trung vào một mẫu nạn nhân nào đó. Ví dụ như tên Jack đồ tể chỉ giết gái điếm, hay Ted Bundy chỉ chọn các cô gái xinh đẹp có mái tóc dài, Jeff Dahmer ưa giết những cậu thiếu niên... Các nạn nhân của sát thủ bóp cổ thuộc về nhiều dạng và có những đặc tính hoàn toàn khác nhau. Như vậy, có thể giải thích là chỉ vài trong số 13 vụ án là do một kẻ gây ra.

Còn về Mary Mullen, người phụ nữ lớn tuổi chết vì bệnh tim? Kelly cho rằng đó là vụ án duy nhất mà DeSalvo đã gây ra. Hoàn toàn có khả năng là hắn đã đột nhập nhà bà để ăn cắp và làm cho bà chết vì sợ hãi.

Vụ án Mary Brown tạo ra nhiều câu hỏi làm đau đầu các quan chức cảnh sát. Cô bị hãm hiếp, bóp cổ và bị đánh đến chết tại Lawrence vào đầu tháng 3/1963. Lời thú nhận của DeSalvo về vụ án này chỉ chung chung và rất nhiều chi tiết không chính xác. Có thể hắn đã được George Nassar kể cho nghe vụ này khi còn ở trong tù với nhau, bởi Mary Brown sống ở cùng khu phố với người đàn ông bị Nassar bắn chết.

Một khi dư luận cho rằng DeSalvo là sát thủ bóp cổ, thì sẽ tồn tại rất nhiều vấn đề pháp lý phải giải quyết trước khi có thể đưa anh ta ra tòa. Một cách tổng quát thì những lời thú tội của DeSalvo không thể được coi là chứng cứ duy nhất của vụ này.

Phiên tòa xét xử nghi phạm sát thủ bóp cổ

Bailey, luật sư của DeSalvo, nói với Chương lý Brooke và Bottomly - người đứng đầu ban điều tra: “Khi tôi gặp DeSalvo thì đã có quá nhiều bằng chứng buộc tội, khiến anh ta không thể nào nộp tiền thế thân để ra tù. Giờ đây, theo yêu cầu của thân chủ, tôi phải chứng minh rằng anh ta đã gây ra tất cả các vụ giết người đó. Tôi hiểu DeSalvo sẽ không bao giờ ra khỏi tù, nhưng hãy làm sao để anh ta không bị xử tử. Tôi biết rõ, cả hai ông đều không muốn anh ta bị giết”.

Brooke không hề nghĩ đó là một đòi hỏi quá đáng, nhưng ông muốn suy nghĩ thêm. Lúc đó, ông đang tranh cử thượng nghị sĩ, và sẽ rất dở nếu để vụ xử DeSalvo xảy ra vào thời điểm tranh cử. Ít nhất thì Bailey cũng có thể có được phán quyết của tòa, rằng DeSalvo đang trong tình trạng thần kinh không ổn định và không thể bị xét xử.

Cuối cùng, ngày 10/1/1967, Albert DeSalvo bị đưa ra xét xử với tội danh gây ra vụ "người đàn ông mặc đồ xanh". Bailey giải thích: “Lý do mà tôi định đưa ra để thuyết phục quan tòa rằng Albert bị thần kinh, không thể xét xử được, rất đơn giản. Thông qua 13 vụ án mà anh ta thú nhận là đã gây ra, tôi hoàn toàn có thể chứng minh anh ta điên tới mức nào. Tôi sẽ kết hợp cả lời thú

tội của anh ta và lời chứng của cảnh sát... Tất nhiên là vấn đề không hề bình thường: Ai lại bảo vệ một người phạm tội ăn cướp và tấn công bằng cách chứng minh rằng anh ta gây ra tới 13 vụ giết người?”.

Phiên tòa do thẩm phán Cornelius Moynihan điều hành, xem xét lời buộc tội của phía công tố, do ông Donald L. Conn đứng đầu. Conn đã mời 4 nạn nhân của vụ "người đàn ông mặc đồ xanh" tới. 4 người này cùng kể lại những câu chuyện tương tự nhau. Theo đó, DeSalvo đã tìm cách đột nhập, hoặc nói chuyện để thuyết phục các nạn nhân cho anh ta vào nhà. Sau đó, anh ta trói nạn nhân, lột quần áo và vuốt ve họ, nhưng không bao giờ hãm hiếp. Trong lúc phạm tội, anh ta còn sử dụng con dao hay khẩu súng đồ chơi trẻ con để đe dọa họ. Sau đó anh ta lấy đi những đồ trang sức quý giá của các nạn nhân.

Luật sư Bailey không kiểm tra lại lời khai của các nhân chứng vì ông thấy rõ rằng mình sẽ không được gì khi làm như vậy.

Trong lời tuyên bố mở đầu phiên tòa, Bailey cho biết ông không hề nghi ngờ việc DeSalvo là thủ phạm của các vụ án, và vấn đề duy nhất còn lại là “phải xác định xem anh ta có bị thần kinh hay không”. Ông đưa ra trước tòa nhân chứng của mình, bao gồm những chuyên gia có khả năng chứng tỏ sự không bình thường của Albert DeSalvo.

Conn phản bác, chỉ ra rằng việc thủ phạm tìm cách mở khóa các căn hộ và lừa dối để chủ nhà cho phép vào nhà chứng tỏ anh ta không hề bị điên. Những người làm chứng của phía công tố cũng đồng ý với quan điểm đó, và khẳng định chỉ khi DeSalvo hãm hiếp nạn nhân thì đó mới là kết quả của một đầu óc không bình thường.

Trong nhiều giờ, bồi thẩm đoàn suy nghĩ về vấn đề đó. Họ cho rằng DeSalvo có tội và kết án anh ta tù chung thân.

Kết quả đó làm luật sư Bailey tức giận. Ông nói: “Mục tiêu của tôi là sát thủ bóp cổ được gửi tới một bệnh viện nào đó để các bác sĩ nghiên cứu xem tại sao anh ta lại giết người. Rất cần có một nghiên cứu như vậy để ngăn chặn những vụ án giết người hàng loạt có thể xảy ra bất kỳ lúc nào”.

Cái chết khóa cửa bao bí ẩn

Mọi chuyện đã khép lại hoàn toàn, nếu như không xảy ra một chuyện chẳng lấy gì làm hay ho. Tháng 11/1973, Albert DeSalvo bị đâm chết trong thời gian thi hành án tại nhà tù Walpole. Đêm trước hôm bị giết, phạm nhân cố gắng liên hệ với Tiến sĩ Ames Robey và yêu cầu ông gặp mình ngay lập tức. Anh ta tỏ ra rất sợ hãi. Robey hứa sẽ gặp DeSalvo vào sáng hôm sau, nhưng đã quá muộn. Đêm hôm đó, anh ta bị giết hại.

Robey kể lại: “DeSalvo muốn gặp tôi cùng một phóng viên báo chí. Anh ta nói sẽ kể hết cho tôi nghe sát thủ bóp cổ ở Boston là ai và tất cả những gì liên quan. Trước đó một tuần, anh ta còn yêu cầu cho mình vào xà lim an toàn dưới sự bảo vệ đặc biệt. Điều gì đó đã xảy ra trong nhà tù. Tôi cho rằng anh ta muốn tiết lộ ngay tất cả, trước khi quá muộn. Nhà tù có đầy đủ những người canh ngục, nhưng không ai thích anh ta... Đêm hôm xảy ra án mạng, cửa tất cả các phòng giam đều mở. Trong khoảng giữa hai lần điểm danh phạm nhân vào tối hôm trước và sáng hôm sau, kẻ nào đó đã đâm dao xuyên tim DeSalvo”.

Các quan chức tin rằng cái chết này liên quan tới hoạt động mua bán ma túy trong tù của DeSalvo. Có 3 phạm nhân bị đưa ra xử về vụ này, nhưng phiên tòa bị hoãn hai lần.

Điều khó hiểu trong vụ án Albert DeSalvo là bài thơ hán viết vài năm trước khi bị giết:

*Đây là câu chuyện của sát thủ bóp cổ,
một câu chuyện chưa từng được kể
Người tuyên bố đã giết 13 người phụ nữ, cả trẻ và già
Hắn cứ đi như vậy và chẳng ai biết hắn sẽ đi tới đâu
Hắn gây án giữa ban ngày, không để lại chút dấu vết
Dù trẻ hay già, các nạn nhân đều không nói được nữa
Sự thật về cái chết của họ không bao giờ được biết
Dù bệnh hoạn trong tâm hồn, hắn quá thông minh và sẽ
không bao giờ bị phát hiện
Tiết lộ bí mật của hắn sẽ giúp hắn trở nên nổi tiếng
Nhưng là gánh nặng với gia đình hắn và làm mọi người cảm
thấy nhục nhã*

Nay hắn ngồi trong tù, sâu thẳm trong lòng là một điều bí mật mà hắn có thể kể

Người ta vẫn nghi ngờ, sát thủ bóp cổ đang nằm trong tù hay lang thang đâu đó ngoài kia?

Đúng như bài thơ mà DeSalvo đã viết nên, "sự thật về cái chết của các nạn nhân không bao giờ được biết". Và vụ án "sát thủ bóp cổ thành Boston" không có hồi kết, để đến nay, người ta vẫn tự hỏi: Phải chăng DeSalvo là thủ phạm? Hay Nassar? Cũng có thể, tên sát nhân chẳng phải là ai trong hai kẻ đó, mà là một người bí mật, đến giờ "vẫn lang thang đâu đó ngoài kia".

SÁT NHÂN CỦA BÓNG ĐÊM

Lịch sử các vụ án hình sự nước Mỹ đã ghi nhận hung thủ của một loạt vụ án giết người khủng khiếp tại Los Angeles trong hai năm 1984-1985 vào nhóm những kẻ điên loạn. Hắn được báo chí mệnh danh là Sát nhân của bóng đêm, kẻ thực hiện những cuộc giết người tàn bạo mà trong cơn ác mộng cũng không thể thấy được.

Tối 28/7/1984, Jennie Vincow được tìm thấy tại căn hộ của mình ở TP Los Angeles khi chỉ còn là cái xác thâm tím vì bị đánh đập, nát bươm với những vết dao ngang dọc và phần đầu gần như bị đứt lìa khỏi cổ. Cảnh sát không thu được chứng cứ nào, nhưng nhiều tháng sau, họ biết mình phải đối mặt với một kẻ điên loạn. Tuy nhiên, hắn mất hút cho đến gần một năm sau...

Đêm 17/3/1985, cánh cửa Địa ngục bật mở, và con quỷ bước những bước chậm rãi tới một khu chung cư ngoại ô Los Angeles. 11h30', Maria Hernandez lái xe vào khu gara mà không hề biết rằng đang bị một cặp mắt dõi theo từ phía sau. Cô ra khỏi xe cũng là lúc kẻ giết người bước tới và giương súng lên. Mặc cho khuôn mặt xinh đẹp của Maria trắng bệch ra vì sợ, và những lời van xin được thốt ra một cách vội vàng, hắn thần nhiên bóp cò. Cô gái ngã xuống. Nghĩ rằng cô đã chết, kẻ giết người bình thần bước qua cái xác, tiến vào khu chung cư. Hắn không hề hay rằng viên đạn đã đi trúng vào chiếc chìa khóa xe cô đang cầm trên tay nên chỉ làm cô bị thương nhẹ ở tay.

Tuy nhiên, bạn cùng phòng với Maria không có được may mắn ấy. Loạng choạng bước vào căn hộ sau cơn choáng, Maria thấy Dayle Okazaki, 33 tuổi, đã nằm trong vũng máu. Viên đạn của kẻ sát nhân tìm đúng mục tiêu, xé nát hộp sọ cô gái.

Hung thủ không mất nhiều thời gian nghỉ ngơi. Chỉ một giờ sau đó hắn đã tìm được con mồi mới. Cô Tsai-Lian Yu, người Đài Loan, có vóc dáng nhỏ nhắn, đang lái chiếc Chevrolet trên đại lộ bắc Alhambra, gần công viên Monterey. Xe của kẻ sát nhân đã ép Yu dừng lại, khẩu súng kê sát người cô tóa lửa.

Cũng như lúc xuất hiện, con quỷ biến mất không để lại dấu vết gì, như thể nó chưa từng tồn tại. Cảnh sát chỉ lấy được vài nhận dạng sơ sài qua lời kể của Maria. Đó là một gã đàn ông cao lớn, màu da tối, có thể là người Bồ Đào Nha hoặc Tây Ban Nha; đôi mắt hần nhìn chằm chặp hung tợn, cả người như toát lên một vẻ tối tăm lạnh lẽo. Cảnh sát hiểu rằng họ đang gặp những khó khăn mà không biết phải xử lý như thế nào...

10 ngày sau đó, bóng ma khủng khiếp lại trù lên Los Angeles. Con trai của cặp vợ chồng nạn nhân chỉ phát hiện ra cha mẹ mình khi họ đã chết từ tối trước. Vincent Zazzara "may mắn" được chết ngay bởi viên đạn đi thẳng vào đầu khi anh đang nằm ngủ trên ghế sofa. Còn vợ anh thì bị con quỷ chém, cắt, rạch, đâm lên mặt, ngực, bụng và tất cả các phần khác trên thân thể, với sự hận thù không biên giới. Hần còn khoét đi hai tròng mắt của cô, dù theo nghiên cứu pháp y, lúc đó cô đã chết. Hần như muốn chứng minh rằng, con người chỉ là một thứ vật liệu mà hần sử dụng để thể hiện sự băng hoại trong lòng.

Các điều tra viên tìm thấy vết giày của kẻ sát nhân gần hiện trường. Đó là đôi giày thể thao hiệu Reebok cỡ 11. Không ai nhìn thấy hần, nhưng cảnh sát đã hình dung được cách thức hành động của kẻ sát nhân. Có điều họ không nghĩ rằng chính hần đã gây ra cái chết cho Vincow, Okazaki và Yu.

Ngày 14/5, cặp vợ chồng già Harold và Jean Wu không hề nghe thấy tiếng động nào khi kẻ xâm nhập lẻn vào nhà họ, vào quãng 1-2h sáng. Wu chỉ nhớ rằng, bà đột nhiên bị đánh thức bởi tiếng động rất lớn ở bên cạnh. Bà thấy một hình người đứng cạnh giường, súng trong tay. Harold chồng bà nằm bên cạnh đang rên rỉ vì bị bắn vào đầu. Kẻ sát nhân đưa bàn tay to lớn tóm lấy bà. Hần đánh và thét bà đưa tiền cho hần. Hần vặn chéo cánh tay bà ra đằng sau, ném bà qua giường vào người chồng đang hấp hối. Hần lục tung căn nhà, soi đèn vào từng hộc tủ, ngăn kéo để tìm tiền. Kinh hoàng, trí nhớ hốt hoảng và lộn xộn của Jean Wu lúc ấy chỉ ghi lại được sự đan xen của 3 âm thanh: những hơi thở cuối của người sắp chết, tiếng đồ đạc bị lục lọi và lời chửi rủa của tên sát nhân vì không tìm ra vật gì có giá trị.

Sau khi tìm mà không thấy gì đáng kể, cái bóng cao lớn quay trở lại giường ngủ của cặp vợ chồng. Hần hăm hiếp bà Wu ngay bên xác ông Harold. Sau đó, hần đứng dậy, mồm gậm gừ như thể rất thỏa mãn với chiến tích mình vừa đạt được và bỏ đi.

Bản giao hưởng khủng khiếp tiếp tục được chơi ở cung bậc cao nhất. Đêm 30/5/1985, Ruth Wilson, một thiếu phụ xinh đẹp, 41 tuổi, chợt tỉnh giấc trong căn nhà của mình. Một bóng người cao lớn chiếu đèn pin thẳng vào mặt chị. Lăm lăm khẩu súng trong tay, hắn thì thầm: “Tiền mày để đâu?”.

Chưa kịp trả lời, Wilson đã bị hắn giật mạnh ra khỏi giường, đẩy xuống phòng dưới, nơi cậu con trai 12 tuổi đang ngủ. Hắn dùng cậu bé để ép chị đưa tiền cho mình. Khi chiếc vòng kim cương được đưa ra, hắn có vẻ rất hài lòng. Trong tâm trạng kinh sợ, Wilson vẫn tin rằng hắn sẽ bỏ đi mà không hại mẹ con chị. Nhưng chị đã nhầm. Tổng đưa bé vào tủ và khóa trái lại xong, hung thủ còn cưỡng hiếp Wilson rồi mới bỏ đi.

Cảnh sát đã phác họa bức ảnh nhân dạng của hung thủ dựa vào trí nhớ của các nạn nhân và nhân chứng. Vẫn là một thanh niên 25-30 tuổi, có vẻ như người Tây Ban Nha hoặc Bồ Đào Nha, tóc đen, trán cao với khuôn mặt gầy gò, xương má bằng phẳng, môi dày, cằm vuông. Hắn luôn mặc đồ đen.

Các đội tuần tra tiếp tục tìm kiếm trong toàn thành phố và vùng ngoại ô phụ cận. Cảnh sát giám sát hoạt động của tất cả những kẻ tình nghi cả ngày lẫn đêm, nhưng họ vẫn không có thêm thông tin nào đáng giá. Trong khi đó, các âm thanh của bản giao hưởng chết chóc vẫn ngân lên, với những nốt nhạc rừng rợn hơn.

Ngày 1/6, bà Malvia Keller, giáo viên nghỉ hưu, 83 tuổi, và cô em gái tàn tật, bà Blanche Wolfe, 79 tuổi, bị tấn công trong căn hộ nhỏ của họ tại vùng ngoại ô Monrovia. Xác họ được tìm thấy vào sáng hôm sau, hai hộp sọ bị đập vỡ bằng búa. Wolfe bị hãm hiếp và máu vẫn không ngừng chảy ra từ vết thương trên đầu. Bà may mắn hơn chị là vẫn còn sống sót.

Lần này, kẻ sát nhân để lại dấu vết của hắn. Đó là ngôi sao 5 cánh vẽ bằng sơn môi trên đùi bà Wolfe, và một hình ngôi sao khác vẽ trên tường nhà - dấu hiệu của quỷ Satan.

Dấu hiệu ma quái đó không phải là lạ lùng với cảnh sát trưởng Sherman Block của Los Angeles. Ông từng nghi ngờ rằng những vụ án xảy ra cùng một dạng là kết quả của một kẻ theo tà giáo. Tại hiện trường vụ án, cảnh sát tìm thấy một chiếc mũ lưỡi trai có biểu tượng của ban nhạc rock hạng nặng AC/DC. Điều đó củng cố nghi vấn của Block. Đây là nhóm chuyên sáng tác những

bài hát mang tính kích động bạo lực một cách thái quá. Ca từ của họ có nhiều đoạn rất khủng khiếp, như:

“Tiếng động nào đang vang lên ngoài cửa sổ? Bóng đen nào đang hiện lên trước cánh cửa chớp? Người đang nằm kia trần truồng như cái xác trong nấm mộ, hãy thôi đừng mơ mộng nữa khi ta lên vào phòng người”.

Trong cuộc đời cảnh sát, Block đã điều tra nhiều vụ giết người. Ông nhận ra ngay sự khác nhau giữa các kiểu giết người liên quan tới ma túy, các mối tình tay ba, hay vì tà giáo. Tuy nhiên, vụ giết người mà ông đang phải giải quyết thuộc vào loại lạ lùng nhất. Ông cảm thấy rất nản lòng vì phải theo dấu một vụ án không thể xác định được động cơ chính xác của hung thủ. Giống như con quỷ thêm máu người trong truyện cổ tích, với mỗi giọt máu hút được, hắn đang dần lớn mạnh hơn.

Trong 6 tuần tiếp sau đó, Los Angeles tiếp tục rùng mình trước những vụ giết người dã man liên tiếp xảy ra. Làn sóng sợ hãi bao phủ mọi hoạt động của thành phố. Nhiều người dân, đặc biệt là các phụ nữ sống một mình, mất ngủ. Không còn ổ khóa nào đủ mạnh, chẳng then gài nào đủ chắc để đảm bảo an toàn cho những người sống bên trong các căn hộ. Nạn nhân của Satan đa dạng về tuổi tác, sắc tộc, nên không có ai, đàn ông hay đàn bà, trẻ em hay người lớn đang sinh sống trong thành phố, cảm thấy an toàn.

Các vụ đột nhập của hắn được tính toán kỹ lưỡng. Những dấu vết để lại vẫn cung cấp đủ thông tin chứng tỏ hắn là kẻ bị ham muốn dục vọng không chế. Người ta có cảm giác rằng hắn cảm thấy bất ổn và lo lắng về một điều gì đó đến mức cần phải tấn công kẻ khác để giảm sự đau đớn mà mình phải chịu đựng trong lòng.

Trong khoảng thời gian từ 1/6 đến giữa tháng 8/1985, cảnh sát đã tìm thêm được 9 thi thể khác bị giết theo cùng một kiểu như các nạn nhân trước đó:

- Ngày 27/6, Patty Higgins, 32 tuổi, bị giết tại nhà ở Arcadia, cổ họng bị rạch nát;

- Ngày 2/7, Mary Louise Cannon, 75 tuổi, ở Arcadia, bị hành hạ đến chết, cổ họng bị cắt;

- Ngày 5/7, Diedre Palmer, 16 tuổi, ở Arcadia, bị đánh bằng bàn là, may mắn sống sót;

- Ngày 7/7, Joyce Lucille Nelson, 61 tuổi, bị đánh tới chết tại công viên Monterey, thi thể bị cắt xẻo nhiều chỗ;

- Ngày 7/7, Linda Fortuna, 63 tuổi, bị hãm hiếp và đánh đập, thoát chết;

- Ngày 20/7, Maxson, 66 tuổi cùng vợ là Lela Kneiding, 64 tuổi, ở Glendale, bị bắn khi đang ngủ. Hung thủ cắt xẻo nhiều phần của thi thể nạn nhân. Đầu Maxson gần như bị cắt rời khỏi cổ;

- Ngày 20/7, gia đình Assawahem, ở thung lũng Sun; Chitat, 32 tuổi, bị bắn ở khoảng cách gần khi đang ngủ trên giường. Vợ anh, Sakima, 29 tuổi, bị đâm khi đang ngủ, bị đánh đập và hãm hiếp 2 lần. Con trai 8 tuổi của họ bị đâm chết. Thủ phạm bỏ đi sau khi lấy hết tiền trong nhà;

- Ngày 8/8, tại bar Diamond, Ahmed, 35 tuổi, bị bắn vào thái dương khi đang ngủ, và vợ là Suu Kya Zia, 28 tuổi, bị khóa tay bằng còng số 8, đâm đá, đâm và hãm hiếp nhưng may mắn sống sót.

Danh sách dài các nạn nhân cùng tính chất rừng rợn của các vụ án mang lại cho hung thủ nhiều biệt danh, như “kẻ thâm nhập ở vùng thung lũng”, “kẻ giết người đột nhập”... Nhưng cuối cùng hẳn cũng dừng lại với hôn danh “Sát nhân của bóng đêm” do tờ Los Angeles Herald Examiner đặt.

Cảnh sát hạt Los Angeles không biết phải làm gì trong tình cảnh hiện tại. Họ nhận ra mức độ nghiêm trọng của vấn đề. Nếu tên giết người không bị bắt, cả thành phố sẽ mãi mãi là một nơi không an toàn cho bất kỳ người nào.

Hơn bất kỳ người thực thi pháp luật nào khác, thám tử Frank Salerno của đội điều tra tội phạm giết người tỏ ra thích hợp nhất cho việc truy tìm kẻ sát nhân. Ông biết chính xác một kẻ điên khùng như hắn có thể khéo léo tới đâu. Ông từng tham gia vào vụ điều tra kẻ giết người hàng loạt có biệt danh Kẻ lạ mặt ở vùng đồi LA cách đó khoảng 10 năm.

Tháng 6/1985, không lâu trước khi các vụ giết chóc khác xảy ra, Salerno tự đặt ra mục tiêu phải đưa ra được những điểm tương tự nhau giữa 5 vụ giết người xảy ra ở ngoại vi Los Angeles. Những gì thu thập được tại hiện trường cho thấy điều đó: Có những dấu

vân tay trùng nhau, những vỏ đạn cùng cỡ 22 ly và thậm chí cả cách đột nhập tương tự nhau. Những dấu giày giống nhau như in, cùng kiểu Reebok số 11, và miêu tả của các nhân chứng cũng trùng khớp với nhau.

Giờ đây, cảnh sát có thể chắc chắn rằng những vụ giết người có dấu hiệu của tà giáo. Ngoài dấu hiệu của quỷ Satan để lại trên hiện trường vụ án Malvia Keller, kẻ giết người còn thường xuyên bắt các nạn nhân phải nói những câu: “Ta đã hứa với quỷ Satan”, hay “Ta tôn thờ Satan” nếu không muốn bị hấn giết chết. Cấp trên của Salerno, đại úy Robert Grimm, cũng đồng ý với ý kiến của ông, và cho phép tiến hành kiểm tra sự giống nhau giữa các vụ án xảy ra tại nhiều địa điểm khác nhau ở Los Angeles trong thời gian trước đó. Đây là một quyết định sáng suốt rút kinh nghiệm từ vụ điều tra Kẻ lạ mặt. Trong vụ đó, sở cảnh sát Los Angeles và ủy ban điều tra hạt Los Angeles đã tiến hành điều tra một cách độc lập để rồi bỏ lỡ nhiều cơ hội trước khi tìm ra thủ phạm thật sự của vụ án.

Salerno và Grimm nghĩ tới việc thành lập một đội chuyên án bao gồm toàn những thám tử đứng đầu hạt và thành phố Los Angeles. Hai lực lượng này thống nhất sẽ hợp tác với nhau trong quá trình điều tra. Salerno tham vấn ý kiến hai thám tử hàng đầu của ông đang tham gia điều tra những nạn nhân của Sát nhân của bóng đêm, và họ đồng ý.

Thám tử Gil Carillo lĩnh trách nhiệm xử lý vụ Okazaki bị bắn. Ngoài kinh nghiệm có được nhờ việc nghiên cứu lịch sử gây án của những tên giết người hàng loạt, ông có kiến thức tốt về kỹ thuật vi tính và có thể hỗ trợ Salerno rất nhiều trong việc nhập và xử lý dữ liệu.

Người thứ hai là Russell Uloth, từng giúp Salerno phân loại những kẻ điên loạn mà hai người đang phải đối mặt trong vụ án. Những nghiên cứu của ông về vụ Zazzara cho thấy, việc cắt xẻo được thực hiện khi nạn nhân đã chết. Chính nhờ đó mà cảnh sát hiểu rằng họ đang phải đương đầu với một kẻ theo tà giáo.

Trong khi đội điều tra gồm toàn những ngôi sao của ngành cảnh sát được hình thành, tên giết người lại xuất hiện từ một nơi bí ẩn nào đó. Hấn ra tay không thương xót, giết chết 5 người: Higgins, Cannon, Nelson, Kneiding và Assawahem.

Loạt vụ án mới khiến cho đội điều tra không còn cách nào khác hơn là lập tức tham gia trực tiếp vào cuộc hoạt động nghiệp vụ của cảnh sát. Lần này, ra quân cùng với họ là lực lượng hùng hậu của hơn 200 thám tử quanh khu vực ngoại vi Los Angeles. Ngoài họ, Salerno còn có sự trợ giúp của các thám tử Cục Điều tra Liên bang Mỹ (FBI) - những người dạn dày kinh nghiệm. Họ cùng nhau thu hẹp dần đối tượng nghi vấn. Họ không bỏ sót một chi tiết nhỏ nào trong quá trình điều tra. Trong chiến dịch này còn có cả sự hỗ trợ của các chuyên gia về tà giáo.

Các nhà điều tra, tập trung vào hướng các giáo phái tôn thờ quỷ Satan. Họ bám theo những cuộc tụ họp của chúng, đặt ra những câu hỏi cho các tín đồ với hy vọng phát hiện điều gì đó khả nghi.

Trong lúc chưa tìm được kẻ tình nghi nào thì họ phát hiện một điều thú vị tại đền thờ của một giáo phái ở phía đông Los Angeles. Đó là dấu đôi giày Reebok số 11 dùng để chơi tennis, từng xuất hiện nhiều lần ở hiện trường các vụ án.

Dựa vào kinh nghiệm bản thân, Salerno muốn tạo ra áp lực đối với kẻ giết người. Ông muốn hấn phải hoảng sợ, và bộc lộ sơ hở. Để làm điều đó, Salerno ra lệnh cung cấp các chứng cứ cho báo giới, lúc ít một, lúc dồn dập, đôi khi là những thông tin cảnh sát dự đoán là đúng nhưng chưa chứng thực được. Ông muốn kẻ giết người phải có cảm giác rằng cảnh sát đang từ từ tiến tới hấn từ mọi ngả.

Và cũng để thực hiện mục tiêu đó, đội chuyên án thông báo chính thức sự ra đời của mình. Cảnh sát trưởng Sherman Block khẳng định với báo giới rằng mọi lực lượng của cảnh sát đang tập trung tìm cho ra thủ phạm để chấm dứt những vụ giết người dã man. Chính quyền yêu cầu cộng đồng dân cư tại Los Angeles giữ bình tĩnh, luôn khóa cửa vào ban đêm và thông báo cho họ mọi điều nghi ngờ có liên quan tới kẻ giết người.

Cả Los Angeles tràn ngập thông báo về đội chuyên án. Người dân khắp nơi được phát các tờ rơi, in ảnh kẻ giết người. Họ bắt đầu để mắt "chăm sóc" bất cứ ai có nghi vấn, kể cả những kẻ lang thang bình thường. Nhờ vậy, cảnh sát có được vô số thông tin về những nghi ngờ của người dân trong thành phố.

Như ngọn lửa được khơi dậy, một phong trào mạnh mẽ, sôi sục bùng phát trong người dân Los Angeles. Không còn ai lẻ loi sợ hãi. Mọi người giờ đây như tuân theo một quy định ngầm, đồng loạt tham gia truy tìm kẻ giết người. Họ thách thức gã Satan, kẻ từng gây bao nỗi kinh hoàng. Họ đã sẵn sàng để đối phó với hắn. Chủ gia đình, cả nam lẫn nữ, đều mua súng đạn cất sẵn trong nhà. Không có súng, họ tự vũ trang bằng các loại thanh cời lò sưởi, rìu chặt xương...

Tên sát nhân của bóng đêm thấy rõ mọi căn nhà đều sáng đèn suốt đêm. Sau mỗi bức rèm, mỗi cánh cửa đều có những con mắt cảnh giác dõi ra. Tại những khu nhà lớn, có cả lính gác đi tuần. Người dân lập ra những tổ gác tại các khu phố, công viên. Sự thách thức thật rõ ràng.

Lực lượng dân quân không chỉ phòng vệ cho gia đình họ mà còn tự giác tuần tra trên các hè phố. Người ta xung phong ra đường và sục sạo những góc tối tăm nhất, chiếu đèn pha vào mọi vật sống và nếu nghi ngờ đó là kẻ giết người thì tất cả cùng lao vào tấn công.

Toàn thành Los Angeles trở thành một pháo đài bất khả xâm phạm. Nhưng tên giết người vẫn rất tỉnh táo, nếu không tiếp tục làm đổ máu được ở Los Angeles, hắn vẫn có thể giết người ở một nơi nào đó khác...

Sáng 17/4/1985, một chiếc Pontiac Grand Prix đời 1978 màu nâu đỏ, phủ đầy bụi, tách ra khỏi đường cao tốc 80. Đêm đó, nó dừng bánh tại vùng ngoại vi Lake Merced của thành phố San Francisco. "Sát nhân của bóng đêm" ra khỏi xe, khẩu 22 ly lủng lẳng thắt lưng, tiến về phía một ngôi nhà hai tầng. Tên sát nhân 25 tuổi với dáng người lừng lững, đôi mắt rực cháy, chột đứng bước. Hắn ngoái lại, lưỡng lự nhìn chiếc Pontiac mà hắn sử dụng trong suốt những tuần qua, và quyết định rằng sau đêm nay chiếc xe phải được phi tang. "Đã đến lúc phải ăn cắp một chiếc xe khác. Nhưng phải làm việc trước đã", kẻ sát nhân nghĩ thầm. Kiểm tra lại khẩu côn xoay, hắn lững thững đi tới góc tối căn nhà của cặp vợ chồng già người Hoa, ông bà Pan...

Sáng hôm sau, khi đến thăm cha mẹ, người con trai phải chứng kiến một cảnh tượng khủng khiếp: Cha trúng đạn giữa đầu, chết trên giường, mẹ tuy còn sống nhưng bị thương rất nặng. Bức tường phòng ngủ của ông bà Pan đầy những biểu tượng Satan vẽ

bằng sơn môi, cùng với những lời chửi thề tục tĩu và các thông điệp kỳ quái. Các ngăn kéo trong nhà đều bị lục lọi, cửa sổ bị mở tung và phía ngoài là những dấu giày Reebok cỡ 11.

Cảnh sát San Francisco ngay lập tức hiểu rằng tên giết người ghê rợn của Los Angeles đã tới thành phố của mình.

So sánh với những tài liệu của thám tử Salerno ở Los Angeles, thám tử Frank Kowalski của sở cảnh sát San Francisco nhận ra là giống như những vụ án ở thành phố bạn, đêm thám sát gia đình Pan cũng xuất hiện một chiếc Pontiac 1978 đi dọc các phố của Lake Merced. Điều Frank và đồng nghiệp còn băn khoăn là có phải chính gã sát nhân của bóng đêm đã gây ra 4 vụ giết người trước đó ở San Francisco không. Các vụ án mạng này có đặc điểm gần giống với cách gây án của gã Satan...

Cảnh sát San Francisco lập tức công bố ảnh nhân dạng của kẻ bị tình nghi. Số xe đi tuần tra ban đêm được tăng lên gấp đôi, đặc biệt trong khu vực có nhiều người gốc Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha sinh sống, vì đó là khu vực đặc biệt dễ dàng cho kẻ sát nhân trà trộn. Và chẳng bao lâu sau, các thám tử nhận được tin báo về một kẻ lạ mặt nghỉ trọ ở số 56 phố Mason trong thời gian xảy ra vụ giết vợ chồng Pan. Chủ nhà nghỉ, Alex Melnikov, cho biết người thuê nhà đó mặc một bộ quần áo màu đen, và anh ta lúc nào cũng nặng mùi do lâu chưa tắm. Buổi chiều ngày xảy ra án mạng, anh ta đã thanh toán tiền nhà và ra đi. Trên cửa căn phòng anh ta đã thuê có dấu hiệu ngôi sao 5 cánh của quỷ Satan.

Trong khi cảnh sát San Francisco loay hoay với các dấu vết thu được tại hiện trường vụ án thì kẻ giết người điên loạn đã kịp bỏ trốn. Vứt bỏ lại chiếc Pontiac bị lộ tẩy, hắn nhón ga chiếc Toyota mới "xoay", thẳng tiến hướng Los Angeles. Hắn muốn thách thức cảnh sát bằng một vụ trọng án khác.

Rạng sáng ngày 25/8/1985, William Carns và cô bạn gái Renata Gunther đang yên giấc tại nhà trên đường Christana Drive, thì một bóng đen cao lớn bước vào phòng họ. Đó chính là sát nhân của bóng đêm.

Vẻ đẹp thiên thần trong giấc ngủ của Renata kích thích Satan. Hắn chìa khẩu côn 22 ly vào đầu William và bóp cò. Người anh rung lên, rồi bất động. Renata hoảng hốt thức dậy sau tiếng nổ và cảm thấy một sức nặng khủng khiếp, với tiếng gầm gừ, đang

đề trên người mình. Hắn chửi rủa và cười vào mặt cô. Sau khi hăm hiếp cô gái, hắn biến mất vào bóng đêm...

Bạn của Renata, Serafin Arredondo, và bà Donna Myers, sống tại quận El Sobrante, San Francisco, cung cấp cho cảnh sát một tin tức vô cùng giá trị. Họ cho biết có một người đàn ông, tên Ricky, có nhiều hành động kỳ lạ và trông rất giống bức ảnh truy nã của cảnh sát. Theo những gì Ricky nói, thì anh ta là người từ El Paso, Texas tới đây, và thường đi đây đó trong bang California, thường là giữa hai thành phố San Francisco và Los Angeles. Anh ta tỏ ra ưa thích đặc biệt các bộ quần áo màu đen.

Serafom cho biết, có lần cô tình cờ thấy Ricky đang xem một chương trình TV thông báo về các nạn nhân của sát nhân của bóng đêm. Anh ta tỏ ra rất quan tâm tới chương trình ấy. Nhận ra có người sau lưng mình, anh ta quay lại, nhìn vào cô, đôi mắt rực sáng, miệng găm gù, hạ thấp giọng: “Cô có ngạc nhiên không khi tôi đột nhiên biết tôi là sát nhân của bóng đêm?”.

Arredondo, bạn của gia đình Myers, cho biết, anh ta đã mua một chiếc vòng kim cương và một chiếc còng số 8 từ nhân vật kỳ lạ này. Ricky luôn miệng nói anh ta cần tiền và bán những đồ nói trên với giá rẻ.

Cảnh sát hành động khẩn trương ngay sau khi nhận được tin báo. Vì không biết chắc bao giờ Ricky quay trở lại căn nhà mà hắn đang thuê, họ bèn bố trí nhiều người theo dõi, cả ngày lẫn đêm.

Và rồi, như đoạn kết của câu chuyện có hậu, liên tiếp các tin tức về nhân vật kỳ lạ kia bay đến. Có người nhìn thấy một chiếc xe Toyota màu da cam ở khu vực Mission Viejo ngay trước khi có vụ giết Carns và Gunther. Ngày 27/4/1986, chiếc Toyota màu da cam đó được tìm thấy trong khu Rampart ở Los Angeles. Các thám tử theo dõi nó 24/24 giờ và chỉ khi chắc chắn là chủ nhân không quay trở lại, họ mới kiểm tra chiếc xe.

Dấu vân tay tìm thấy trên xe là của một người từng có tiền án về tội ăn cắp vặt, tên là Ricardo Ramirez.

Cảnh sát đã có một cái tên, và giờ đây, những gì mà họ cần làm là kiểm tra kẻ tình nghi để tìm ra thêm những thông tin khác về hắn. Và cần nhất là phải tìm ra trước khi hắn ra tay giết hại thêm nhiều người, nếu như hắn quả thực là kẻ giết người mà họ đang truy lùng.

Ricardo Ramirez sinh ra tại một khu vực người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sinh sống, tại El Paso, bang Texas, ngày 28/2/1960. Khi còn nhỏ, gia đình rất nghèo và hắn thường lang thang trên đường phố với các băng cướp giết. Cha mẹ hắn có tất cả 7 người con và hắn là con út. Là một tín đồ của dòng Thiên Chúa giáo La Mã, mẹ hắn gắng hết sức nuôi dạy các con. Bà đã thành công với 6 đứa, trừ đứa út.

Lớp 9, Ricardo đã bỏ học và bắt đầu quá trình đột nhập nhà người khác ăn cắp đồ đạc vặt vãnh. Rất nhiều lần hắn bị cảnh sát bắt và bị gửi tới các trường giáo dưỡng cho tới khi họ phải tống hắn vào một nhà trường giới.

Khi còn học ở trường phổ thông, hắn chỉ có 3 niềm đam mê là võ thuật, marijuana (một loại ma túy nhẹ) và rock nặng. Hắn rất thích các ban nhạc Black Sabbath và Judas Priest. Và chính vì nghe những thể loại nhạc cuồng dại đó mà hắn khám phá ra một niềm đam mê lớn hơn: thực hiện nghi lễ của các tà giáo. Hắn có vẻ ưa thích nhất giáo phái tôn sùng quỷ Satan với những câu chuyện về các nghi lễ tế bái hiểm và những con quỷ dữ. Trong khi được mẹ mình gửi tới nhiều nơi để học Kinh thánh Thiên Chúa Giáo thì hắn lại đi theo con đường ngược lại. Sau các giờ học, hắn thường tới các thư viện và đọc sách về Satan và những thiên thần ác độc. Đến năm 20 tuổi, Richard rời khỏi El Paso.

Năm 1984, Richard bị bắt và ảnh hắn được lưu vào tàng thư của cảnh sát. Tuy nhiên, sau đó hắn được thả vì không đủ chứng cứ.

Buổi sáng đẹp trời thứ bảy, 31/8/1985, Ramirez bước xuống từ chiếc xe buýt đường dài của hãng Greyhound, vừa đưa hắn từ Phoenix bang Arizona tới Los Angeles. Hắn vẫn chưa biết hình ảnh và tên tuổi của mình đã được đưa lên tất cả các báo trên toàn nước Mỹ.

Ramirez bắt chuyến xe tiếp theo đi tới phía đông thành phố, nơi có nhiều người Tây Ban Nha sinh sống. Tới nơi, vừa bước vào quán ăn số 819 trên đại lộ Towne và gọi một ly rượu, hắn thấy ngay ảnh mình trên đầu trang nhất của tờ báo. Cùng lúc, nhiều con mắt đổ dồn vào hắn. Ramirez vội vã ra khỏi quán. Đã muộn, mọi người lao theo hắn và hét: “Bắt lấy thằng giết người!”.

Ramirez chạy thục mạng trên hè phố của khu vực mà hắn biết rõ như lòng bàn tay. Nhưng lần này hắn đã không gặp may.

Vì đó là buổi sáng của ngày nghỉ cuối tuần, mọi người dậy từ sớm và đổ ra đường, người dắt chó đi dạo, người ra chợ mua sắm. Ai cũng nhìn thấy hấn đang bị truy đuổi. Đường như có một ánh sáng vô hình nào đó từ trên cao rơi xuống, soi vào hấn, khiến mọi người chú ý và nhận ra kẻ mà họ vừa nhìn thấy trên mặt báo trước đó vài phút. Không ai bảo ai, họ cùng tham gia cuộc đuổi bắt... Mất nhòa đi vì mồ hôi và tóc xõa xuống trước trán làm mọi thứ trước mắt Ramirez như sụp đổ. Những bức tường nơi hấn từng ẩn náu một cách an toàn cũng như phản lại hấn. Đường như cả thế giới không còn chỗ nào an toàn cho hấn.

Khi chạy tới phố Hubbard, Ramirez bị một nhóm 4 thanh niên lao ra truy cản. Có người còn nắm trong tay một cây roi sắt, và chỉ trong 20 giây, họ quật ngã hấn. Khi nhóm cảnh sát đầu tiên tới hiện trường, gạt được rừng người đang tức giận, thì người hấn đã đầy máu. Cảnh sát tổng hấn vào xe sau khi bập vào tay hấn chiếc còng số 8. Quá đau đớn, hấn gào lên: "Hãy bắn tôi đi, tôi không đáng sống đâu!". Có lẽ đó là lần đầu tiên Ramirez có chung ước muốn với cảnh sát Los Angeles.

Cả nước Mỹ hy vọng vụ án "Sát nhân của bóng đêm" sẽ sớm được đưa ra xét xử và con quỷ khát máu phải đền tội. Nhưng không ai có thể ngờ rằng, những thủ tục pháp lý rườm rà và phức tạp của ngành tư pháp đã trì hoãn việc xử án tới gần 3 năm. Gia đình của Ramirez và bản thân hấn tìm mọi cách để làm chậm tiến trình xét xử của tòa. Trước phiên tòa, Ramirez lúc công nhận, lúc phủ nhận việc ông Adashek làm luật sư bào chữa cho mình. Sau đó đến lượt 2 luật sư nữa lần lượt được gia đình hấn mời và lần lượt cả hai đều bị từ chối. Hấn công khai đe dọa các quan tòa, thậm chí hấn còn vẽ ngôi sao 5 cánh biểu tượng của quỷ Satan lên lòng bàn tay và chìa nó cho giới báo chí xem.

Ngày hôm nay, gần chục năm sau khi bị xử tội chết, hấn đang ngồi chờ đến lượt mình lên ghế điện tại nhà tù San Quentin.

TỘI ÁC CỦA ZODIAC

Giết người rồi gửi thư cho cảnh sát, miêu tả cụ thể cách ra tay và những cảm xúc của mình. Có thể run tay khi sắp hành động, nhưng đây là vì phấn khích về cảnh tượng sắp xảy ra. Đó là tất cả những gì mà cảnh sát Mỹ biết được về Zodiac, kẻ giết người mà họ không thể bắt được.

Đêm chủ nhật 30/10/1966, một nữ sinh 18 tuổi tên là Cheri Jo Bates bị giết dã man gần một công viên trong khuôn viên Đại học Riverside City. Điều tra của cảnh sát cho thấy, kẻ giết người không có ý định hãm hiếp hay cướp, bởi quần áo của nạn nhân vẫn nguyên nếp và ví của cô không hề bị động đến.

Tên giết người đã cắt đứt dây điện của chiếc Volkswagen của Bates, đợi cô quay trở lại, và tới gần đề nghị giúp đỡ. Hắn cho Bates đi nhờ xe, rồi dụ cô tới một góc tối và khuất. Không biết họ làm gì ở đó trong khoảng tiếng rưỡi đồng hồ, nhưng cuối cùng gã đàn ông đã ra tay. Bates bị 3 nhát dao rạch trên ngực, 1 nhát ở lưng, và 7 ở cổ. Vết thương ở cổ sâu tới mức đầu gần như bị đứt lìa. Hung khí là con dao có lưỡi dài 9 cm bản rộng 3 cm. Cách thi thể của Bates chừng 3 m, cảnh sát tìm thấy một đồng hồ nam hiệu Timex, mặt dính nhiều vết sơn nhỏ, loại sơn dùng ngoài nhà ở. Hiện trường còn lưu lại những vết giày cỡ 10, cùng với tóc, máu và những mẫu da nhỏ trong bàn tay và móng tay nạn nhân. Ngoài ra, còn có những dấu vân tay lạ dính dầu mỡ bên trên nắp và phía trong chiếc Volkswagen.

Thư viện trường đóng cửa lúc 9h30', và những quyển sách mà Bates mang theo cho thấy cô mượn chúng ngay trước thời gian đó. Có 2 nhân chứng khẳng định họ nghe có tiếng thét rất lớn như bị ai chặn họng vào khoảng 10h30' và 2 phút sau đó là tiếng ô tô khởi động. Điều tra pháp y cũng cho ra một kết quả tương tự về thời gian chết của nạn nhân.

Với những gì thu được, cảnh sát chỉ đưa ra được giả thuyết: Hung thủ có thể là bạn trai cũ của Bates, bởi cô đã chấp nhận

đứng nói chuyện tiếng rưởi đồng hồ với hắn. Chỉ một tháng sau đó, vụ giết người mới được xem xét ở một khía cạnh khác.

Ngày 29/11/1966, 2 bản của một bức thư nặc danh được gửi tới cảnh sát Riverside và Công ty Enterprises. Bức thư được đánh bằng máy chữ hiệu Royal với đầu đề “Thú tội”. Cả hai được đánh trên giấy trắng chất lượng kém, bị xé ở phía trên đầu và ở phía dưới. Bức thư không dán tem và không có địa chỉ. Có nhiều quan điểm về bức thư này, nhưng các nhà điều tra hình sự đều khẳng định rằng đó là lời nói thực sự của kẻ sát nhân. Nội dung của bức thư như sau:

“Lời thú tội

Viết bởi

Cô ta rất trẻ và đẹp, nhưng giờ đây cô ấy đã bị đánh và bị giết. Cô ta sẽ không phải là người đầu tiên và sẽ không phải là người cuối cùng. Ta thức trắng nhiều đêm, nghĩ về nạn nhân tiếp theo của mình. Có thể đó sẽ là cô gái đẹp tóc vàng làm nghề trông trẻ gần cửa hiệu nhỏ, thường hay đi dọc phố vào mỗi buổi tối lúc khoảng 7h. Hoặc cô gái tóc nâu ăn nói thô tục để từ chối khi ta định hò hẹn với cô ta tại trường phổ thông.

Nhưng có thể nạn nhân của ta đều sẽ không nằm trong số hai kẻ đó, nhưng ta sẽ cắt đứt những phần thân thể thể hiện giới tính của cô ta và để cả thành phố nhìn thấy. Vì thế, đừng làm mọi việc trở nên quá dễ dàng đối với ta. Hãy giữ các chị em gái, con gái và vợ của các người một cách cẩn thận. Đừng để họ ra khỏi nhà vào buổi tối trên những con đường vắng vẻ.

Bates thật là ngu xuẩn. Cô ta đi thẳng tới chỗ mình bị giết như một con cừu vậy. Cô ta không hề kháng cự. Nhưng ta đã khiến cô ta làm vậy. Đó quả là một buổi biểu diễn thú vị. Ta đã giật đứt bộ phận phối điện của chiếc xe Volkswagen mà Bates để tại khu nhà xe, cắt đứt đường dây chính trong hệ thống điện. Ta đợi đến khi Bates quay trở lại xe sau đó khoảng 2 phút. Khi cô ta khởi động xe, ta đi tới gần đề nghị giúp đỡ và nói rằng ắc quy xe đã bị hỏng. Rồi ta đề nghị giúp đỡ. Tới lúc đó thì cô ta đã rất sẵn lòng nói chuyện với ta. Ta nói rằng chiếc xe của ta ở phía dưới phố và ta sẽ đưa Bates về nhà.

Khi chúng ta ra khỏi khu vực thư viện, ta nói rằng: “Đã đến lúc rồi đấy!”. Cô ta hỏi: “Đến lúc làm gì?”. Ta trả lời đến lúc cô ta

phải chết. Ta tóm lấy cổ cô ta, dùng tay bịt miệng và tay còn lại thì rút con dao nhỏ ra đe dọa sẽ đâm thẳng vào cổ cô ta. Vậy là cô ta phải bước đi theo ta. Người cô ta trông rất hấp dẫn và ấm áp, nhưng lúc đó ta chỉ nghĩ về một thứ, đó là bắt cô ta phải trả giá cho rất cả những lời từ chối tình cảm của ta trong năm đầu tiên đại học. Cô ta chết một cách thê thảm. Người cô ta quằn quại và rung lên từng đợt khi ta bóp cổ, và môi cô ta thì như lên cơn co giật. Cô ta kêu lên một lần và ta đá vào đầu để cô ta im miệng. Ta đâm con dao vào người cô ta và nó bị gãy. Sau đó ta cắt cổ cô ta.

Ta không mắc bệnh gì. Ta chỉ bị điên. Nhưng điều đó sẽ không khiến cho trò chơi bị dừng lại. Bức thư này cần phải được công bố cho tất cả mọi người. Nó có khả năng cứu các cô gái khỏi cái chết trên những con đường nhỏ. Nhưng việc đó phụ thuộc vào các người. Đó sẽ là việc của các người. Không phải việc của ta. Đúng vậy, ta cũng đã gọi cho các người. Đây chỉ là một lời cảnh cáo. Hãy cẩn thận. Ta sẽ đi theo để rình mò các cô gái của các người ngay bây giờ.

Gửi cho cảnh sát trưởng

Enterprise”

Ngay cả phong bì cũng không có địa chỉ hoàn chỉnh, và chữ viết tay trên đó có nội dung:

“Daily Enterprise

Riverside Calif

Về vấn đề: tội ác

Chi tiết vụ giết người

Riverside”

Một dấu vân tay được tìm ra trên phong bì thư đã được gửi tới phòng giám định pháp y, nhưng nó không trùng với bất kỳ dấu vân tay nào trong tàng thư của cảnh sát. Và họ không thể xác định được đó có phải là dấu tay của tên giết người hay là của một người bưu tá hoặc một sĩ quan cảnh sát nào đó.

Tên giết người tuyên bố: “Cô ta không hề chống cự”. Nhưng điều đó trái với sự thật. Cảnh sát tìm thấy trong tay và móng tay cô những vết thương, những mẩu tóc và da do vật lộn với kẻ giết người. Dù hấn nói con dao đã bị gãy nhưng những khám nghiệm cụ thể hơn áp dụng nhiều phương pháp tiên tiến khác cho thấy con

dao không hề bị gãy. Lá thư miêu tả chính xác cách tên hung thủ phá hoại chiếc xe của Bates, tuy nhiên cảnh sát không hề nhận được một cuộc điện thoại nào như miêu tả trong thư cả.

Bức thư được đưa đến địa chỉ nhận cùng ngày nó được gửi. Ngày hôm sau, 30/11, cả Enterprise và cảnh sát địa phương đều đưa bản sao của hai bức thư đó cho thanh tra bưu điện tại Riverside. Ông lại chuyển chúng cho Cục Điều tra Liên bang Mỹ (FBI). Điều tra các vụ giết người không phải là nhiệm vụ của cơ quan này, nhưng họ có trách nhiệm điều tra vụ thư nặc danh.

6 tháng sau cái chết của Bates, tòa báo Riverside, cảnh sát và cha của Bates (tên tuổi và địa chỉ của ông được đăng lên báo một ngày sau khi con ông bị giết) nhận được một lá thư nặc danh khác. Người viết không ký tên mà để lại một ký hiệu dạng chữ Z lồng vào một số 3. Trong mỗi phong bì thư đều có 2 con tem. Trong bức thư gửi tới cảnh sát và tòa báo thì người viết đánh dòng chữ: “Bates phải chết và sẽ có nhiều người khác phải chết như cô ta”.

Người ta tìm ra một dấu vân tay trên bức thư gửi tới tòa soạn báo Riverside. Tuy nhiên, không ai biết chính xác liệu đó có phải là dấu vân tay của người viết hay không và khi kiểm tra thì cảnh sát không tìm ra được dấu tay đó trong tầng thư của mình.

Giữa tháng 4/1967, một người làm công tại thư viện RCC phát hiện một bài thơ, trong đó có câu “Bates phải chết” viết ở mặt dưới của chiếc bàn gập được. Chiếc bàn được đưa vào kho khá lâu trước khi người ta phát hiện ra bài thơ đó. Nhiều người nghĩ rằng bài thơ kể về vụ giết Bates và tác giả chính là hung thủ. Nhưng có người cho rằng giọng văn và chữ viết không hề mang dấu ấn của kẻ giết người mà là của một sinh viên đang thất vọng và muốn tự tử.

Bài thơ đó như sau:

*Phát bệnh vì phải sống / không muốn chết
cất
sạch sẽ.
nếu màu đỏ /
sạch sẽ.
máu phun ra, chảy nhỏ giọt, tràn ra;
trên toàn bộ chiếc áo mới của nàng*

dù sao
chiếc áo ấy cũng mang màu đỏ.
Cuộc sống khô kiệt dần
Thành một cái chết chắc chắn.
Cô ta sẽ không chết.
lần này
sẽ có ai đó tìm ra cô ta.
hãy đợi cho đến lần sau đó.
Rh

Nhiều người cho rằng hai chữ Rh ở cuối bài thơ ám chỉ tên của giám đốc thư viện RCC vào lúc đó là R.H. Bradshaw.

Thị trấn Vallejo và Benicia nằm phía ở nam vịnh San Pablo và eo biển Carquinez, cách San Francisco 32 km về phía đông bắc. Khu vực này rất vắng vẻ, và tên giết người chọn đây là địa điểm cho vụ án tiếp theo của hắn.

11h10' ngày 20/12/1968, trên con đường nối Vallejo và Benicia, cặp tình nhân David Arthur Faraday và Betty Lou Jensen rẽ vào khu vực vắng vẻ, nơi những người đang yêu hay lui tới. Họ quần quýt bên nhau được khoảng một tiếng đồng hồ thì bỗng có một chiếc xe lạ tiến lại gần. Chủ nhân chiếc xe bước ra ngoài, rút súng bắn thẳng vào họ. Hắn bỏ đi sau khi để lại hiện trường những vỏ đạn 22 li.

Giám định hiện trường cùng giải phẫu pháp y hai nạn nhân cho thấy đầu tiên, hung thủ bắn từ cửa kính phía sau bên phải chiếc xe của cặp tình nhân. Sau đó, hắn tiến sang trái bắn, tiếp tục nhả đạn vào xe, rồi cuối cùng vòng lên phía trước và lại nổ súng. Hai người ngồi trong xe bị thương nhưng vẫn mở được cửa và chạy tung ra hai phía. Jensen, 16 tuổi, đã cố chạy lại phía đường quốc lộ, nhưng cô đã gục ngã bởi 5 phát đạn từ phía sau, chỗ xương sườn số 5 và 6 đâm ra xương chậu. Còn Faraday vừa mở cửa xe lao ra đã đổ gục bởi một phát đạn bắn thẳng vào đầu. Người ta tìm thấy 8 viên đạn trên thi thể anh.

Cô Stella Borges, người phát hiện ra xác của Jensen và Faraday, cho biết, trước đó cô nhìn thấy chiếc xe của tên sát nhân.

Đó là một chiếc Chevrolet màu sáng. Nhiều người khác xác nhận đã thấy chiếc xe 4 cánh cửa này đỗ gần lối vào trạm bơm ở phía đông Lake Herman lúc 9h, và xuất hiện tại một số nơi khác trong thị trấn Vallejo.

Cảnh sát trưởng Les Lundblad của hạt Solano đã rất cố gắng và nhận được sự giúp đỡ của nhiều lực lượng chuyên trách. Nhưng cuối cùng, người ta cũng không thể lần ra hung thủ. Sau này, tác giả Robert Graysmith trong quyển sách của mình với tựa đề ZODIAC, nhận xét: “Đây là một vụ án không có nhân chứng, không có động cơ và không có kẻ tình nghi”.

6 tháng sau, khoảng giữa đêm khuya ngày 5/7/1969, cô Darlene Elizabeth Ferrin, 22 tuổi và cậu bạn Michael Renault Mageau, 19 tuổi đã bị bắn khi đang ngồi trong chiếc xe hiệu Ferrari của mình trong khu đỗ xe của sân golf Blue Rock Springs.

Đôi bạn trò chuyện trong xe từ giữa buổi tối. Lúc đó, đã có một nhóm khoảng 3 chiếc xe chở một nhóm thanh niên vòng xuống bãi xe. Họ cười nói, hò hét, ném pháo lung tung rồi đi khỏi đó nhanh cũng như khi họ tới. Ferrin và Mageau vẫn ở lại trong xe đến gần nửa đêm thì một chiếc xe xuất hiện, đỗ lại ngay phía đằng trước họ. Chiếc xe tắt đèn, từ từ lại gần chiếc Ferrari, phía cửa trái. Từ trong xe, họ nhận ra đó là chiếc Falcon đời 1958 hoặc 1959. Mageau vừa cảm thấy chút nghi ngờ thì chiếc xe vụt rú ga, quay lại hướng Vallejo.

Sau đó khoảng 5 phút, chiếc Falcon quay trở lại, tới bên phải cách chiếc xe của đôi trai gái khoảng 3m. Người lái tắt đèn pha nhưng lại rọi đèn pin về phía hai người, rồi bước về phía họ. Nghĩ đó là cảnh sát, Mageau với tay lấy thẻ căn cước của mình. Nhưng đúng lúc đó thì gã lạ mặt nổ súng. Các viên đạn ở khoảng cách gần xuyên qua Mageau vào thẳng người Darlene. Tiếp đó tên giết người nã đạn vào Darlene. Nghĩ rằng cả hai đã chết, hung thủ trở lại xe. Đột nhiên, hắn nghe thấy tiếng rên rỉ vì đau đớn và tức giận của Mageau. Hắn quay trở lại chiếc Ferrari, bắn thêm vào mỗi nạn nhân 1 phát, rồi bỏ về xe, đi về hướng Vallejo. Đó là lúc mà Mageau nhìn rõ kẻ giết người. Anh miêu tả, hắn cao khoảng 1,76 m, trông rất nặng nề, khuôn mặt rộng.

Đau đớn khủng khiếp nhưng Mageau vẫn đủ tỉnh táo để cố gắng bật đèn tín hiệu của xe hy vọng ai đó tới cứu giúp. Rất nhiều xe cảnh sát và xe cứu thương đã tới ngay hiện trường. Nhưng đã

quá muộn, Darlene chết trong xe cứu thương trên đường tới bệnh viện vì vết thương quá nặng, Mageau được cứu thoát.

Dấu vết tại hiện trường cho thấy hung thủ đã vẫy 9 phát đạn. Cảnh sát tin rằng hắn sử dụng loại Browning có băng đạn 13 viên.

12h40', có một người lạ gọi tới tổng đài của sở cảnh sát Vallejo. Giọng nói trong máy là của một người đàn ông. Hắn nói đều đều như thể đang đọc từ một trang giấy. Người trực tổng đài đã cố gắng hỏi danh tính và số điện thoại của hắn, nhưng hắn không hề ngắt quãng bản thông báo của mình: "Tôi muốn thông báo về một vụ giết người mới xảy ra. Nếu các ông đi về phía đông khoảng 1,5km tới công viên thì các ông sẽ thấy 2 đứa nhỏ trong một chiếc xe màu nâu. Chúng bị bắn bằng một khẩu Luger 9 ly. Năm ngoái tôi cũng đã thực hiện vụ giết hai đứa trẻ mà cho tới nay các ông vẫn chưa tìm ra hung thủ".

Cảnh sát tìm ra địa chỉ của cuộc gọi. Đó là chiếc cabin điện thoại công cộng trống rỗng, cách trụ sở cảnh sát Vallejo có vài khu nhà.

Những người bạn thân của Ferrin cho biết, nhiều tháng trước khi bị giết, một kẻ nào đó đã rình mò đe dọa cô, và nhiều lần hắn còn tìm cách đến thăm cô. Tuy nhiên, chồng của Darlene là Dean Ferrin lại khẳng định, trước khi vụ giết người xảy ra không hề có dấu hiệu nào cho thấy cô bị đe dọa.

Vài tuần sau, ngày 31/7/1969, 3 tờ báo San Francisco Examiner, San Francisco Chronicle và Vallejo Times-Herald đồng thời nhận được những bức thư của kẻ tuyên bố đã gây ra vụ giết người tại Vallejo.

Đi kèm với mỗi bức thư là một mẫu giấy ghi mật mã, yêu cầu được đăng trên trang nhất các báo vào ngày 1/8 năm đó.

Kẻ viết thư không chỉ cung cấp những thông tin chính xác về vụ án để chứng tỏ mình là kẻ giết người mà còn tuyên bố sẽ tiếp tục giết người nếu yêu cầu của hắn không được đáp ứng. Dù trong mỗi lá thư, cách dùng từ lại khác đi một chút, nhưng bức nào cũng chứa cùng một nội dung lạ lùng tương tự và kết thúc bằng một dấu hiệu đặc biệt sau này được coi là chữ ký của Zodiac.

Bức thư đầu tiên gửi tới Vallejo Times –Herald như sau:

"Ngài tổng biên tập kính mến,

Ta là kẻ đã giết hai đứa trẻ vào giáng sinh năm ngoái tại Lake Herman và cô gái vào ngày 4/7 năm nay. Để chứng minh điều đó, ta sẽ nói lại một số sự thật mà chỉ có ta và cảnh sát được biết.

vụ Giáng sinh

1. Tên của loại đạn là Super X

2. có tất cả 10 viên được bắn

3 cậu bé nằm giữa hướng về phía chiếc xe

4. cô bé nằm ở phía bên phải chiếc xe nằm hướng về phía tây

vụ 4/7

1. cô gái mặc một chiếc quần thêu hoa

2. cậu bé bị bắn vào gót chân

3. loại đạn có tên là Westerrn

Đây là bản mật mã đầu tiên. 2 phần còn lại đã được gửi tới SF Examiner và SF Chronicle

Ta muốn các người cho đăng bản mật mã này lên trang đầu của các báo trong ngày 1/8/1969. Nếu các người không làm như vậy, ta sẽ đi giết người vào tối thứ sáu tới và sẽ còn tiếp tục giết người trong suốt cả kỳ nghỉ tuần này. Ta sẽ đi vòng vòng và bắn vào tất cả những người đơn độc hay những cặp tình nhân mà ta gặp cho đến khi số người chết vượt quá 12 người”.

Bức thư tên giết người gửi cho báo Chronicle cũng tương tự như vậy, nhưng có thêm lời hướng dẫn đó là “ Trong bức mật mã này là nhận dạng của ta”. 3 phần mật mã đều được một giáo viên của trường trung học North Salinas tại California và vợ của ông ta giải mã trong chưa đầy 1 tuần sau đó. Dù rằng tên giết người nói rằng trong đó có nhận diện của hắn, nhưng thực tế hắn không để lộ gì về bản thân mình. Bản giải mã đã được gửi tới sở cảnh sát Vallejo vào ngày 8/8 và được đưa lên mặt báo San Francisco Chronicle và Vallejo Times-Herald vào ngày 9/8. Nội dung của hai bức mật mã đó như sau:

“Ta thích giết người vì việc đó rất thú vị, thú vị hơn hẳn so với việc giết chết những con thú to lớn trong những cánh rừng vì người là con thú nguy hiểm nhất. Việc giết một con vật gì đó làm cho ta cảm giác rất thú vị. nó còn thú vị hơn cả việc được ngủ với

một cô gái đẹp. Điều hay ho nhất là khi ta chết ta sẽ được tái sinh trên thiên đàng và tất cả những kẻ ta đã giết sẽ trở thành nô lệ cho ta. Ta sẽ không cho các người biết tên của ta vì các người sẽ tìm cách ngăn cản việc tìm thêm nô lệ cho cuộc sống vĩnh hằng của ta EBEORIETEMETHHPITI".

Cảnh sát đã kiểm tra rất kỹ những bức thư nhưng không tìm ra dấu tay của người viết trên đó. Và cũng giống như trường hợp vụ án của Bates, cảnh sát địa phương đã liên hệ với FBI nhờ giúp đỡ và cũng y hệt như vậy, FBI cho rằng đó không phải là phần việc của mình vì lá thư đó không nhằm vào làm hại một ai.

Ngày 10/8, một lá thư giải mã những lá thư trước được gửi tới cảnh sát Vallejo, chỉ một ngày sau khi bản giải mã được đăng trên các báo. Dấu bưu điện của bức thư là San Francisco. Bức thư này được viết bằng tay trên giấy trắng, và được kèm với một tấm card với dòng chữ "Hy vọng các người có thể dùng bản giải mã này để giải bức thư mật mã ta đã gửi trước đây". Dưới bức thư ký tên "Người công dân có trách nhiệm". Tuy nhiên, có khả năng đó chính là bản chép lại của phần giải mã đã được đăng trên báo ngày hôm trước. Trên phong bì cảnh sát tìm thấy một số dấu bàn tay nhưng cảnh sát không tìm ra người có dấu tay đó trong tầng thư của mình.

Ngày 2/8, tất cả những bức thư mật mã trước đó đều được đăng tải trên các báo. Cảnh sát trưởng Vallejo Jack E.Stiltz, nói: "Chúng tôi không cho rằng bức thư đó là do chính kẻ giết người viết, nhưng hoàn toàn có khả năng đó là sự thật". Tuy nhiên, ông cũng nhận thấy, cần tới nhiều chứng cứ khác để kết luận bức thư đó là thật. "Đáp ứng" yêu cầu của ông, ngày 4/8, một lá thư dài 3 trang giấy được gửi tới San Francisco Examiner, trong đó tên giết người lần đầu tiên lấy tên "Zodiac".

"Zodiac đang nói đây. Để trả lời cho việc các người yêu cầu ta cho thêm các chi tiết về khoảng thời khắc ta giải trí tại Vallejo, ta sẽ rất vui lòng cung cấp thêm cho các người một số tài liệu khác. Nhân tiện đây, cho ta hỏi, cảnh sát thích việc giải mã bức thư lần trước chứ? nếu không, hãy nói cho chúng mừng nhé, khi chúng thực sự giải mã được hết bức thư đó, chúng sẽ bắt được ta.

Ngày 4/7: Ta không hề mở cửa xe. Cửa xe đã được kéo xuống trước đó. Cậu con trai lúc đó đang ngồi ở ghế trước. Khi ta bắn phát đầu tiên vào đầu, cậu ta vọt về phía sau vì thế làm ta trệch

mục tiêu. Người cậu ta bật vào ghế sau rồi rơi rất mạnh xuống sàn xe với hai chân bị va đập vào ghế; vì thế ta bắn tiếp cậu ta vào mắt cá chân. Ta không hề rời bỏ hiện trường vụ đó với chiếc xe đi ở tốc độ cao và những bánh xe rít trên mặt đất như miêu tả trong báo Vallejo. Ta lái xe đi thật từ từ để không bị chú ý. Người ở gần trạm điện thoại nhìn thấy ta và miêu tả chiếc xe của ta có màu nâu là một gã da đen trong khoảng từ 40-45 tuổi ăn mặc rách rưới. lúc đó ta đang nói vài câu vui vẻ với cảnh sát Vallejo trong cabin điện thoại. Khi ta gác điện thoại thì cái máy khốn kiếp đó réo văng cả lên và làm cho hấn chú ý tới ta và chiếc xe của ta.

Giáng sinh năm ngoái: Cảnh sát đang tự hỏi không hiểu làm sao ta có thể bắn trúng các con mồi của mình trong bóng tối. Họ không công khai nói ra điều đó, nhưng đã có hàm ý nói như vậy khi cho rằng vào lúc đó có rất nhiều đèn được bật và ta có thể nhìn thấy nhờ ánh sáng mặt trời đang xuất hiện ở phía đường chân trời. Khốn kiếp! đó là một khu vực xung quanh có nhiều đồi và cây cao. Thực ra ta đã dán băng dính dính một cái đèn pin nhỏ vào đầu nòng khẩu súng. Nếu các người để ý, khi hướng một khẩu súng được gia cố như vậy vào một bức tường thì trên tường sẽ có một điểm đen ở chính giữa vòng tròn ánh sáng có đường kính khoảng chừng từ 6 đến 12 cm.

Khi bóp cò viên đạn sẽ đi vào chính giữa điểm đen. Tất cả những gì ta phải làm là chỉ việc hướng luồng ánh sáng đó tới như thể vung vẩy một cái vòi nước; chẳng cần phải ngắm làm gì cho mất công. Ta rất tiếc là đã không được đưa lên trang nhất vì sáng kiến đó.

Không địa chỉ”.

Cảnh sát tìm ra vết vân tay trên lá thư này, nhưng nó không trùng với bất kỳ dấu tay nào khác mà họ từng biết tới.

Không để lại một manh mối nào cho cảnh sát, tên giết người tiếp tục ra tay. Và lần này, nạn nhân của hấn vẫn là những người vô tội mà hấn tình cờ gặp trên đường. Vụ tấn công xảy ra vào thứ bảy ngày 27/9/1969 tại phía tây hồ Berryessa, ở hạt Napa cách San Francisco 100km. (vụ án số 105907 của Văn phòng cảnh sát trưởng hạt Napa)

Vào lúc 3 giờ chiều, 3 người phụ nữ trẻ từ Angwin tới vừa đỗ xe gần hồ thì một người đàn ông lái một chiếc Chevrolet 2 cửa biển số California, tiến tới đậu xe gần chỗ họ. Không rời xe, anh ta ngồi trên ghế, cúi gằm xuống như thể đang đọc một cuốn sách.

Những người phụ nữ đi xuống phía bờ hồ và tắm nắng. Được khoảng 30 phút thì họ thấy người đàn ông đó đang theo dõi họ. Sau này họ khai, người đàn ông “khá gọn gàng và đẹp trai” có chiều cao khoảng 1,8m nặng khoảng 90kg, tóc ngắn màu sẫm và được chải sang hai bên. Anh ta mặc một chiếc áo thể thao màu đen có tay dài và một chiếc áo mỏng bên ngoài. Anh ta nhìn họ và im lặng hút thuốc trong khoảng 20 phút, sau đó bỏ đi. Khi những người phụ nữ quay trở lại chỗ đậu xe vào khoảng 4 h30 phút thì người lạ mặt đã bỏ đi.

6h30 phút cùng ngày, cũng tại hồ nước đó, một nha sĩ người địa phương và con trai nhìn thấy người đàn ông có nhận diện tương tự đang rảo bước dọc theo bờ hồ. Khi phát hiện bị ông và cậu con trai chú ý, anh ta liền quay ngược lại và bỏ đi. Sau này, các thám tử khẳng định, người đàn ông đó không thể có xe trong khu vực đó vì nếu như vậy chắc chắn ông ta không thể có mặt ở khu hồ trong khoảng thời gian nói trên.

Cecelia Ann Shepard và Bryan Calvin Hartnell là hai sinh viên đại học lúc đó đang trên đường tới Ang win để nghỉ. Hai người cho biết đã nhìn thấy một người đàn ông cao khoảng 1,8 m đi lại gần phía họ. Anh ta trạc khoảng ngoài 30 tuổi có tóc màu sẫm, dáng người nặng nề, mặc một chiếc áo jacket màu sẫm. Cecelia nhìn thấy người đàn ông đầu tiên. Theo cô, anh ta có mang kính.

Khi đến gần hai người, anh ta có hành động khá kỳ lạ là vội núp sau mấy thân cây, trèo lên đầu một mảnh vải mưa được buộc túm bốn góc và lẩn thật nhanh ra cách xa họ ít nhất là 7 m. Tấm vải bạt đó được may lại rất kỹ lưỡng, có màu đen và một phần phủ xuống tới tận thắt lưng. Trên tấm vải bạt đó có một hình mà sau này khi kiểm tra lại thì cảnh sát phát hiện ra chính là chữ ký của kẻ hay gửi thư cho họ về các vụ giết người. Tấm bạt có mấy chỗ được khoét ra cho mắt và mồm. Anh ta đã đeo kính và đội mũ để không ai có thể nhận diện được mình. Ở thắt lưng, anh ta mang một con dao trong bao bằng gỗ và một bao súng bằng da nhưng không có súng. Khẩu súng lục tự động anh ta cầm trong tay. Chĩa súng thẳng vào Shepard và Hartnell, người đàn ông nói: *"Ta muốn có tiền và chìa khoá xe của các người. Ta cần chiếc xe để đi tới*

Mexico". Hartnell đưa cho anh ta chìa khoá chiếc Volkswagen của mình và tất cả số tiền mà anh có trong người. Người đàn ông nhét tiền vào túi và vít chiếc chìa khoá trên tấm chắn picnic rồi cho súng vào bao. Hartnell tỏ vẻ muốn giúp anh ta, nhưng người đàn ông nói: *"Không cần, thời gian của ta sắp hết rồi"*. Sau đó anh ta cho biết mình đang trốn chạy khỏi bản án tại nhà tù Pacific Northwest, nơi anh ta đã giết một người gác ngục, ăn cắp một chiếc xe và hiện không còn gì để mất nữa. *"Tôi đã hết sạch tiền rồi"*.

Vì vẫn mong rằng sẽ có cách giải quyết ổn thoả mọi việc, Hartnell cố gắng trấn an tên cướp bằng cách nói chuyện với hắn, họ trao đổi vài phút về chiếc xe của anh trước khi tên cướp lấy ra vài miếng vải mà hắn cài ở thắt lưng và ra lệnh cho Shepard trói Hartnell lại. Hartnell phản đối việc đó và hắn gầm lên: *"Nằm xuống ngay!"*. Shepard nghe theo lời tên cướp, và trong lúc làm như vậy cô đã lén lấy ra chiếc ví của mình và vít về phía mà tên cướp không để ý. Khi cô trói xong Hartnell, thì đến lượt cô bị trói lại. Đột nhiên vào lúc đó, 2 người phát hiện ra hắn có vẻ bồn chồn, tay hắn run lên dữ dội và hắn nói: *"Tao sẽ đâm chúng mày ngay bây giờ"*.

Hartnell trả lời: *"Tôi không thể nhìn thấy cảnh cô ấy bị đâm, hãy đâm tôi trước!"*.

Tên giết người trả lời: *"Thì tao đang làm như vậy đây!"*

Hắn rút con dao đeo ở thắt lưng ra, đó là loại dao hai lưỡi dài khoảng 30cm, gần giống lưỡi lê. Theo Hartnell thì nó giống một con dao được làm hoặc đã được sửa lại một cách thủ công, có phần chuôi làm bằng 2 miếng gỗ áp lại, với 2 đỉnh tán bằng đồng. Con dao không có phần đốc chắn mà chỉ có một sợi dây màu trắng. Hắn nhào vào đâm Hartnell 6 nhát liên tiếp, và đâm Shepard 10 nhát, những vết thương quá nặng làm cô chết sau đó 2 ngày trong bệnh viện.

Nghĩ rằng họ đã chết, tên giết người bước về phía chiếc xe của Hartnell và dùng một vật gì đó vẽ lên cửa xe hình logo của hắn và vài dòng chữ về ngày giờ của vụ tấn công trước đó của Zodiac như sau:

"Vallejo

12-20-68

7-4-69

27/Tháng 9/69-6:30

bằng dao"

Các thám tử sau đó phát hiện ra vô số dấu chân đi lại trên hiện trường vụ án. Đó là loại giày hiệu Wing Walkers, một loại giày quân đội cỡ 10,5. Những dấu giày rất sâu, chứng tỏ đó là một người rất nặng nề.

Sau này Hartnell cho biết, người đàn ông có buột miệng nói ra một cái tên gì đó nhưng là một cái tên kép đại loại như Fern Lock và anh không làm sao nhớ được.

Và cũng giống như trong vụ mà hấn gây ra tại Blue Rock Springs, tên giết người lái xe tới một trạm điện thoại công cộng gần đó gọi cho cảnh sát địa phương. Lúc đó là 7h40 phút tối, khoảng 1 giờ sau khi vụ án xảy ra. Cuộc gọi này được thực hiện ngay bên ngoài tiệm rửa xe số 1231 đường Main tại Napa. Bằng một giọng bình tĩnh, hấn nói: *"Tôi muốn thông báo một vụ giết người, không, một vụ giết hai người. Chúng đang nằm cách công viên trung tâm chừng 3 km trong một chiếc Volkswagen màu trắng hiệu Kharman Ghia"*. Khi người trực tổng đài hỏi hấn là hấn đang gọi điện từ đâu, hấn trả lời, hạ thấp giọng: *"Tôi là kẻ đã làm việc ấy"*.

Và như để tránh việc đã xảy ra như trước đây khi có người nhìn thấy hấn, hấn vội vã bước đi mà không để lại điện thoại vào chỗ cũ. Giám định pháp y đã tìm được dấu tay của người gọi trên chiếc điện thoại. Nhưng vì hấn ra nhiều mồ hôi tay và đã làm rơi điện thoại vài lần trong suốt cuộc gọi nên những dấu vết để lại quá mờ không thể dùng được.

Paul Stine lái xe taxi ở San Francisco đón khách tại góc đường Mason và đường Geary tại khu Union. Chiếc xe dừng lại ở góc phố Washington và Cherry. Vị khách đã chìa súng vào thái dương bên phải của tài xế và bóp cò. Đó là những gì mà cảnh sát nắm chắc được sau khi phát hiện thi thể nạn nhân.

Vụ án xảy ra tối thứ bảy 11/10/1969. Không thể xác định được tên giết người đã ngồi ở ghế trước chiếc xe trong suốt chuyến đi hay khi hành động hấn ngồi ở ghế sau rồi lên ghế trước ngồi. Điều kỳ lạ là hung thủ đã cắt một miếng vải lớn ở đằng sau chiếc áo thâm máu của nạn nhân và mang theo dọc phố Cherry. 3 cậu

bé đang đùa chơi trước cửa nhà số 3899 phố Washington tình cờ nhìn thấy, nghi ngờ và đã gọi cho cảnh sát. Tuy nhiên chúng lại nhận nhầm là hung thủ người da đen nên cuối cùng kẻ giết người chạy thoát.

Viên đạn giết chết Stine cỡ 9 ly, trùng với loại đạn trong vụ tấn công ở Blue Rock Springs. Có rất nhiều dấu vân tay trong chiếc xe, nhưng hoàn toàn có khả năng đó là dấu tay của những người đi xe trước đó.

Hai ngày sau, tờ Chronicle nhận được lá thư tiếp theo của Zodiac nhận trách nhiệm về vụ giết người. Trên phần ghi địa chỉ của người gửi có logo của Zodiac, đính kèm một phần nhỏ từ mảnh vải mà tên giết người cắt ra từ áo của Paul Stine. Có thêm 3 dấu vân tay trên phong bì thư, nhưng cũng như mọi lần, cảnh sát không phát hiện ra ai có dấu vân tay tương tự như vậy.

Bức thư viết như sau:

"Zodiac đang nói đây. Ta là thủ phạm vụ giết người tài xế taxi tại góc phố Washington và Maple tối qua, để chứng minh điều đó ta gửi kèm theo đây một mẫu vải từ áo của người lái xe đó. Ta cũng chính là người đã gây ra vụ giết người tại khu vực Vịnh phía bắc. Cảnh sát San Francisco đã có thể bắt được ta vào tối qua nếu như họ tìm kiếm trong công viên một cách cẩn thận hơn thay vì khoá chặt các ngã đường và đợi xem kẻ nào có nhiều điều bộ khả nghi nhất. Những tên tài xế đáng lẽ ra phải yên lặng để đợi xem ta lộ diện rồi báo cho cảnh sát. Những đứa trẻ học ở trường có lẽ là những mục tiêu dễ thương nhất. Ta đang tính xem một buổi sáng nào đó có nên làm một cuộc tàn sát trên những chiếc xe chở chúng hay không. Chỉ cần bắn vào lớp xe trước và sau đó là lấy từng đứa ra khỏi xe là xong".

Cho đến lúc này, cảnh sát đã phát hiện ra thói quen hành động của Zodiac. Hắn thường gây ra các vụ giết người vào lúc mặt trời lặn hoặc vào những ngày nghỉ cuối tuần. Nạn nhân của hắn là những đôi tình nhân ngồi trong xe hơi tại những khu vực vắng vẻ hay gần những nơi có nước. Tuy vậy, cho đến vụ án Stine thì hắn đã thay đổi phương thức hành động. Zodiac đã dám tấn công vào ban ngày tại San Francisco, điều đó có nghĩa là hắn có thể làm bất kỳ việc gì. Mọi tài xế trong vùng Vịnh đã nhận được những bản hướng dẫn phải hành động như thế nào khi chẳng may gặp phải những vị khách đáng ngờ.

Việc đe dọa sẽ tấn công xe buýt chở học sinh là dấu hiệu cho thấy Zodiac sẽ còn trở lại và lần này hẳn thay đổi mục tiêu tấn công. Theo đề nghị của cảnh sát San Francisco, tờ Chronicle đã không đưa lời đe dọa này lên báo trong tuần sau đó. Ngày 18/10, cảnh sát tại đây đã đưa ra được bức chân dung phác hoạ hình ảnh của tên giết người dựa vào trí nhớ của những đứa trẻ tình cờ có mặt tại hiện trường.

Chính vào thời điểm này, báo chí bắt đầu chú ý vào sự kiện Zodiac. Cảnh sát đăng tin lên báo yêu cầu người dân gửi về những cách mà họ nghĩ ra để có thể tóm được tên giết người hàng loạt. Rất nhiều người đã tham gia vào chương trình này, có người sống ở tận Houston, Atlanta và St. Louis cũng gửi thư về. Cùng lúc đó, các thám tử điều tra những vụ trọng án suốt dọc bờ biển phía Tây nước Mỹ bắt đầu quan tâm điều tra các vụ án mà hẳn gây ra. Trong số họ có thám tử L.T. Kinkead và H.L.Homsher của thành phố Riverside. Họ đã gửi những thông tin về vụ giết Bates tới các thám tử tại Napa, Solano và các hạt thuộc bang San Francisco, nhưng những báo cáo của họ chỉ được bắt đầu xem xét khoảng 1 năm sau đó.

Bức thư tiếp theo của Zodiac được gửi tới toà soạn báo Chronicle trong một phong bì có đề dòng chữ “Xin chuyển gấp cho Tổng biên tập”. Trong bì thư là một tấm thiệp chúc mừng có tên “Jesters” và một dòng mật mã. Lá thư có vẻ như là một thông điệp về số xác chết mà Zodiac bỏ lại tại hiện trường, con số đang tăng dần lên sau mỗi bức thư. Tuy vậy, cho đến lúc đó cảnh sát vẫn chưa xác hiện ra vụ nào khác ngoài 6 vụ tin chắc là do Zodiac gây ra.

Tháng 11 năm đó, Zodiac lại gửi một bức thư nữa kèm với mảnh vải áo của Stine tới toà soạn báo Chronicle. Trong bức thư hẳn tuyên bố:

“Zodiac đang nói đây. Ta nghĩ rằng các người cần phải cười thật to trước khi nghe cái tin đặc biệt xấu mà ta sẽ thông báo trong một thời gian ngắn nữa.

Tái bút: các người có thể đăng tin này lên báo được không? Ta thấy rất cô đơn khi không có ai nhắc đến mình, cô đơn đến nỗi ta có thể lặp lại những hành động của mình mất!!!!

Des tháng 7, tháng 8, tháng 9 tháng 10=7”

"Zodiac đang nói chuyện với các người đây, cho tới cuối tháng 10 ta đã giết 7 người. Ta càng ngày càng trở nên bức mình với cảnh sát vì chúng toàn nói láo về bản thân ta". Đây là một phần bức thư ngày 10/11/1969 của kẻ giết người máu mặt. Hắn tuyên bố, sẽ làm nổ tung những chiếc xe buýt.

Zodiac viết tiếp:

"Vì thế ta sẽ thay đổi cách thức thu phục thêm những kẻ nô lệ. Ta sẽ không thông báo trước về các vụ hoạt động của ta nữa. Khi ta giết người ta sẽ làm cho chúng có vẻ ngoài giống như những vụ cướp, giết người vì hằn thù hay là những tai nạn thông thường...

Cảnh sát sẽ không bao giờ bắt được ta, vì ta đã trở nên quá thông minh đối với chúng.

Ta chỉ trông giống những gì mà cảnh sát miêu tả khi ta hành động, còn những lúc khác ta trông hoàn toàn khác. Ta sẽ không nói cho các người biết ta giết người như thế nào.

Như từ trước tới nay vẫn vậy, ta không hề để lại dấu vân tay nào trên phong bì thư ta gửi cho các người. Nhưng trái với những gì cảnh sát nói về ta, ta không hề mang những vật dùng để che phủ ngón tay mà là dùng những chất keo dính trong sản xuất máy bay, như thế thì không để lại dấu vết gì và vô cùng hiệu quả.

Các dụng cụ giết chóc của ta được mua qua đơn đặt hàng theo butu điện trước khi chúng bị cấm theo luật của nhà nước. Trừ một thứ mà ta đã mua ở bên ngoài biên giới nước Mỹ. Vì thế các người có thể thấy rằng cảnh sát chẳng có mấy việc để làm. Nếu các người muốn biết tại sao ta lại lau chùi chiếc taxi trước khi bỏ đi thì ta giải thích rằng đó là vì ta muốn cảnh sát phải tìm hiểu hiện trường vụ án trong khi ta bỏ đi. Tức là ta muốn cho cảnh sát vài công việc để họ vui vẻ trong giây lát. Ta rất thích tạo ra những điều không có thật. Ngày hôm những kẻ ảo tưởng, lúc đó, ta đang ở trong công viên các người đang sử dụng những chiếc xe để săn lùng ta. Những con chó thường xuyên đi cách xa chỗ ta ẩn náu tới 2 khu nhà. Sau đó chiếc xe máy đi qua cách ta khoảng 45 m về phía nam hoặc tây nam.

Tái bút: 2 cảnh sát đã xử sự ngu xuẩn sau khi ta rời khỏi xe taxi khoảng 3 phút. Ta đang đi xuôi theo những đường phố để tới khu công viên thì xe của hai tên này xuất hiện. Một tên trong bọn

chúng yêu cầu ta tới gần, hấn hỏi ta xem có trông thấy một người đàn ông có hành động khả nghi hoặc một người lạ mặt mới đi qua đó khoảng 5 đến 10 phút hay không. Ta nói có và hấn ta chạy qua, tay vung vẩy khẩu súng và những tên cớm ngu ngốc đó vội vã lái xe đi về phía góc đường mà ta chỉ cho chúng. Ta lẩn vào khu công viên cách đó một khu nhà và không bao giờ các người còn trông thấy ta nữa.

(đến phần này của bức thư có câu “phải in bằng giấy” in sẵn trên tờ giấy)

Này mấy con lợn, các người có câu tiết lên không khi ta chọc tức các người như vậy?

Nếu cảnh sát các người nghĩ rằng ta sẽ tấn công một xe buýt như ta đã tuyên bố thì các người đáng nhận những viên đạn vào đầu. Hãy lấy một túi chứa đầy đạn và phân bón nitrat + 1 gallon (đơn vị đo của Mỹ bằng khoảng 3,7 lit) dầu dùng cho nấu bếp & một vài túi sỏi đặt ở trên cùng. Sau đó, làm nổ tung cái đóng ấy lên. Chúng sẽ thổi bay mọi thứ trong tầm ảnh hưởng của vụ nổ đó.

Chiếc máy thần chết đã sẵn sàng rồi, ta đáng ra đã gửi cho các người những bức ảnh nhưng các người sẽ lẩn được ra người phóng những bức ảnh ấy là ai, và các người sẽ lẩn ra ta, vì thế ta sẽ chỉ miêu tả tuyệt phẩm của mình cho các người nghe mà thôi. Phần hay nhất trong đó là tất cả những thứ mà ta miêu tả ở trên có thể mua được ở bất kỳ chợ nào mà không bị ai hỏi han.

1 hộp pin. Còn điện để chạy trong vòng 1 năm tới.

1 công tắc điện

2 lò so dạng lá bằng đồng

2 pin ô tô loại 6V

1 bóng đèn nháy và gương phản xạ.

1 chiếc gương

2 ống hình trụ tròn loại 18 inch làm bằng bìa các tông

ta đã kiểm tra hệ thống đó và thấy nó rất hoàn chỉnh. Điều mà các người không biết là: chiếc máy thần chết của ta được để ở bên ngoài và ai cũng nhìn thấy hay là ở dưới tầng hầm trong căn hộ của ta. TA nghĩ rằng các người không có đủ khả năng để chặn đứng vụ này lại bằng cách lùng sục trên đường, tìm kiếm thứ trông tương tự như vậy. Việc các người có thể thay đổi lộ trình hay lịch

trình của những chuyến xe buýt sẽ không có tác dụng gì đâu vì quả bom có thể được thay đổi cho hợp với tình hình mới.

(Đến đây dấu hiệu mà Zodiac thường dùng làm chữ ký xuất hiện và bên cạnh đó là 5 chữ X viết liên tiếp ở phía bên trái)

Vui vẻ nhé! Tiện đây ta cũng muốn nói rằng nếu các người tìm cách lừa phỉnh ta thì ta sẽ làm cho mọi thứ trở nên lộn xộn đấy.

Tái bút: Nhớ in cái đoạn ta đánh dấu ở trang thứ 3 hoặc nếu không ta sẽ thực hiện những việc mà ta hứa đó.

Để chứng minh rằng ta chính là Zodiac, hãy hỏi cảnh sát ở Vallejo về hình dáng của khẩu súng điện mà ta thường dùng khi muốn thu thập thêm những nô lệ của mình”.

Trong bức thư không hề có lời giải thích nào về dấu hiệu mới mà Zodiac đưa ra lần này, nhưng người ta đưa ra giả thuyết rằng mỗi chữ X như vậy là tượng trưng cho một nạn nhân đã bị giết. Cho đến thời điểm đó, vụ giết Bates vẫn chưa được coi là một trong các sản phẩm của Zodiac, và cảnh sát không cho rằng kẻ gây ra các vụ sát nhân tại Bay Area lại chính là kẻ giết người tại Riverside. Bức thư cùng dấu hiệu kỳ lạ nói trên được giữ kín cho đến tận năm 1996 cho đến khi có hai người đã tìm cách đưa nó lên mạng Internet.

Trong khi đó, luật sư nổi tiếng Melvin Belli vốn là đối tượng của sự châm chọc của Zodiac vào đầu năm, nhận được một tấm thiệp tại nhà vào ngày 27/12/1969. Văn phòng của ông cũng nhận được một phong bì trong đó có chứa một phần của mảnh vải cắt ra từ áo của Stine. Phần sau của phong bì được ghi dòng chữ “Giáng sinh Vui vẻ + Chúc mừng năm mới”.

Nội dung bức thư gửi cho Melvin

“Melvin thân mến

Zodiac đang nói đây, ta chúc người một mùa Giáng sinh vui vẻ. Điều duy nhất ta yêu cầu người là hãy giúp đỡ ta. Ta không thể lộ mặt vì “cái thứ đó” trong người ta không cho phép. Ta đang cảm thấy rất khó khăn trong việc kiềm chế bản thân mình, ta sợ rằng mình sẽ mất bình tĩnh và sẽ giết thêm từ 9 đến 10 nạn nhân nữa. Vậy xin hãy giúp ta, ta như đang chìm dần. Hiện tại, những đứa trẻ đang được an toàn vì quả bom đó sẽ khiến ta mất rất nhiều thời gian và công sức để chỉnh sửa. Nhưng nếu ta kiềm chế quá lâu thì

cũng sẽ đến lúc ta mất hoàn toàn lý trí và sẽ làm nổ quả bom. Xin hãy giúp ta vì ta không thể kiềm chế lâu hơn nữa”.

Cảnh sát đã tìm cách lý giải bức thư nói trên, họ thậm chí còn cho rằng tên giết người viết thư trong một tình trạng khá tỉnh táo, và hẳn thực sự muốn tìm lại ý muốn giết người lúc nào cũng chực nảy ra trong đầu óc mình. Nhưng khi tìm hiểu bức thư, các nhà hình sự pháp y thấy rằng bức thư được đặt lề và viết rất cẩn thận, các dòng chữ cách nhau đều đặn. Điều đó chứng tỏ người viết tính toán kỹ trong lúc viết. Ngay cả chữ “hoàn toàn” bị gạch xóa trong lá thư cũng được gạch một cách rất chính xác như thể đã có sắp đặt chứ không phải là vì viết lỗi một cách tình cờ. Các chuyên gia chữ viết khẳng định, người viết đã cố tình thay đổi chữ viết của mình, dù rằng về gần cuối bức thư, chữ viết của hắn lại trở lại với nguyên dạng cũ.

Ngay sau khi nhận được lá thư, luật sư Belli đã cố gắng đưa tin lên báo chí và các phương tiện truyền thông nhằm liên lạc lại với Zodiac, nhưng hắn vẫn bất vô âm tín. 3 tháng sau đó, không có ai nghe được tin tức gì về hắn.

Chập tối ngày chủ nhật 22/3/1970, Kathleen Johns, 23 tuổi, cùng Jenifer, con gái mới sinh của mình đang đi trên đường cao tốc 132 tại hạt San Joaquin, cách Modesto khá xa về phía tây. Đột nhiên, một chiếc xe ô tô màu sáng đi đằng sau xe của cô bâm còi rất to và nháy đèn.

Khi đi ngang xe của cô, người lái xe nói một bánh xe của cô đang bị lắc và anh ta sẵn lòng sửa giúp. Hai chiếc ô tô tạt vào lề đường ở một ngã rẽ. Người đàn ông giả đồ lấy ra một chiếc cờ lê và vặn lại những ốc vít trên bánh xe đằng sau phía bên phải của chiếc xe cô đang đi. Thực tế, hắn đã tháo lỏng tất cả những ốc vít đó. Sau đó hắn nói chiếc xe của cô đã bị hỏng và đề nghị giúp đỡ bằng cách đưa cô tới trạm sửa xe gần đó.

Cô đồng ý với lời đề nghị đó và lên chiếc xe của người đàn ông lạ mặt đi tiếp về phía tây. Trong gần 2 giờ đồng hồ sau đó, chiếc xe đi qua vài trạm sửa xe, nhưng người đàn ông không rẽ vào. Johns hỏi anh ta một số câu đại loại: “Trạm sửa xe này thì sao?”, “Tại sao ta không vào trạm đó?”, nhưng anh ta không trả lời. Johns bắt đầu cảm thấy sợ. Cô yêu cầu người đàn ông dừng xe lại để cô xuống xe nhưng không được chấp nhận. Dọc đường đi, hắn thường xuyên thay đổi tốc độ xe, lúc thì chậm, lúc nhanh rất

giật cục. Cuối cùng, hắn dừng lại tại một điểm đỗ xe, Johns tận dụng luôn cơ hội này để chạy trốn. Giữa đêm tối, cô ôm con vào lòng, nhảy ra khỏi xe, chạy ngang qua cánh đồng lên trên một con đê rồi nấp vào sau những bụi cây. Người đàn ông tắt đèn xe đợi một lúc rồi phóng đi.

Được một người qua đường tốt bụng giúp đỡ, Johns đến được đồn cảnh sát Patterson. Tại đây, cô nhận ra người đàn ông trong bức ảnh phác họa chân dung Zodiac rất giống kẻ đã muốn “giúp” cô. Cô thông báo tin này cho cảnh sát. Người trung sĩ trực ban lúc đó cũng thấy lo lắng nên đã yêu cầu cô ở nguyên trong phòng không được đi ra ngoài cho đến khi chiếc xe của cô được tìm ra. Nhưng lúc đó, chiếc xe của Johns đã bị đốt, mọi thứ bên trong đều thành tro. Hiển nhiên là kẻ định bắt cóc cô đã quay trở lại và làm việc đó.

Vụ âm mưu bắt cóc nói trên đánh dấu lần cuối cùng có người nhìn thấy Zodiac ngoài đời thực. Trong khi đó, chiến dịch viết thư của hắn vẫn tiếp tục. Bức thư tiếp theo của hắn được gửi tới tòa soạn báo Chronicle vào ngày 20/4 có một đoạn mật mã và một phần nói về kế hoạch chỉnh sửa quả bom dùng để tấn công xe buýt.

“Zodiac đang nói đây. Các người đã tìm ra cách giải bức mật mã cuối cùng mà ta gửi cho các người chưa? Tên của ta là...”

Ta khá ngạc nhiên không biết các người đang đặt giá cái đầu của ta bao nhiêu tiền. Ta hy vọng rằng các người không nghĩ rằng ta là kẻ đã phá nổ tung “meannie” ở đồn cảnh sát đó. Dù ta đã nói về chuyện giết các học sinh phổ thông trong một xe buýt. Ta nghĩ mình sẽ không làm như vậy. So với việc giết một đứa trẻ thì giết một tên cảnh sát còn vẻ vang hơn nhiều. Cho đến ngày hôm nay ta đã giết tất cả 10 người. Ta có thể đã giết nhiều người hơn nếu không phải là do trái bom của ta không nổ. Ta bị cơn mưa trước đây không lâu làm cho xa lắc.

Tái bút: ta hy vọng các người sẽ vui thích trong việc đoán ta đã giết những ai”.

Trong lá thư trên thì chữ “meannie” là để chỉ con yêu tinh mặc đồng phục trong bộ phim hoạt hình của nhóm nhạc Beatles, có tên The Yellow Submarine (Chiếc tàu ngầm màu vàng) được phát hành năm 1968.

Lời đe dọa đánh bom xe buýt không hề được biết cho tới khi có một lời nhắn được gửi tới Chronicle yêu cầu được đăng trên tờ báo này. Dấu bưu điện trên phong bì đề ngày 28/4/1970. Lời nhắn ghi trên một tấm card loại “Jolly Roger” có hình một người đi tìm vàng đang cười trên một con rồng.

"Ta hy vọng các người sẽ rất thích thú khi ta thực hiện vụ nổ của mình.

Tái bút: ở phía sau

Nếu các người không muốn ta thực hiện vụ nổ thì phải làm 2 việc sau; 1. Nói với tất cả mọi người về vụ nổ với mọi chi tiết như ta đã đề cập. 2. ta muốn thấy dân chúng trong thành phố mặc những chiếc áo có cúc in hình ảnh của Zodiac trên đó. Và những dòng chữ như quyền lực đen, Melvin ăn mỡ cá voi, Điều đó sẽ làm ta vui lên khá nhiều. Nhưng đừng để kẻ tồi tệ như Melvin mặc.

Cám ơn".

Bức thư tiếp theo được gửi cho Chronicle vào ngày 26/1. Nó chứa một đoạn mã khác và một bản đồ đường Phillips 66 của vùng Bay Area được chú giải với một hình đồng hồ vẽ trên đỉnh của ngọn Diablo. Hình vẽ đó thực chất là “chữ ký của Zodiac” đã được cách điệu hoá với số 0 ở trên đỉnh, chữ số 3 ở bên tay phải chữ số 6 ở dưới cùng và số 9 ở bên tay trái. Theo dòng chữ chú thích ở dưới hình đó thì số 0 là “được đặt cho Mag.N.

"Zodiac đang nói đây.

Ta đã trở nên rất tức giận với những kẻ đang sống tại khu Bay Area của San Francisco. Chúng đã không tuân theo ước muốn của ta muốn chúng mặc những chiếc áo có khuy in hình “chữ ký của Zodiac”. Ta tự hứa sẽ phải trừng phạt chúng nếu chúng không chấp nhận làm theo, bằng cách làm nổ tung một xe buýt. Nhưng vì đây đang là kỳ nghỉ hè của lũ trẻ nên ta sẽ trừng phạt chúng bằng cách khác. Ta đã bắn một tên đàn ông ngồi trong xe trong một bãi đỗ bằng khẩu súng 38 ly”.

Vụ giết người duy nhất xảy ra gần đó trong khu vực Bay Area với khẩu súng 38 ly đã gây ra cái chết của sĩ quan Richard Radetich, sở cảnh sát San Francisco. Anh bị bắn khi đang ngồi trong xe viết vé phạt vi phạm luật lệ an toàn giao thông khoảng 6 ngày trước khi bức thư nói trên được gửi tới toà soạn. Một nhân chứng của vụ giết người cho biết kẻ đã bắn Radetich là một người

có tiền án tên là Joseph Wesley Johnson, một người da đen không có đặc điểm nhân dạng nào giống với những miêu tả về Zodiac. Và các sĩ quan của sở cảnh sát San Francisco cũng tin rằng bức thư nói trên không đúng sự thật. Phần lớn các nhà điều tra cho rằng Zodiac chỉ muốn đánh lạc hướng cảnh sát khi viết lá thư trên.

Sau đó, cảnh sát còn nhận được một số lá thư khác ký tên là Zodiac, nhưng không thể xác định được có đúng là của kẻ giết người hay không. Rất nhiều giả thuyết được đặt ra, trong đó có cả chuyện một nhà văn viết về Zodiac đã giả mạo bức thư như vậy để quảng cáo cho quyển sách trình thám sắp ra đời của mình.

Sau nhiều nỗ lực, cảnh sát San Francisco vẫn không xác định chắc chắn được Zodiac là ai. Nhiều giả thuyết được đặt ra về sự biến mất của gã giết người giấu mặt này. Trong đó, giả thuyết cho rằng, hẳn chính là Arthur Leigh Allen, một công dân của Vallejo chết trong tù năm 1992, là dễ tin hơn cả.

Arthur Allen bị cảnh sát San Francisco chú ý từ đầu tháng 10/1969, dù sự liên quan của anh ta vào các vụ giết người không hề rõ ràng. Báo cáo duy nhất của thám tử John Lynch về Allen không hề đề cập tới việc vì sao Allen trở thành nghi can của vụ này. Trong một khoảng thời gian dài, có tin đồn rằng, Allen phải nhận rất nhiều giấy phạt vì tội lái xe ở tốc độ cao quá mức cho phép vào đêm Shepard bị giết. Nhưng sau khi kiểm tra lại, cảnh sát phát hiện ra thông tin đó sai. Thoạt đầu, do có người hàng xóm của Allen nghi ngờ anh ta là Zodiac nên đã thông báo cho cảnh sát. Nhưng khi kiểm tra, anh ta bị loại ngay ra khỏi danh sách tình nghi vì thân người quá cao lớn, không hề giống nhân dạng của Zodiac.

Trường hợp của Allen trở thành vấn đề bàn cãi của cảnh sát 2 năm sau đó. Ngày 15/7/1971, một người đàn ông làm công việc kinh doanh tên là Santo Panzarella thông báo cho cảnh sát tại Mahattan Beach rằng một đồng sự của anh ta là Donald Cheney đã phát hiện ra Allen chính là Zodiac.

Cheney là bạn của Allen trong nhiều năm cho đến khi anh ta chuyển đến California. Cheney cho biết, 2 người đã từng nói chuyện với nhau trong khu tầng hầm căn nhà của Allen trên phố Fresno vào tháng 12/1968. Thoạt đầu, hai người nói về việc đi săn như một thú vui tiêu khiển. Rồi Allen đột ngột đưa ra quyển sách có tựa là Con thú bị săn đuổi nguy hiểm nhất, kể về một bá tước đi

săn những người kém may mắn bị đắm thuyền và lạc vào hòn đảo của ông ta. Allen rất thích quyển sách và hình tượng nhân vật bá tước được tả trong đó.

Từ ý tưởng săn người, Allen đã đưa ra những thủ đoạn có thể dùng để giết những cặp tình nhân hay đưa nhau vào những quãng đường vắng. Anh ta thậm chí còn miêu tả cho bạn mình nghe sẽ sử dụng khẩu súng lục có gắn một chiếc đèn chiếu sáng nhỏ ở đầu nòng và ngắm vào mục tiêu, là những con người thật, rồi tiến tới gần và giết họ như thế nào... Allen cũng miêu tả việc bắn vào lớp xe buýt và lời từng "đứa trẻ đáng yêu" ra khỏi chiếc xe bị lật nghiêng. Anh ta cũng đề cập việc gửi thư tới cho cảnh sát. Và nếu như vậy mà còn chưa cảm thấy kích thích thì Allen sẽ tự nhận biệt danh là Zodiac. Thậm chí sau này, Allen còn có vẻ rất tự hào khi bị thám tử John Lynch hỏi cung và trở thành kẻ tình nghi trong vụ Zodiac.

Ban đầu, cảnh sát thấy có nhiều khả năng Allen là gã sát nhân, vì câu chuyện diễn ra vào năm 1968 trong khi đó, phương thức giết người của Zodiac chỉ được sử dụng vào tháng 8/1969 trong vụ Lake Herman. Và việc Zodiac đe dọa sẽ tấn công xe buýt chở trẻ em đi học bằng cách bắn vào lớp xe chỉ xuất hiện vào tháng 10 năm đó.

Lý lịch của Arthur Allen cho thấy anh ta là một kẻ kỳ quái. Thời gian trong quân ngũ, anh ta được miễn không phải thực hiện nốt nghĩa vụ của mình thay vì được xuất ngũ ở tuổi 25. Tích trữ khá nhiều súng ngắn và có nhiều lời đồn rằng anh ta thường xuyên để một khẩu trong xe của mình. Allen ưa lạm dụng tình dục trẻ em, có nhiều người bạn kỳ quặc không kém, và từng tới bệnh viện Atscadero để điều trị về một chứng bệnh tâm thần.

Cảnh sát đã có cuộc thẩm vấn Allen, nhưng kết quả thu lượm được chẳng là bao, vì đến lúc đó, thông tin về vụ Zodiac đã lan truyền khá rộng. Hơn nữa, trong suốt cuộc phỏng vấn, người bị tình nghi chẳng thể hiện gì khác hơn là kiên thức mà anh ta thu lượm được trong các bài báo giật gân nói về vụ Zodiac.

Tháng 12/1990, một người đàn ông có tên là Ralph Spinelli bị bắt về tội cướp có vũ khí ở Lake Tahoe, Nevada. Để được giảm nhẹ tội anh ta xin được nhận diện Zodiac. Người bị chỉ trong số những kẻ tình nghi chính là Arthur Leigh Allen.

Spinelli cho biết, năm 1969, Allen tiết lộ với anh ta là sẽ tới San Francisco để giết một người lái xe taxi. Dù chứng cứ mà anh ta đưa ra rất mờ nhạt, cảnh sát vẫn tới lục soát tầng hầm căn hộ của Allen ở phố Fresno. Họ phát hiện nhiều vật liệu dùng để làm bom, những cặp chứa các bài báo, nhiều súng, một con dao, một máy đánh chữ và chiếc đồng hồ có hình ký hiệu Zodiac. Tuy nhiên, khi vân tay của Allen được chuyển tới bộ phận pháp y của FBI, thì kết quả đã phủ nhận tất cả. Anh ta được loại ra khỏi diện nghi vấn.

Sau Allen còn một số người khác bị tình nghi là Zodiac, nhưng tất cả đều dần bị loại khỏi danh sách của cảnh sát. Và cuối cùng, sau rất nhiều cố gắng, Zodiac vẫn là tên tội phạm bí ẩn của cảnh sát Mỹ.

NGHỆ THUẬT CỦA PHÁP Y

Khi John Emil List đóng cánh cửa căn hộ của mình tại New Jersey vào tháng 11/1971, hắn cho rằng mình đã khép lại một chương trong cuộc đời. Sau cánh cửa đó, mẹ đẻ của hắn, đã chết, nằm trên sàn, vợ và 3 đứa con đang mất máu dần vì những vết thương chí mạng.

Hắn đã bắn họ vào buổi sáng ngày hôm đó rồi lái xe tới sân bay, bỏ lại chiếc xe và chứng minh thư của mình và lên máy bay. Hắn không biết rằng gần 20 năm sau đó, các nhà khoa học pháp y đã đưa được hắn ra trước sự công minh của pháp luật.

Khi các nhà chức trách phát hiện ra 5 xác chết trong căn hộ, họ hầu như có thể khẳng định chắc chắn kẻ nào gây ra vụ đó. Tại cơ quan, List để lại một bức thư dài cho người quản lý mình, nêu lý do tại sao hắn lại phải ra tay giết cả nhà. Vấn đề là không ai biết lúc đó hắn đang ở đâu. Vì hắn để đèn sáng và bật nhạc nên trong suốt nhiều tuần liền sau vụ giết người, hàng xóm không ai phát hiện có điều gì bất thường xảy ra trong căn nhà. Khi cảnh sát được gọi tới thì List đã cao chạy xa bay.

Qua nhiều năm, những dấu vết còn lại dường như đã mờ nhạt. Đến khoảng năm 1988, cảnh sát mới có trong tay bức ảnh của List, được "cập nhật" nhờ phương pháp tính toán mức độ già đi của khuôn mặt hắn sau 20 năm. Họ đưa những bức ảnh này lên hệ thống thông tin trên toàn nước Mỹ và hy vọng có người nào đó sẽ nhận ra hắn.

Wanda Flannery, một người hàng xóm của gia đình Bob và Delores Clark, nhìn ra sự giống nhau giữa bức ảnh và Bob. Cô chợt thấy rằng bạn mình, Delores, đã lấy phải một kẻ khá nguy hiểm. Cô lập tức mang tấm ảnh sang cho Delore, nhưng bị cô này gạt phắt đi. Ngay sau đó, Delore và gia đình chuyển về miền đông sinh sống.

Cũng trong năm 1988, chương trình tivi có tên Những kẻ bị truy nã trên toàn nước Mỹ quyết định giải quyết những vụ án còn tồn đọng lại. Họ thuê chuyên gia điêu khắc và pháp y Frank

Bender tạo ra một phiên bản 3 chiều của những kẻ tội phạm chưa bị bắt rồi trưng bày hình ảnh đó trên tivi. Bender đã làm rất nhiều bức tượng như vậy, của cả những nạn nhân còn mất tích lẫn những tên tội phạm đang trốn chạy. Nhưng với ông, dù quen việc đến đâu, việc “cập nhật” hình dáng khuôn mặt của một kẻ đã mất tích 17 năm nay không phải là điều đơn giản.

Để tạo ra một bức tượng miêu tả chính xác kẻ giết người, Bender hiểu rằng phải thực hiện nghiên cứu tâm lý của tên tội phạm để có thể tóm được cái “hồn” mà hắn thể hiện trên khuôn mặt qua nhiều năm trốn chạy. Kết hợp với chuyên gia tâm lý học hình sự Richard Walter, ông nghiên cứu lại tập hồ sơ về List. Cả hai người không bỏ qua bất kỳ chi tiết nào, dù nhỏ, về thói quen của List, về những điều hắn viết trong lá thư gửi cho cấp trên trước khi tàn sát gia đình và những gì người ta nói về hắn. Sau đó, họ quyết định xem phần nào trong tính cách của hắn sẽ giữ nguyên không thay đổi và những phần nào đã đổi khác. Họ dự đoán được rằng hắn vẫn giữ kiểu kính cũ, vẫn hành nghề kế toán, vẫn đi lễ nhà thờ, và có nhiều khả năng đã lấy vợ. Bụng hắn chắc đã phệ ra sau từng ấy năm, da dễ nhăn nheo hơn ở vùng xung quanh cằm, mắt và quanh chân tóc. Nhiều khả năng hắn không phẫu thuật chỉnh hình để sửa lại dáng vẻ bên ngoài. Đáng chú ý nhất là hắn có một vết sẹo phía sau tai bên phải và chắc là nó vẫn ở nguyên chỗ đó, và hắn chắc hẳn vẫn có vấn đề về tiền bạc.

Họ đã nghĩ tới việc lý giải điều gì đã khiến cho một người đàn ông mộ đạo và bảo thủ như vậy ra tay giết chết cả gia đình mình. Bender và Walter mất nhiều ngày nghĩ về lý do khiến hắn trở nên tức giận và tuyệt vọng cũng như việc hắn đã lên kế hoạch trốn thoát sau vụ giết người như thế nào.

Từng bước, Bender tạo ra những nét trên khuôn mặt của bức tượng mà ông tin là đang phác họa chính xác hình ảnh của List vào thời điểm hiện tại đó. Và hiệu quả của nó đã được chứng minh. Sau một chương trình truyền hình năm 1989, Wanda Flannery gọi cho cảnh sát và yêu cầu họ kiểm tra nhân thân của Bob Clark. Cô cung cấp cho họ địa chỉ của hắn. Và cô chắc chắn đó là người mà họ đang tìm kiếm.

Các nhân viên FBI lập tức tới điều tra và bắt giữ Bob Clark tại nơi hắn làm việc. Dù rằng Bob khẳng khẳng định họ đã nhầm, hắn vẫn phải cho FBI lấy dấu vân tay. Kết quả, Bob chính là John Emil List. Hắn bị buộc tội giết 5 người.

Thoạt đầu, nghệ thuật pháp y thường chỉ là việc vẽ lại nhân dạng của tên tội phạm để đăng truy nã trên báo. Sau đó, pháp y được dùng để dựng lại hiện trường vụ án. Bước tiếp theo, pháp y được dùng để dựng lại nhân dạng của kẻ tình nghi theo những gì mà các nhân chứng còn nhớ được.

Trong lịch sử của ngành pháp y, bác sĩ Alphonse Bertillon là người có công lớn trong việc phát triển các phương pháp nhận diện mặt người. Tất cả bắt đầu một cách đơn giản từ ý tưởng lưu trữ thông tin để phát hiện ra tỷ lệ tái phạm tội trong những kẻ đã có tiền án. Ông đã tạo ra cả một bộ hoàn chỉnh các tiêu chuẩn đo đặc cơ thể người. Trước khi người ta phát hiện ra đặc điểm dấu vân tay, bộ tiêu chuẩn của ông là hệ thống chính xác nhất trong việc nhận dạng người. Cuốn sách của Bertillon xuất bản năm 1896 về kỹ thuật này với nhiều hình ảnh minh họa đã tạo ra một nền tảng cho khoa nhận diện sau này của ngành pháp y.

Một trong những minh chứng rõ nét cho hiệu quả của nghệ thuật pháp y là vụ án bác sĩ Hawley Harvey Crippen. Năm 1910, khi vợ mất tích, Crippen tuyên bố bà xã đã bỏ nhà đi theo một người đàn ông Mỹ. Tuy nhiên, ngay sau đó, cô thư ký trẻ đẹp của Crippen chuyển tới ở cùng ông ta. Cô ta mặc rất nhiều quần áo và đeo đồ trang sức của người mất tích. Khi một thám tử của Scotland Yard hỏi Crippen về việc này thì ông ta hoảng sợ và chạy trốn. Cảnh sát lục soát nhà Crippen và phát hiện ra thi thể của một người phụ nữ. Dựa vào ảnh chụp cũ của bà Crippen và hộp xương sọ tìm được, các nhà pháp y khẳng định đó chính là xác của bà. Bác sĩ - tên sát nhân Crippen đã phải quay về nước Anh để chịu tội xử tử bằng hình thức treo cổ.

Năm 1935, cảnh sát tìm được ở biên giới Anh - Scotland hai chiếc đầu lâu và nhiều phần thân thể khác bị cắt rời, đang trong giai đoạn phân hủy. Họ ngờ rằng đó là xác của người phụ nữ có tên Isabella Ruxton, đã mất tích cùng với người hầu gái của mình cách đó hai tuần. Dựa vào ảnh chụp chiếc xương sọ và những ảnh cũ của bà Ruxton khi còn sống, cảnh sát khẳng định được nhận định trên là chính xác. Cùng với giám định của pháp y, cảnh sát đã có đủ chứng cứ để kết tội chồng của bà Ruxton và đưa hắn ra xử tử.

Năm 1954, bác sĩ Sam Sheppard cho biết, một kẻ đột nhập đã đánh vợ ông đến chết ngay tại nhà. Cảnh sát sử dụng bản miêu tả của hàng xóm sống xung quanh đó và dựng nên được một bức ảnh về nhân dạng của tên tội phạm. Và chính nhờ bức hình này

mà Sheppard thoát đầu bị kết án là giết vợ nhưng sau đó đã được tha bổng.

Đến giai đoạn những năm 1950, việc nghiên cứu xây dựng hình ảnh của các khuôn mặt từ sự làm chứng của nhiều người đã trở thành một môn khoa học thực thụ. Và các nhà nghiên cứu đã phát triển một bộ dụng cụ dùng để nhận diện, mà phần thứ nhất là một loạt tám giấy có hình ảnh các loại khuôn mặt (vẽ tay). Căn cứ vào mẫu đó, nhân chứng có thể chọn ra loại hình tóc, mắt kính, miệng, mũi, mắt, xương má, tai, râu, ria, cằm và lông mày của kẻ bị tình nghi. Sau đó, những hình này được xếp chồng lên nhau và cho ra nhân diện tổng quát của kẻ đó. Nhân chứng có thể điều chỉnh khuôn mặt cuối cùng sao cho nó trùng khớp với hình ảnh trong trí nhớ của họ.

Sau này, các bộ nhận diện còn dùng ảnh thể hiện từng khuôn mặt người, nhưng vẫn theo những nguyên lý cổ điển. Các mẫu mặt và bộ phận trên cơ thể người được các nhà khoa học phát triển theo một mẫu chung nào đó và đưa tới đồn cảnh sát để bổ sung vào bộ dụng cụ nhận diện. Chẳng hạn như tại Canada, cảnh sát sử dụng tất cả 7 mẫu khuôn mặt, được coi là tổng hợp tất cả các đặc điểm trong nhân diện người để xác định kẻ tình nghi.

Bộ dụng cụ xác định nhân dạng đã giúp cảnh sát tìm ra và chặn đứng bàn tay của Harvey Glatman, một trong những tên giết người hàng loạt ghê tởm nhất trong lịch sử nước Mỹ. Năm 1950 tại Los Angeles, hắn đóng vai một người thợ chụp ảnh chuyên nghiệp, chuyên quyến rũ những phụ nữ trẻ muốn trở thành người mẫu. Hắn dụ họ ra sa mạc, trói họ lại, hãm hiếp và bóp cổ họ đến chết. Những người ở cùng phòng với nạn nhân đầu tiên đã miêu tả kẻ giết người cho cảnh sát. Dựa vào những lời miêu tả ấy, họ dựng nên bức chân dung của hắn chính xác một cách kỳ lạ. Nạn nhân thứ tư của Glatman tìm cách giật được súng của hắn và không chề tên đồ tể. Chính những bức ảnh của kẻ tình nghi mà cảnh sát dựng được đã góp phần buộc Glatman phải cúi đầu nhận tội.

Ngày 14/7/1966, Richard Speck dắt súng và dao trong người, tới khu nhà ở của 9 nữ sinh ngành y. Hắn lần lượt hãm hiếp và giết chết 8 người và chuẩn bị tiếp tục gây án thì người thứ 9 may mắn trốn thoát. Cô gái duy nhất còn sống sót đã miêu tả chính xác nhân dạng của kẻ giết người. Khi bức ảnh được đưa ra rộng rãi trên báo chí thì một bác sĩ từng chăm sóc vết thương cho Speck đã nhận ra hắn.

Đến thập niên 1970, các nhà khoa học pháp y chấm dứt việc sử dụng những bộ công cụ nhận dạng, chuyển sang dùng tranh vẽ tổng hợp dựa vào miêu tả của các nhân chứng. Tuy nhiên, bộ công cụ nhận dạng hoàn toàn không rơi vào dĩ vãng. Nó tiếp tục được sử dụng hiệu quả hơn nhờ sự trợ giúp của máy tính. Nhờ công cụ này, nhân chứng được xem một loạt gương mặt theo từng nhóm cụ thể, phù hợp với miêu tả của họ, chứ không phải từng phân khuôn mặt như trước đây. Nhân chứng chỉ ra những đặc tính của khuôn mặt mẫu không giống với bộ mặt của kẻ tình nghi, và các nhà khoa học sẽ thực hiện các thay đổi cho đến khi chúng đạt độ chính xác cao nhất có thể. Hầu như không có hoạt động thay đổi nào liên quan tới nhận dạng người mà lại không thể thực hiện với bộ công cụ mới này.

Tuy nhiên, dù đã có những máy móc tinh vi như vậy, vẫn có những nhà khoa học pháp y tin vào bản vẽ của các họa sĩ hơn. Và ví dụ rõ nét nhất là trường hợp của Jeanne Boylan, người có khả năng tạo ra phác họa về khuôn mặt của kẻ tội phạm từ miêu tả mang tính cảm tính của các nhân chứng.

Chiều tối 1/10/1993, Polly Klaas mời hai bạn gái tới dự tiệc tại nhà riêng ở Petaluma, California. Về khuya, 3 cô bé chơi đùa trong phòng của Polly, cố gắng không tạo ra tiếng ồn vì biết mọi người trong nhà đã ngủ. Bỗng một gã thanh niên lừng lững, đầy mùi rượu xuất hiện với một con dao trên tay. Hắn đột nhập qua đường cửa sổ.

Hung thủ đội một chiếc khăn thêu hoa quanh đầu, xách Polly ra khỏi nhà. Hai người bạn chỉ còn biết gọi điện cho cảnh sát.

Tại hiện trường, các điều tra viên phát hiện dấu vân tay của kẻ tấn công. Dựa vào miêu tả của hai cô gái và hơn 900 mẫu chân dung của mình, nhà khoa học pháp y Ralph Pata đã dựng lên bức chân dung của tên tội phạm. Tuy nhiên, cả tuần sau đó, cảnh sát vẫn không sao có được thêm manh mối để giải quyết vụ án.

Nhà hình sự pháp y Jeanne Boylan vào cuộc. Cô là người có khả năng tuyệt vời trong việc trấn an các nạn nhân còn hoảng hốt sau khi vụ án xảy ra, giúp họ nhớ lại những chi tiết về kẻ phạm tội. Làm được vậy bởi chính cô cũng từng là nạn nhân của một vụ bạo hành. Boylan phát triển một kỹ thuật khác với việc vẽ ảnh của kẻ tình nghi. Chân dung mà cô dựng lên thường nhờ vào việc khai thác nhân chứng từ góc độ tâm lý. Cô đặt ra nhiều câu hỏi mà các

nhà hình sự pháp y khác cũng không bao giờ nghĩ tới. Boyland bỏ qua những miêu tả quá cụ thể và chi li về nhân diện, chỉ tập trung vào cảm giác mà các nét mặt tạo ra.

Phương pháp của Boylan nhấn mạnh việc khắc phục cảm giác nghi ngại của nhân chứng về độ chính xác trong miêu tả của họ. Họ muốn giúp đỡ cảnh sát, nhưng sự lo lắng của cảnh sát rất dễ lây sang họ, đặc biệt trong trường hợp nạn nhân của các vụ bắt cóc vẫn còn sống.

Trong vụ án của Polly, Boylan nói chuyện với 2 nhân chứng về các chủ đề thông thường hợp với lứa tuổi của các em và thêm vào đó một ít câu hỏi về vụ án. Cách hỏi chuyện đó tạo cho hai cô bé cảm giác yên tâm, giúp các em hồi tưởng chính xác những ấn tượng về hình dạng của kẻ tấn công. Boylan cũng tránh hỏi về những nét cụ thể trên mặt của kẻ tấn công vì đó là điều rất khó đối với một người bình thường. Phải mất rất nhiều thời gian cho những buổi nói chuyện như vậy, cuối cùng cô cũng đưa ra được một bức chân dung có nhiều đặc điểm cụ thể và rõ ràng hơn hẳn so với bức chân dung được tạo ra trước đó.

6 tuần sau, Richard Allen Davis đã bị bắt. Hắn có dấu vân tay trùng với dấu vết hiện trường, và trước đó từng có 2 tiền án về tội bắt cóc và đang được tại ngoại chờ đến ngày xét xử. Bức chân dung mà Boyland đưa ra giúp cảnh sát thu hẹp diện tích nghi và cuối cùng khi bị bắt, hắn đã cúi đầu nhận tội.

Hắn khai đã bắt Polly đi tới một điểm ở phía bắc San Francisco, hãm hiếp và bóp cổ cô bé cho tới chết.

Ngày 4/12/1993, Richard dẫn cảnh sát tới nơi hắn vứt xác của Polly. Tháng 6/1996, hắn bị buộc 8 tội bao gồm bắt cóc và giết người cấp độ một và bị kết án tử hình.

Nhưng thành công lớn nhất của Boylan lại không dẫn tới việc bắt giữ tên tội phạm. Năm 1994, cảnh sát Mỹ đau đầu về việc trong suốt 15 năm liền, một tên tội phạm đã giết 3 người và làm bị thương 29 người khác, mà vẫn nhỡn nhơ ngoài vòng pháp luật. Năm 2001, Boylan được cảnh sát mời tới để hỗ trợ công tác điều tra. Tài năng của cô đã giúp các nhân chứng nhớ lại chính xác những gì họ nhìn thấy cách đó đã lâu. Bức chân dung do Boylan phác họa đã giúp cảnh sát bắt được Ted Kaczynski, dù tên sát nhân đã tự làm gãy mũi mình để thay đổi nhân dạng, hòng trốn thoát.

Ngoài những hình vẽ, các nhà khoa học pháp y còn có thể tạo ra những bức tượng căn cứ vào các chứng cứ và lời miêu tả của nhân chứng. Nổi bật trong số họ về khả năng này là nhà hình sự pháp y Karen T. Taylor.

Tái tạo cả một khuôn mặt

Trong suốt 18 năm, Karen T. Taylor, tác giả của cuốn sách "Nghệ thuật pháp y", là nhân viên của Sở An sinh Xã hội bang Texas (DPS). Trước đó, cô đã học điêu khắc tại Bảo tàng tượng sáp Madame Tussaud (London) trong suốt 3 năm. Cho đến năm 1981, công việc của Taylor tại DPS là làm những tấm biển báo an toàn dùng trong giao thông và một số công việc khác.

Một hôm, cảnh sát tới tìm Taylor và nhờ cô hợp tác với họ trong việc xây dựng ảnh nhận diện một tên tội phạm. Taylor được sắp xếp nói chuyện với một bé gái 8 tuổi, là nhân chứng của vụ tai nạn xe cô đã gây ra cái chết của người anh họ. Cô đã kịp nhìn thấy người lái xe và miêu tả chính xác khuôn mặt hắn. Nhờ bức chân dung mà Taylor tạo ra qua lời kể của cô bé, cảnh sát bắt được tên tội phạm. Đó là thành công đầu tiên của Taylor trong nghề nghiệp mới và là bước khởi đầu thuận lợi cho những đột phá của cô sau này.

Những vụ án Taylor tham gia điều tra ngày càng phức tạp hơn. Cô dần nhận ra yêu cầu đặc biệt của việc thẩm vấn các nhân chứng còn ở trong trạng thái sốc sau khi chứng kiến những sự kiện bi thảm là phải tiếp cận một cách nhẹ nhàng và tế nhị.

Taylor nói: "Công việc của nhà khoa học pháp y rất phức tạp và dễ bị người ngoài coi thường, đặc biệt là việc vẽ lại chân dung của kẻ tình nghi. Việc phỏng vấn nạn nhân trong một sự kiện bi thảm và dựng lại được phần trí nhớ cùng với ấn tượng của họ là vô cùng khó khăn. Phải hết sức thận trọng khi làm điều đó. Thường thì trí nhớ của nhân chứng ghi lại các khuôn mặt cùng với những tình cảm của họ lúc chứng kiến sự kiện. Công việc của các nhà pháp y là phải lần ngược quá trình mã hoá những cảm xúc ấy để tìm ra nhân dạng chính xác của kẻ tình nghi".

Thoạt đầu Taylor tập hợp thông tin bởi cô muốn biết chính xác vai trò của người đó trong vụ án (là nhân chứng hay nạn nhân). Kèm theo là mức độ của những xúc cảm mà họ phải gánh

chịu khi chứng kiến vụ án. Taylor cũng tìm hiểu xem kẻ tình nghi có cùng nhóm chủng tộc với người làm chứng hay không, vì đó là căn cứ để biết mức độ chính xác trong miêu tả của họ về đối tượng. Ngoài ra, cũng cần hiểu liệu người làm chứng có nhận thức được đầy đủ về công việc làm chứng của mình. Nói tóm lại, mỗi cuộc phỏng vấn nhân chứng của một vụ án đều gắn liền với nó một hoàn cảnh cụ thể. Taylor phải cẩn thận cân nhắc loại câu hỏi sẽ đưa ra cho các nhân chứng để họ có được sự cân đối trong miêu tả và cảm nhận.

Đầu tiên, để các nhân chứng miêu tả câu chuyện theo cách riêng của họ, cô đưa ra những câu hỏi về nhận thức. Sau đó, cô đi sâu vào những câu hỏi đã được chọn lọc kỹ để lấy thêm thông tin phụ. Chẳng hạn như:

- Nhân chứng đã nhìn thấy kẻ tình nghi trong bao lâu ?
- Nhân chứng đã nhìn thấy kẻ tình nghi cách đây bao lâu?
- Điều kiện của ánh sáng mặt trời lúc đó như thế nào?
- Nhân chứng cách kẻ tình nghi hay nơi xảy ra sự việc bao xa?
- Có vật gì cản trở trong góc nhìn của nhân chứng?

Từ những câu hỏi trên, Taylor từng bước xây dựng chân dung của kẻ tình nghi.

Dù có nhiều phần mềm giúp Taylor làm những công việc như nêu ở trên, cô không tin rằng chúng có thể hoạt động tốt ngang với khả năng cảm nhận của con người. Cô nói: "Các phần mềm máy tính được tạo ra để phác họa chính xác một đôi mắt, mũi hay miệng dựa vào các chi tiết tỉ mỉ. Nhưng một người bình thường không ghi nhớ các đặc điểm cụ thể theo kiểu như vậy. Họ chỉ nhớ các chi tiết đó theo từng hoàn cảnh, và thường là họ bỏ qua phần tương quan giữa các bộ phận trên khuôn mặt. Tôi biết có những vụ trong đó cảnh sát dùng tới các chương trình máy tính kỹ thuật cao với rất nhiều lựa chọn. Chính vì có nhiều lựa chọn như vậy mà người làm chứng bị nhầm lẫn, vì rằng không mấy người trong số họ có kiến thức về nhân diện học và sự sắp xếp của cả khuôn mặt. Tôi cho rằng, quan trọng hơn cả là cái "vẻ" mà khuôn mặt kẻ tình nghi tạo ra trong cảm giác của những người làm chứng. Chúng ta phải hỏi đúng câu hỏi với đúng liều lượng cần thiết".

Và chẳng bao lâu sau đó, Taylor phải đảm nhiệm một công việc mới: vẽ chân dung của những xác chết.

Cảnh sát yêu cầu cô phác thảo chân dung của những người đã chết từ những ảnh chụp thi thể của họ. Để làm được việc ấy, Taylor cho biết: “Tôi phải đọc rất nhiều sách chuyên ngành pháp y, nói chuyện với nhiều nhà nhân chủng học để hiểu rõ những biến dạng xảy ra trên xương mặt người sau khi chết. Thi thể thường được tìm ra trong những tình trạng khác nhau, ngay sau khi họ bị giết hay khi toàn bộ thân người đã phân huỷ, chỉ còn lại xương. Tình trạng của xác chết phụ thuộc vào quãng thời gian giữa lúc xảy ra án mạng cho đến lúc xác của họ được phát hiện và điều kiện thời tiết của nơi đó. Ngoài ra, còn nhiều nhân tố khác cần phải tính đến, chẳng hạn như hoạt động của các loại sâu bọ và động vật. Các nhà điều tra pháp y phải thường xuyên chú ý tới các ảnh chụp”.

Trong một số trường hợp dưới đây các nhà hình sự pháp y phải sử dụng tranh vẽ:

- Đối tượng tự tử và bị giết.
- Đối tượng bị giết trong những tình huống khủng khiếp và làm biến dạng khuôn mặt.
- Đối tượng bị chết đuối hay bị tai nạn thuyền bè, xác bị ngâm lâu dưới nước.

Trong nhiều trường hợp, vì các bức ảnh chụp xác chết chưa đủ nên cảnh sát thường dùng các bức phác thảo mặt của người chết khi còn sống để tìm ra các thông tin về đối tượng. Một người bình thường sẽ nhận ra đặc điểm của người mình quen tốt hơn thông qua bức phác hoạ. Ngoài ra, từ xác chết, cảnh sát còn có thể phát hiện ra những thông tin khác về người đã chết như đặc điểm trên cơ thể, tình hình bệnh lý hay đặc điểm của răng.

Những bức vẽ nhiều khi có hiệu quả hơn hẳn so với ảnh chụp vì họa sĩ có thể thêm vào khuôn mặt trong tranh một số đặc điểm riêng theo ý muốn. Nhiều trường hợp, nét thêm vào làm biến dạng khuôn mặt, nhưng bức ảnh lại trở nên sống động hơn và gợi nhớ tốt hơn cho những người làm chứng.

Taylor giải thích: “Việc vẽ lại người đã chết như khi họ còn sống là một thách thức lớn vì thông thường khuôn mặt của một người hiện lên trong trí nhớ của một người khác thường ở dạng

động chứ không phải ở dạng tĩnh. Khuôn mặt tái tạo phải thật sinh động, và tôi coi đó là phần việc khó nhất”.

Tuy nhiên, nghệ thuật pháp y không chỉ đơn giản là vẽ lại. Taylor từng thực hiện một bức tượng điêu khắc miêu tả chính xác khuôn mặt ở cả 3 chiều từ một bộ xương sọ. Vì thế, cô đã phải tới học Betty Pat Gatliff.

Gatliff từng có thâm niên thực hiện các hình mẫu kỹ thuật trong hải quân, sau đó là 20 năm vẽ tranh minh họa, phục vụ ngành y tế của không quân. Bà thường làm việc cho nhà nhân chủng học, Tiến sĩ Clyde Snow. Chính những kinh nghiệm trong ngành điêu khắc đã giúp bà trở thành người hỗ trợ cho các chuyên gia pháp y.

Công việc đầu tiên của Gatliff là tái tạo một khuôn mặt cho cảnh sát vào năm 1967. Lúc đó, bà hợp tác với Snow để phác họa chân dung của một lính hải quân bị chết mà không xác định được danh tính. Trong 3 thập kỷ sau đó, Gatliff tham gia giúp đỡ cảnh sát trong khoảng hơn 200 vụ án với công việc chính là tạo ra các bức tượng người dựa vào xác của họ. 9 người trong số đó là nạn nhân của vụ án kẻ giết người hàng loạt nổi tiếng với biệt danh "Thằng hề".

Các bước thông thường trong công việc của Gatliff là tạo ra bề mặt nền của bức tượng dựa vào cấu trúc xương sọ, bề dày dự tính của các cơ, lượng mỡ của cơ thể và những dự tính khác về da và các cơ nổi. Để làm việc đó, bà phải dựa vào sơ đồ cơ từ phía ngoài vào đến phía trong mà các nhà nhân chủng học thường dùng. Khi đã biết lớp “da thịt” cần có độ dày khoảng bao nhiêu, bà sẽ dùng những móc đánh dấu độ dày của chúng. Sau đó, bà tạo ra lớp phủ bằng đất sét trên khuôn mặt để tượng trưng cho từng phần ấy.

Có rất nhiều cách để phát triển những nét tiêu biểu mang tính đại diện của cá tính con người trên khuôn mặt một bức tượng. Vì các mô và phần xương sụn luôn bị phân hủy sớm nên Gatliff thường phải tìm cách dự tính số đo của các bộ phận trên mặt, chẳng hạn như mũi. Bà nói: “Về bề ngang của mũi thì chúng tôi dựa vào bề rộng của lỗ mũi. Sau đó, chúng tôi tăng nó lên khoảng 5milimét ở mỗi bên để ước lượng chiều rộng thật sự. Phép chiếu đơn giản nhất là căn cứ vào phần xương mũi ngay ở phía dưới thành vách ngăn. Sau đó nhân chỉ số này với 3. Rồi thực hiện phép

quy chiều để đo chiều dài của xương mũi, nếu chiều dài bằng 8 thì con số cần có là 24. Tóm lại, chúng tôi sử dụng đồng thời hai cách là đo chiều rộng và quy chiều. Khi nối chúng lại với phần sống mũi thì chiếc mũi coi như đã hoàn thành. Trong suốt 30 năm nay, công thức này cho kết quả rất chính xác”.

Để hoàn thành khuôn mặt bức tượng, Gatliff thêm vào khuôn mặt đôi mắt. Nếu như tìm thấy vài sợi tóc ở xác chết, bà sẽ tạo ra một mái tóc nhân tạo có cùng màu và độ dày của sợi tóc. Bức tượng của bà coi như đã hoàn thành và đến phần việc của thợ chụp ảnh.

Ngoài công việc chuyên môn, Gatliff còn mở các lớp dạy về kỹ năng pháp y. Taylor đã tham gia vào một trong các lớp học đó. Cô nói: “Theo tôi, việc tạo ra khuôn mặt từ xương sọ nói chung được chia làm hai phần. Phần đầu tiên thuần túy kỹ thuật và phần thứ hai mang tính nghệ thuật. Tôi có thể dạy các học viên về nhiều loại cơ khác nhau phủ trên hộp xương sọ và những phần mô mềm có liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình đó, bản năng của người nghệ sĩ đóng vai trò rất quan trọng. Vì đã vẽ hàng nghìn khuôn mặt trong đời, họ tự phát triển một loại kỹ năng rất đặc biệt về cảm nhận. Một cách vô thức, họ "thu thập" được một bộ những nét luôn đi đôi với nhau trên một khuôn mặt. Tôi cho rằng, pháp y, vì thế, là một môn kết hợp cả hai yếu tố khoa học và nghệ thuật. Luôn có sự kết hợp của một người nghệ sĩ tạo hình và một nhà khoa học pháp y trong quá trình điều tra các vụ án. Nhà khoa học có thể là nhà nghiên cứu bệnh học, nha học hoặc nhân chủng học”.

Trong suốt 3 năm liên tục, Taylor làm việc với những bức tượng để xác định nhân dạng của người chết. Chính từ việc làm đó cô đã phát triển được một kỹ thuật mới. Cô nói: “Tôi khá quen với cách tạo ra bộ mặt trên xương sọ theo phương pháp hai chiều. Việc tôi phải làm là kết hợp những chỉ số về độ sâu của cơ bắp trên khuôn mặt với nhiều hình thức phát triển khác nhau của các nét mặt. Trước đây, rất nhiều người đã tìm cách dựng nên một bức ảnh dựa vào xương sọ bằng cách úp một tờ giấy phẳng lên khuôn mặt. Giờ đây, khi đã hiểu phương pháp của Betty, tôi cho rằng phải làm khác đi. Tôi sẽ bắt đầu bằng cách vẽ dựa vào phần nền là xương sọ của hộp sọ. Tôi dùng những dụng cụ đánh dấu bằng cao su giống như trong phương pháp tạo tượng 3 chiều và sau đó chụp ảnh những vị trí đánh dấu ấy. Tôi tạo ra phần trán và gáy của hộp

sọ theo đúng cỡ của người thật và lắp chúng vào hộp sọ. Sau đó tôi vẽ lại theo đúng kích thước thật dựa vào bức ảnh chụp hộp sọ”.

Khi phương pháp này chứng tỏ tính đúng đắn của nó, Taylor được mời dự một buổi hội thảo quốc tế của FBI, năm 1990. Sau đó, cứ 6 tháng một lần, cô tới Quantico để dạy các lớp về kỹ thuật của mình. Cô cho rằng hai phương pháp dựng tượng 2 chiều và 3 chiều có tác dụng tương tự nhau nên được áp dụng phổ biến như nhau. Chỉ trong trường hợp hộp sọ tìm được đã hỏng và dễ vỡ thì phương pháp dựng theo 2 chiều mới chứng tỏ có hiệu quả hơn hẳn.

Ngoài việc vẽ và tái tạo, Taylor còn tạo ra hình ảnh trên máy tính với những chương trình phần mềm tạo ra được nét già đi trên khuôn mặt. Theo cô, đó là lĩnh vực mà máy tính phát huy hiệu quả nhất. Tuy vậy, ngay cả với sự chính xác và tinh xảo của máy tính, người tạo hình vẫn phải cần tới sự viện trợ của những môn khoa học bổ trợ như giải phẫu phần mặt hay nhân chủng học.

Taylor đã được mời làm việc trong rất nhiều trường hợp để giúp giải quyết các vụ án khó, trong đó tiêu biểu nhất là vụ của Virgilio Paz Romero. Tên này bị tình nghi giết hại đại sứ Chile tại Mỹ và trợ lý của ông. Taylor chỉ được xem một số ảnh cũ, rất mờ của nghi phạm. Sau khi làm việc với bức ảnh, cô dự tính rằng đến thời điểm chính quyền Mỹ truy lùng tên này, hắn vẫn có dáng người thanh mảnh như khi gây án. Nhiều khả năng hắn còn là người rất năng động. Vì thế, cô quyết định vẽ hắn với một chiếc áo sơ mi đỏ.

Bức ảnh mà cô tạo ra được phát trên TV, và chỉ 3 ngày sau, Paz đã bị bắt. Đúng như linh tính của Taylor, lúc bị bắt hắn đang mặc một chiếc áo đỏ.

Giờ đây, Taylor không còn làm ở sở cảnh sát về pháp y nữa mà đã tập trung vào công ty của riêng mình. Quyển sách tiếp theo của cô có tựa đề "Thấu hiểu khuôn mặt người", trình bày những gì cô học và thu lượm được qua thực tế. Nhiều chuyên gia cho rằng đó là một cuốn kinh điển trong dòng sách pháp y.

Nhiệm vụ khác của các nhà pháp y là tạo ra được sự biến đổi trên nét mặt theo thời gian của một người mất tích đã lâu. Đó thường là những trẻ em hoặc những tên tội phạm mà cảnh sát đã mất dấu.

Để có được nhận dạng chính xác của một người nào đó, nhà pháp y cần phải tiên liệu được tốc độ già đi và những đặc điểm già đi của khuôn mặt. Các vết nhăn phát triển thêm như thế nào, môi mỏng đi ra sao, tóc ít dần đi và màu tóc thay đổi theo dạng nào. Trong khi vẻ ngoài của một người dường như giữ nguyên trong cả cuộc đời của họ, đặc biệt như phần mắt. Những phần khác thay đổi một cách đáng kể và khó có thể dự đoán nó thay đổi như thế nào sau khoảng 10 năm. Tuy nhiên, có rất nhiều nhân tố cá nhân nằm trong quá trình già đi của một người. Chẳng hạn, các nhà pháp y thường dựa vào bức ảnh của những người họ hàng gần gũi với kẻ tội phạm mất tích để phát hiện ra “quy tắc” biến đổi nói chung của khuôn mặt. Ngoài ra, họ còn tìm hiểu các thói quen của hân như hút thuốc, ăn uống. Loại cá tính hoặc thậm chí đường nhăn trên khuôn mặt còn bị ảnh hưởng bởi những bệnh mà họ từng mắc phải.

Trong pháp y, khó nhất là vẽ được lại khuôn mặt của một đứa trẻ mất tích vì không thể xác định tính cách nó sẽ phát triển ra sao, sự thay đổi trên khuôn mặt nó sẽ diễn ra như thế nào.

Mary H. Manhein tác giả cuốn "Người đàn bà làm việc với những khúc xương", giám đốc phụ trách của Phòng thí nghiệm dịch vụ máy tính phát triển và nhân chủng học pháp y (FACES) tại đại học Louisiana là một nhà pháp y nổi tiếng. Bà cho biết, trong thập kỷ đầu tiên của nghề pháp y, công việc chủ yếu của nhà pháp y là đo đạc theo các tiêu chuẩn không gian ba chiều hộp xương sọ. Đến năm 1990 họ thêm vào một số chi tiết khác: “Chúng tôi sử dụng khả năng ngày càng cao của máy vi tính để xác định độ già đi trên khuôn mặt người. Những người trợ lý cho tôi thường được đào tạo tại Trung tâm Quốc gia cho trẻ em bị mất tích và bị bóc lột sức lao động. Tuy nhiên, chúng tôi cũng thực hiện các kỹ thuật đó với những tên tội phạm và người lớn bị mất tích”.

Để dựng ảnh về quá trình lớn lên và già đi trên nét mặt của một trẻ em bao gồm:

- Sử dụng một bức ảnh, thường là ảnh của đứa trẻ khi mới 2 tuổi.
- Các ảnh của đứa trẻ từ khi mới ra đời và trong suốt giai đoạn phát triển cho đến khi bị mất tích.
- Ảnh chụp của cha mẹ và họ hàng thân cận của đứa trẻ.

- Ảnh của pháp y tạo ra về bố mẹ của đứa trẻ vào thời điểm hiện tại với những đặc điểm già đi trên nét mặt của họ để có thể nhận ra quy tắc trong sự biến đổi ấy ở đứa trẻ.

- Sử dụng những thông tin về chỉ số lớn lên của đứa trẻ từ lúc đẻ ra cho đến khi mất tích.

Các bức ảnh sẽ được quét và lưu vào máy tính. Máy tính sẽ căn cứ vào những chỉ số về tốc độ lớn để dự đoán thay đổi trong cấu trúc hình dáng hiện tại của đứa trẻ. Sử dụng “bộ khung tiêu chuẩn” như vậy, các nhà pháp y tạo ra những phần khác nhau của ảnh và chi tiết hoá những thay đổi, dù nhỏ, trên khuôn mặt của một đứa trẻ.

Thường thì khi lớn lên, khuôn mặt của những đứa trẻ sẽ phát triển theo chiều dài và rộng. Răng mọc mới thế chỗ những chiếc răng sữa. Sống mũi phát triển cao lên và dài ra. Hộp sọ và miệng mở rộng, mắt nhỏ lại, mái tóc màu sáng trở nên sẫm hơn. Đến 12 tuổi, bộ mặt của đứa trẻ đã phát triển khá đầy đủ với việc cằm và mũi hình thành rõ rệt, hoàn chỉnh. Cuối cùng, xương má lớn lên và lông mày xuất hiện đầy đủ.

Các nhà hình sự pháp y cũng có thể dùng những bức ảnh của một người họ hàng cùng lứa tuổi với đứa trẻ bị mất tích để có đánh giá cụ thể, chính xác hơn.

Theo Karen Taylor, trường hợp đầu tiên mà cô thành công trong việc giải quyết vụ trẻ em mất tích là hai chị em Debbie và Cathy. Hai cô bé bị cha ruột bắt cóc năm 1977. Tám năm sau, vào năm 1985, đài truyền hình NBC phát đi chương trình Các trường hợp thất lạc với bức ảnh hai cô bé do nhà pháp y Scott Barrows phác hoạ. Ông đã lấy bức ảnh cũ của hai cô bé và tạo ra những nét già trên khuôn mặt. Chỉ trong vài phút chương trình này được phát đi, các giáo viên tại trường của hai cô bé đã nhận ra và gọi điện liên lạc với đài truyền hình.

Các nhà điều tra pháp y rất chú ý nghiên cứu các trường hợp trẻ em bị mất tích hoặc bắt cóc. Các kỹ thuật mà họ sử dụng ngày càng tinh xảo và chính xác hơn. Nhưng thường thì chúng vẫn là 2 loại kỹ thuật phổ thông từ trước tới nay là vẽ phác hoạ và tạo hình ảnh trên máy tính. Quả thật, pháp y là ngành khoa học kết hợp giữa tính chính xác của nhân thể học và sự mẫn cảm tinh tế của người nghệ sĩ tạo hình.

Nghệ thuật tạo hình là một công cụ có hiệu quả trong việc tạo dựng hình ảnh giống thật của những người mất tích. Cảnh sát luôn hy vọng rằng, trong tương lai, sẽ có nhiều người hơn nữa, nhờ vào tài năng của các nhà hình sự pháp y, được trở lại với gia đình thật của mình hoặc... vào tù!

VỤ XỬ TOMMY SUHARTO

Tommy Suharto bị tạm giam vì tình nghi giết người

Đây là tuyên bố chính thức đầu tiên của cảnh sát trưởng Jakarta Sofjan Jacob chiều nay (28/11), vài giờ sau khi bắt được Hutomo Tommy Mandala Putra, con trai cựu tổng thống Indonesia Suharto.

Jacob cho biết nhà chức trách nghi ngờ "cậu quý tử" của ông Suharto có dính líu đến một vài vụ phạm pháp, đặc biệt vụ thẩm phán toà tối cao Syafiuddin Kartasasmita bị sát hại. Tommy cũng sẽ bị thẩm vấn về việc sở hữu vũ khí trái phép.

Tommy đã bị bắt tại ngoại ô phía nam Bintaro. Hiện anh ta bị tạm giam trong phòng cảnh sát trưởng Jakarta. Nhà chức trách đã thông báo với Elza Syarief, luật sư của Tommy về sự việc trên.

Tommy đã bỏ chạy từ tháng 10 năm ngoái, sau khi bị kết án 18 tháng tù với tội danh biển thủ 11 triệu USD của nhà nước.

Cựu tổng thống Suharto nắm quyền lãnh đạo Indonesia suốt 32 năm trước khi bị lật đổ năm 1998. Kể từ đó, hàng loạt thành viên trong gia đình vị cựu tổng thống này đã bị điều tra về tội nhận hối lộ và biển thủ công quỹ. Tuy nhiên, Tommy là người duy nhất trong gia đình Suharto phải ra trước vành móng ngựa.

Theo báo cáo không chính thức, trong những năm tháng cầm quyền ở Indonesia, ông Suharto và 6 người con của mình đã biển thủ khoảng 45 tỷ USD.

Tommy Suharto đi thăm người cha ốm

Cảnh sát Indonesia hôm nay (18/12) đã cho phép cậu con cưng của cựu tổng thống Indonesia Suharto rời nhà giam đến thăm cha trong bệnh viện, sau khi ông Suharto phải vào đây vì bệnh viêm phổi.

Hutomo "Tommy" Mandala Putra đang bị giam sau hơn một năm trốn án 18 tháng tù vì tham nhũng.

Những người chỉ trích gia đình Suharto tỏ ra nghi ngờ về tình trạng bệnh tật của cựu tổng thống và cho rằng đây chỉ là một mẹo vặt để Tommy tới thăm ông.

Hồi cuối tuần, cựu tổng thống Tommy Suharto bị đột quỵ. Ban đầu, ông được điều trị ở nhà. Nhưng đến hôm qua thì tình hình biến chuyển tồi tệ hơn: cựu tổng thống bị khó thở và lên cơn sốt. Hai người con và bác sĩ riêng đã đưa ông vào bệnh viện Pertamina.

Một bác sĩ tại đây cho biết bệnh viêm phổi có ảnh hưởng rất nghiêm trọng đối với một người ở tuổi 80 như ông Suharto.

Tommy Suharto hối lộ 2 triệu USD

Hôm qua (2/1), Tommy Elza Syarief, luật sư của Tommy Suharto cho biết, thân chủ của mình đã chi 2 triệu USD để chạy tội tham nhũng. Món tiền được trao cho hai nhân vật thân cận với tổng thống Abdurrahman Wahid lúc đó, vào tháng 10/2000.

Thời điểm ấy, Tommy đang trốn thi hành bản án 18 tháng tù giam vì tội tham nhũng. Sau đó, án trên bị huỷ bỏ.

Tuy nhiên, Sulahaddin Wahid, anh ruột cựu tổng thống Wahid, cho biết em trai mình không hề nhận được tiền và cũng không quen biết hai nhân vật mà luật sư Tommy Elza Syarief nói đến. Bản thân hai người đó cũng bác bỏ việc trên.

Tommy Suharto bị bắt giam hồi tháng 11 vì tình nghi liên quan đến vụ ám sát một quan tòa và tàng trữ vũ khí bất hợp pháp. Ngoài ra, cảnh sát đang thẩm vấn Tommy về khả năng anh ta đứng sau một loạt vụ đánh bom ở Jakarta năm 2001.

Con trai Suharto bị buộc tội giết người

Ngày 7/3, Tommy Suharto, 39 tuổi, con trai út của cựu tổng thống Indonesia Suharto, chính thức bị buộc tội ám sát vị chánh án Tòa án Tối cao - Syafiuddin Kartasasmita.

Bị cáo sa lưới hồi tháng 11 năm ngoái, sau gần một năm lần trốn. Có khả năng Tommy sẽ phải lĩnh án tử hình với tội danh trên. Đối tượng cũng bị buộc tội sở hữu vũ khí trái phép và trốn tránh pháp luật. Công tố viên Andi Rachman Asbar cho biết ông

đã trình 3 bộ hồ sơ lên Tòa án trung ương Jarkarta. Phiên xử Tommy sẽ diễn ra vào cuối tháng này.

Tội danh ám sát của Tommy Suharto liên quan đến cái chết của vị chánh án Kartasasmita, hồi tháng 7/2001. Vị thẩm phán bị bắn chết trên đường đến phòng làm việc ở trung tâm thủ đô Jakarta. Khi ấy, nhà chức trách vẫn chưa bắt được Tommy Suharto để thi hành bản án 18 tháng tù đối với anh ta. 2 kẻ tình nghi là hung thủ cho biết Tommy đã đưa súng và 11.600 USD cho họ để thực hiện vụ này. Tuy nhiên, không lâu sau đó họ lại rút lại lời khai.

Cảnh sát cũng đã tìm thấy vũ khí và chất nổ khi đột kích một căn hộ thuộc sở hữu của Tommy.

Indonesia bắt đầu xét xử Tommy Suharto

Con trai út của cựu tổng thống Indonesia ra trước vành móng ngựa sáng nay, bị cáo buộc ra lệnh giết chánh án Tòa Tối cao. Phiên tòa được xem như một phép thử lớn đối với hệ thống luật pháp của đất nước - lâu nay vẫn mang tiếng là dễ bị uy quyền và tiền bạc chi phối.

Nhiều cặp mắt chăm chú theo dõi vụ xét xử, trong đó cậu con cưng của nhân vật từng cai trị Indonesia trong 30 năm phải đối mặt với một cáo buộc giết người và có thể lãnh án tử hình. Không ai tưởng tượng được có một ngày Tommy Suharto lại phải ra hầu tòa, nhất là khi gia đình Suharto vẫn còn có ảnh hưởng mạnh mẽ như hiện nay. Những người chỉ trích đã cáo buộc gia đình cựu tổng thống sử dụng tiền để trốn tránh công lý.

Những chứng cứ chống lại Tommy Suharto khá mạnh mẽ. Nạn nhân trong vụ ám sát 7 tháng trước - chánh án Tòa án Tối cao Syafiuddin Kartasasmita - chính là người đã tuyên anh ta 18 tháng tù vì tham nhũng. Hai tay súng trực tiếp bắn khai nhận rằng Tommy Suharto đã trả 10.000 USD và giao cho họ khẩu súng để giết ông Kartasasmita. Tuy nhiên, sau đó họ rút lại lời khai. Con trai cựu tổng thống đã bác bỏ mọi sự dính líu đến vụ ám sát.

Quá trình xét xử sẽ diễn ra trong vài tháng.

Hoãn xét xử Tommy Suharto đến ngày 27/3

Sau hai giờ rưỡi xem xét trong ngày làm việc đầu tiên, tòa án thụ lý vụ Tommy Suharto quyết định sẽ tiếp tục quá trình xử con trai cựu tổng thống Indonesia vào ngày 27/3.

Hutomo Mandala Putra (tên đầy đủ của Tommy) bị buộc tội âm mưu giết chánh án Tòa án Tối cao Siafiuddin Kartasasmita - người đã tuyên án ta 18 tháng tù vì tội tham nhũng. Nếu bị kết tội, con trai cựu tổng thống Suharto có thể lĩnh án tử hình.

Vụ này là thử thách lớn đối với Tổng thống Megawati Sukarnoputri nói riêng và hệ thống tư pháp Indonesia nói chung.

Tommy - cậu út cưng phóng đảng của cựu tổng thống Suharto

Vào lúc Indonesia chìm sâu trong khủng hoảng kinh tế năm 1998, bạo loạn liên tiếp nổ ra vì dân chúng thiếu lương thực, Hutomo "Tommy" Mandala Putra lái một chiếc Rolls Royce đi dự họp báo. Rồi anh ta cao giọng kể cho các nhà báo nghe về những điều gia đình mình đã làm cho đất nước trong 32 năm trời.

Nhưng cũng trong 32 năm ấy, Suharto đã điều hành Indonesia theo kiểu gia đình trị, tích lũy gần 45 tỷ USD nhờ độc quyền và tham nhũng qua các hợp đồng béo bở.

Và với nhiều người Indonesia, Tommy là minh chứng rõ ràng cho sự giàu có và quyền lực của gia đình Suharto. Anh ta từng khoe mình đáng giá tới 800 triệu USD.

Vào thời hoàng kim, mạng lưới kinh doanh của Tommy trải khắp Indonesia, sang cả Mỹ, New Zealand và Nigeria. Dưới cái mác tổ hợp Humpuss, Tommy nắm cổ phần quyết định ở ít nhất 90 công ty, hoạt động trong các lĩnh vực khai thác dầu mỏ, khí tự nhiên, dược phẩm, xây dựng và đóng tàu.

Ôtô và gái đẹp

Đó là hai mối quan tâm lớn của Tommy trong đời. Anh ta từng hẹn hò với hàng chục ngôi sao điện ảnh cũng như hoa hậu trước khi kết hôn năm 1997.

Cô dâu Ardhia Pramesti Regita Cahyani Soerjosoebandoro là hậu duệ của hoàng tộc Java. Đây quả là một đám môn đăng hộ đối. Và đám cưới của Tommy được tổ chức xa hoa chưa từng có.

Tommy cũng mê ô tô như điên đảo. Chiếc Rolls Royce của cậu út cưng con tổng thống thường lượn trên các đường phố của Jakarta. Đây chỉ là một trong nhiều chiếc xe hơi sang trọng trong bộ sưu tập ô tô của Tommy.

Năm 1993, anh ta bỏ ra 40 triệu USD để giành cổ phần quyết định trong công ty sản xuất xe Lamborghini.

Anh ta cũng làm chủ 75% sân golf 18 lỗ với 22 căn hộ tiện nghi ở Anh, một bãi sân trị giá 4 triệu USD và cùng 1 người khác đứng tên chiếc du thuyền 4 triệu USD nữa ở Australia.

Có lẽ món quà lớn nhất mà Tommy nhận được từ người cha là đặc quyền sản xuất loại xe con nhãn “Timor” của Indonesia mà không hề chịu thuế.

Sau này, anh ta buộc phải từ bỏ dự án một vốn 40 lời trên vì đây chính là một trong những điều kiện mà Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đặt ra nếu Indonesia muốn nhận tiền cứu trợ.

Tommy cũng phải rút lui trong vụ độc quyền cây đinh hương – nguyên liệu chính để sản xuất loại đặc sản thuốc lá có hương ngọt.

Ngày phán xét đã tới?

Tháng 9/2000, cuộc sống phóng túng của Tommy cuối cùng cũng có điểm dừng khi anh ta nhận bản án 18 tháng tù vì liên quan đến vụ tham nhũng trong một hợp đồng đất đai trị giá 11 tỷ USD.

Tuy nhiên, tranh cãi luật pháp đã giúp anh ta trốn tránh lưới gươm công lý. Việc Tommy ung dung ngoài vòng pháp luật hơn một năm trời khiến người ta phải đặt câu hỏi về hiệu quả hoạt động của hệ thống cảnh sát và tư pháp đất nước, rõ ràng đã nhiều lần để anh ta lọt lưới.

Giờ đây, Tommy Suharto đối mặt với cáo buộc chủ mưu vụ sát hại thẩm phán Tòa Tối cao Katasasmita. Người dân rất quan tâm đến quá trình xét xử. Đây được coi là thử nghiệm lớn, xem

liệu tòa án đất nước có còn đủ mạnh để trừng trị một bị cáo thuộc hàng đầu sỏ và đầy thế lực hay không.

Tommy Suharto: 'Cảnh sát để súng trong nhà tôi'

Con trai cựu tổng thống Indonesia Tommy Suharto đã nói như vậy tại phòng xét xử chặt cứng người hôm 27/3, khi các công tố viên đưa ra 4 súng trường, 5 súng ngắn và hàng chục băng đạn tìm thấy tại nhà riêng của bị cáo.

Tommy Suharto, tên thật là Hutomo Mandala Putra, bị buộc tội âm mưu ám sát Chánh án Tòa án tối cao và sở hữu vũ khí bất hợp pháp. Tommy bác bỏ cáo buộc dính líu đến vụ giết người. Nếu bị kết án, anh ta có thể bị tử hình.

Tại phiên tòa, đội trưởng cảnh sát Eddi Purbo Susyanto khẳng định ông cùng 4 sĩ quan khác đã phát hiện vũ khí ở nhà riêng của Tommy. Người quản lý ngôi nhà nói với giới chức rằng những vũ khí đó là của Tommy. Tuy nhiên, Susyanto chưa kiểm tra dấu vân tay trên những thứ tìm được.

Các luật sư bào chữa đã thẩm vấn ông Susyanto và một viên cảnh sát khác trong nhiều giờ liền về tính hợp pháp của lệnh khám nhà Tommy.

Kết án hai đồng phạm của Tommy Suharto

Hôm nay, tòa đã tuyên Noval Hadad và Maulawarman án chung thân vì tội sát nhân. Họ là hai người được Tommy Suharto, con trai cựu tổng thống Indonesia, thuê giết thẩm phán Tòa án tối cao Syafiuddin Kartasasmita.

Trước đó, các công tố viên dự tính hai bị cáo này sẽ bị phạt tù 14 năm. 3 nhân chứng cho biết đã thấy hai người rời khỏi hiện trường vụ án, tay cầm súng. Nhân vật thứ 3 bị cáo buộc là người tuyển mộ hai kẻ sát nhân cũng đang bị xét xử.

Tommy thuê 2 đối tượng trên trong thời gian anh ta đang chạy trốn khỏi án tù 18 tháng. Một số nhà phân tích nhận định mức án này cho thấy số phận của Tommy sẽ thế nào nếu bị kết tội.

Cảnh sát hôm 6/5 thông báo, luật sư Elza Syarief, bào chữa cho Tommy, đã bị bắt vì đưa hối lộ. 3 nhân viên an ninh tại phiên tòa khai rằng họ có nhận mỗi người 2 triệu rupiah (tương đương

213 USD) từ bà luật sư để thay đổi lời khai. Đầu tiên, mấy nhân viên an ninh này nhận dạng Tommy là chủ sở hữu số vũ khí tìm thấy trong nhà riêng của anh ta ở Jakarta. Sau đó, chính họ lại nói cảnh sát đã đe dọa để buộc họ phải khai như vậy.

Phiên tòa xử con trai cựu tổng thống về tội danh đứng đằng sau vụ giết thảm phán Syafiuddin Kartasasmita tiếp tục vào cuối ngày hôm nay. Nếu bị kết tội, Tommy sẽ lĩnh án tử hình.

Luật sư của Tommy Suharto được trả tự do

Đại diện cảnh sát Jakarta Anton Bahrul Alam nói: “Cảnh sát đã chấp nhận phóng thích Elza Syarief, luật sư của con trai cựu tổng thống Indonesia sau khi quá trình thẩm vấn đã hoàn tất. Hồ sơ của bà sẽ được đưa lên ban công tố để đưa vào hồ sơ xét xử Tommy Suharto”.

Elza Syarief đã bị giam giữ kể từ hôm 6/5 vì tình nghi đưa hối lộ cho 3 nhân viên an ninh để họ rút lại lời khai. Đầu tiên, số nhân chứng này nhận dạng Tommy là chủ sở hữu số vũ khí tìm thấy trong nhà riêng của anh ta ở Jakarta. Sau đó, chính họ lại nói cảnh sát đã đe dọa để buộc họ phải khai như vậy.

Syarief thừa nhận đã trao tổng cộng 600 USD cho các nhân chứng để mua quần áo, thuê xe và tài xế để họ tới tòa án. Tuy nhiên, bà bác bỏ đó là tiền hối lộ.

Tommy, từng là triệu phú và biểu tượng của gia đình trị dưới thời tổng thống Suharton, luôn tự nhận không có tội giết người và sở hữu vũ khí bất hợp pháp. Nếu bị kết tội, anh ta sẽ bị tử hình.

Con trai cựu tổng thống Suharto có thể chỉ bị tù 15 năm

Đây là mức án mà các công tố viên đề nghị đối với cậu út của cựu tổng thống Indonesia. Đề xuất đã khiến nhiều người thực sự ngạc nhiên vì họ mong đợi một bản án cao hơn thế dành cho Tommy, với tội danh ra lệnh ám sát một thẩm phán tòa án tối cao.

Một số chuyên gia pháp lý đã bày tỏ sự thất vọng về đề xuất của các công tố viên, coi đó là “một sự đùa cợt thiếu nghiêm túc”. Tommy bị buộc tội đạo diễn vụ ám sát thẩm phán Syafiuddin Kartasasmita, người từng kết án anh ta 18 tháng tù giam hồi năm 2000 vì buôn bán trái phép bất động sản trị giá nhiều triệu USD.

“Bị cáo đã phạm tội xúi giục người khác giết thẩm phán”, công tố viên trưởng Madani cho biết. Madani không giải thích tại sao không đề nghị một mức án nặng hơn, mà chỉ nói là Tommy đã cư xử đúng mực tại phiên tòa.

Hoãn tuyên án đối với con trai út cựu tổng thống Indonesia

Quyết định được thẩm phán đưa ra hôm nay sau khi Tommy Suharto kêu ốm. Hai bác sĩ đang theo dõi bệnh tình của Tommy tại nhà tù có an ninh nghiêm ngặt nhất Cipinang. Đây là lần thứ hai trong tháng qua tòa án gặp phải trở ngại này.

Hôm 10/7, phiên xử Tommy cũng đã phải hoãn lại vì anh ta bị tiêu chảy. Tommy, 40 tuổi, bị buộc tội đã ra lệnh giết thẩm phán tòa án tối cao tháng 7 năm 2001 (người đã hạ lệnh bắt và bỏ tù Tommy vì một hợp đồng mua bán đất mờ ám năm 2000). Cậu quý tử của ông Suharto còn bị cáo buộc tội sở hữu súng trái phép.

Với tội giết người và sở hữu súng trái phép, Tommy sẽ phải nhận án tử hình. Hiện các công tố viên chỉ đề nghị mức án 15 năm tù cho anh ta. Tuy nhiên, ban bồi thẩm 5 người sẽ không phải hướng theo lời đề nghị này nếu họ chứng minh Tommy có tội.

Con trai cựu tổng thống Indonesia lĩnh 15 năm tù

Hôm qua, dù Tommy Suharto cáo ốm, thẩm phán Indonesia vẫn tuyên án 15 năm tù đối với cậu út quý tử của ông Suharto, với tội ám sát, sở hữu vũ khí trái phép và lẩn trốn luật pháp. Tommy cùng các luật sư của anh ta đều không có mặt để nghe phán quyết.

Với hành vi ra lệnh ám sát thẩm phán tòa án tối cao và sở hữu súng trái phép, lẽ ra Tommy phải chịu án tử hình. Tuy nhiên, 5 thẩm phán tại phiên tòa lại chấp nhận mức án dành cho anh ta là 15 năm tù, theo đề nghị của công tố viên.

Việc tuyên án một thành viên của gia đình từng được coi là bất khả xâm phạm ở Indonesia phản ánh sự cương quyết của những người cầm cân nảy mực, lấy lại uy tín cho hệ thống pháp luật ở nước này.

6 luật sư bào chữa cho Tommy đề nghị tòa tạm hoãn tuyên án đối với thân chủ. Tuy nhiên, cả 6 người sau đó đã cấp cập ra về để tỏ sự phản đối, sau khi đề nghị này bị bác bỏ. Chánh án

Amiruddin Zakaria còn tuyên bố sẽ không cho họ cơ hội biện minh thêm.